

BÁCH KHOA

SỐ 60 — NGÀY 1.7.1959

Trong số này :

THẾ-QUANG	Minh minh-đức.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Phương-thuật điều-hành ngoại-giao của Liên-xô.
PHẠM-HOÀNG	Tinh-thần Tiểu, Trung-học và tinh-thần Đại-học.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Ông Bà Curie
NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA	Phương-pháp phân-định từ loại.
PHAN-VỌNG-HÚC	Phạm-Quý-Thích.
TIÊU-DẪN	Nam Bông-cầu thuộc về ai ?
ĐOÀN-THÊM	Rút kinh - nghiệm 15 năm đền sách.
TRẦN-HÀ	Trần-Huyền-Trang và chuyển thỉnh-kinh lịch-sử.
PHẠM-HOÀNG-HỘ	Sự bảo tồn thiên nhiên.
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	Điểm-sách « Mưa đêm cuối năm » của Võ-Phiến.
TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch)	Đường thi dịch giải.
Bà TÙNG-LONG	} Ý kiến về truyện ngắn Việt và ngoại quốc.
BÙI-XUÂN-UYÊN	
XUÂN-NHÃ	
NGUYỄN-PHAN-QUẾ	Câu chuyện gió sương.
HUY-LỰC	Chiều (thơ).
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	Tôi đóng phim bên Anh.
TƯỜNG-LINH	Lối cũ (thơ).
VĂN-TRANG (dịch)	Chủ tôi treo tranh.
VÕ-QUỲNH-BANG	Tình thuở ấy (thơ).
VÕ-PHIẾN	Lẽ sống (truyện ngắn).
THÙY-SONG-THANH	Bờ cỏ (thơ).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khởi lửa kinh-thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tửu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

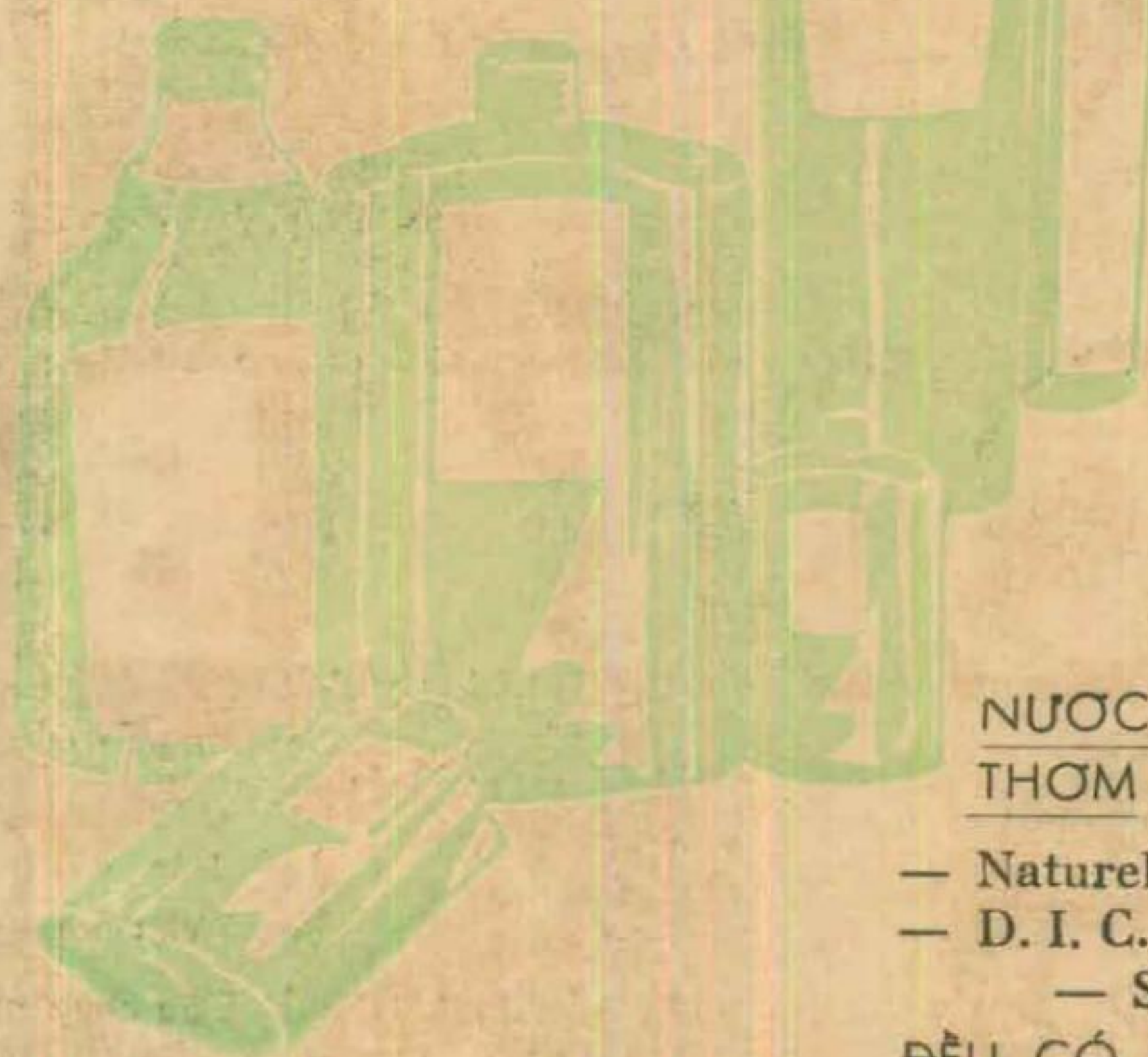
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHÁP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Ben Bạch-Đặng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiển Quý khách
Giá du - ngoạn đặc - biệt
(có giá - trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*) :

\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*) :

\$ 570 — mỗi người



XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

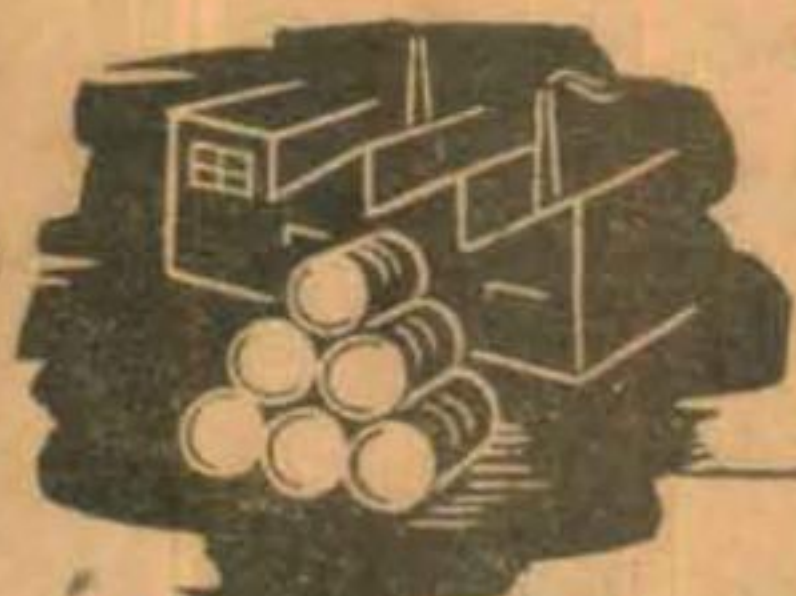
Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieltrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coûtera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix.*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées



NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

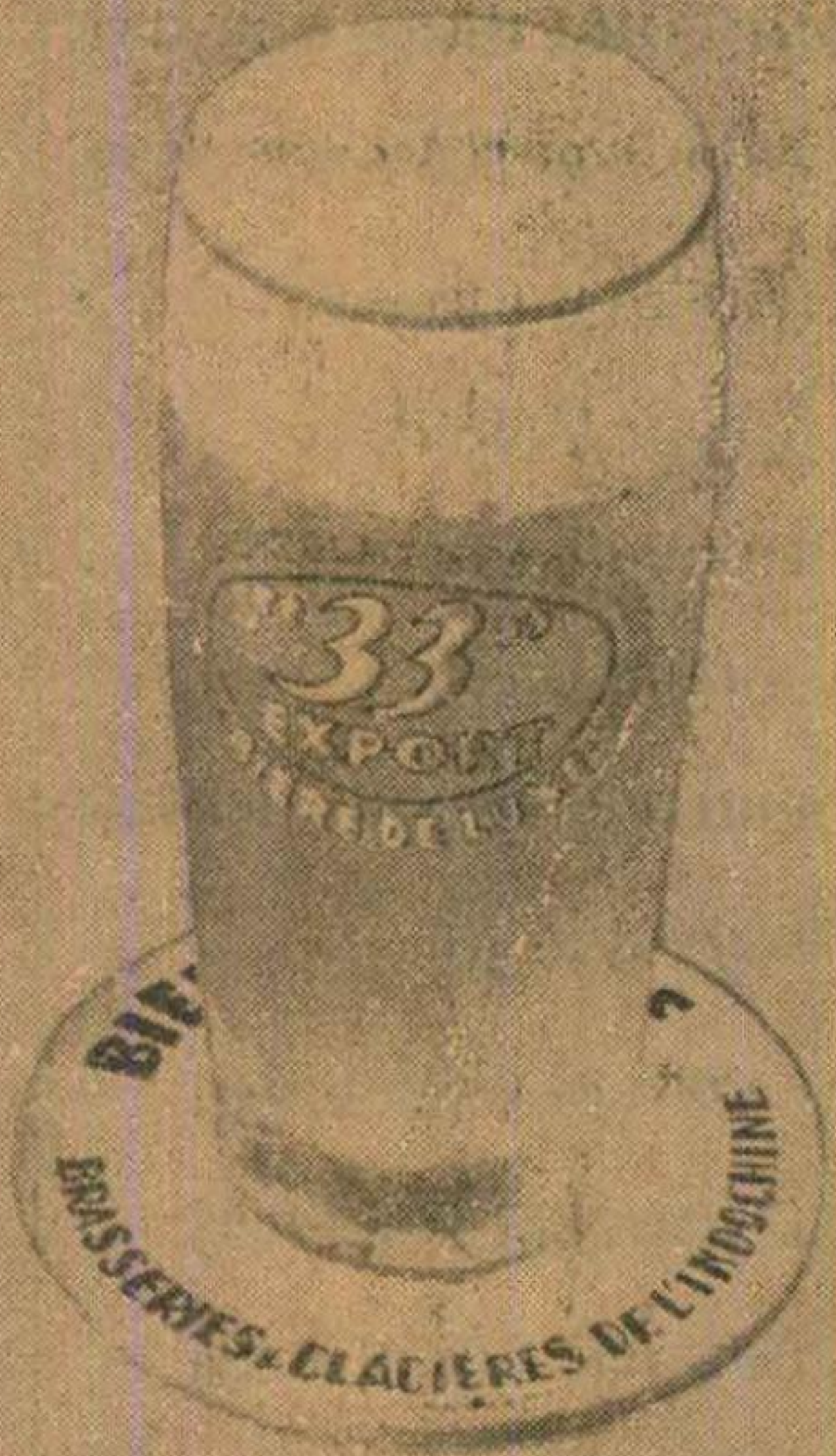
Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hóa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỔNG CHÍCH
 - và
 - KIM CHÍCH
- { « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLOERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ỉa mửa kiết lý, kiết đâm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm



BÁCH - KHOA

Số 60 — Ngày 1 - 7 - 1959

THẾ-QUANG
HOÀNG-MINH-TUYNH

PHẠM-HOÀNG

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

Dương-tuyền Dã-phu PHAN-VỌNG-HÚC

TIÊU-DẪN

ĐOÀN-THÊM
TRẦN-HÀ

PHẠM-HOÀNG-HỘ

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch)

Bà TÙNG-LONG BÙI-XUÂN-UYÊN
XUÂN-NHÃ

NGUYỄN-PHAN-QUẾ
HUY-LỰC

TRẦN-NGUYỄN-ANH-CA
TƯỜNG-LINH

VÂN-TRANG (dịch)

VÕ-QUỲNH-BANG

VÕ-PHIẾN

THÙY-SONG-THANH

VI-HUYỀN-ĐẮC

Trang

Mình mình-dức 3

*Phương-thuật điều-hành ngoại-giao
của Liên-xô.* 9

*Tinh-thần Tiểu, Trung-học và tinh-
thần Đại-học* 15

*Ông Bà Curie một gia-đình đoạt tổi-
cho Kỹ-lục về giải Nobel.* 16

Phương-pháp phân-định từ-loại 24

Tài-liệu Văn-học Phạm-Quý-Thích 27

*Nam băng-cầu (l'Antarctique) thuộc
về ai ?* 32

Rút kinh-nghiệm 15 năm đèn sách 35

*Trần-Huyền-Trang và chuyến thỉnh
kinh lịch-sử.* 44

Sự bảo tồn thiên nhiên 53

*Điểm sách « Mưa đêm cuối năm của
Võ-Phiến* 63

Đường thi dịch giải 70

*Ý kiến về truyện ngắn Việt và
ngoại quốc.* 71

Câu chuyện gió sương 74

Chiều (thơ) 74

Tôi đóng phim bên Anh 75

Lối cũ (thơ) 80

Chú tôi treo tranh 81

Tình thuở ấu (thơ) 84

Lẽ sống (truyện ngắn). 85

Bờ cõi (thơ) 93

Khỏi lửa kinh-thành 98

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

ĐOÀN-VĂN-NHÂN

: Định lại việc phiên-âm nhân-danh và địa-danh.

ĐÔNG-HỒ

: « Trấn-Bắc hành-cung hoài-cổ » của Bà Huyện Thanh-quan.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

: Phương-pháp phân-định từ-loại.

SONG-AN CƯ-SĨ

Nước Thái-Lan.

PHẠM-HOÀNG-HỘ

: Sự bảo-lồn thiên-nhiên.

TÂN-PHONG-HIỆP

: Bạch-Thất-Bưởi.

ĐOÀN-THÊM

: Học chữ nước ngoài.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH

: Hồn Trung-hoa và Kì-tô giáo :
kết-hợp của Mặc-Địch và Bắc-ái
của Kì-tô giáo.

CÔ-LIÊU

: Thụ thai theo ý muốn và dùng
thuốc ma túy cho người hấp-hối.

P. I. N.

: Những sự sai lạc ngày nay.

NGUYỄN-QUÂN

: Mãn - ảnh chứng - kiến căn - bệnh
thời-dại.

TIÊU-DÂN

: Nam-Bắc-Cầu thuộc về ai ?

HUYNH-ĐỆ

: Quân-nhân phạm-pháp.

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

: Đặc-tính của tiểu-thuyết.

NGUYỄN-TỬ-QUANG

: Thử tìm xuất-xứ bài Vọng-cổ.

TRẦN-VĂN-KHÊ

: Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng
khác số 9.

NGUYỄN

: Trong đồng hoang (truyện dịch).

THỦY-THỦ

: Sống ở đời.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

: Một cuộc tấn-công.

PHAN-DU

: Con ngựa hai chân (truyện ngắn).

THỬ TÌM HIỂU BA CHỮ

MINH MINH-ĐỨC

CỦA KHÔNG - HỌC

• THẾ-QUANG

(Tiếp theo B.K. số 59)

Chánh Tâm là gì ?

Như bài trước đã nói, theo Không-học Tâm và Minh-Đức là một. Mạnh-Tử còn gọi Tâm là Tính-Thiện. Trong người có Tâm và có Tính và Tâm-Tính tức là Minh-Đức cái đức sáng, cái ánh-sáng linh-diệu, sẵn có trong mỗi người.

Bàn về tâm, tính, Mạnh-Tử nói :

« Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính giả, tri kỳ tính tắc, tri thiên hỷ ; tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên giả » (Mạnh-Tử — Tận tâm thượng) (Biết hết cái tâm của mình là biết cái tính của mình ; biết cái tính của mình là biết trời vậy ; giữ cho còn cái tâm của mình, nuôi cái tánh của mình là để thờ trời vậy).

Như thế thì nói *tâm* tức nói *tính* ; *Tính* là biểu-hiện của *Tâm*. Một người Tâm lành thì cái lành ấy biểu-hiện qua lời nói, việc làm, cử-chỉ, thái-độ v.v... Đó là Tính. Qua Tính của một người, ta hiểu được trình - độ chân-thiện của người ấy.

Giữa các môn-phái của Không-học, có cuộc tranh-biện về bản-chất của Tính.

Cáo-tử thì nói rằng : « Tính vô thiện, vô bất thiện » (tánh thì không lành, cũng không phải chẳng lành). Về sau Tuân-tử lại cho rằng : « Nhân chi Tính ác, kỳ thiện giả, ngụy giả » (tánh của người thì ác, những điều thiện là do người đặt ra).

Không-Tử, cũng như Mạnh-Tử, đại-diện chân-chánh cho Không-học thì cho rằng Tánh là thiện.

Không-Tử nói : « Thiên mệnh chi vị tính » (tánh là của Trời phú cho). Đã là của Trời phú cho thì tất phải thiện.

Mạnh-Tử nói : « Nhân tính chi thiện giả, do thủy chi lưu hạ giả » (tánh người ta thiện một cách tự-nhiên, như nước chảy xuống chỗ thấp một cách tự-nhiên).

Nếu theo Không - Tử và Mạnh - Tử, *Tâm* hay *Tính* là một điềm của Trời phú cho người và thiện một cách tự-nhiên, như thế tại sao cần phải đặt vấn-đề *Chánh-Tâm* ?

Chánh-Tâm tức là làm cho cái Tâm được ngay thẳng, như vậy thì trong con người còn có cái Tâm nào là không ngay thẳng ?

Vấn-đề chánh-tâm được nêu lên vì lẽ trong mỗi người, ngoài cái Tâm — Minh-Đức vừa nói trên, nguồn-gốc của chân, thiện, của những tình-cảm cao, đẹp, còn có một nguồn tình-cảm khác, những tình-cảm thường biểu-lộ trong đời sống hằng ngày, gọi chung là thất tình : hỷ, nộ, ái, cụ, ái, ố, dục. Nguồn-gốc phát-sinh thất tình là một cái Tâm khác, một cái Tâm bất thường, hay dao-động và thế thường khi nói đến Tâm, người ta chỉ cái Tâm này.

Thất tình phát-hiện không phải từ cái Tâm chân thiện, từ minh-đức.

Thất tình phát-hiện qua sự nhận-thức của con người về liên-hệ của sự-vật khách-quan đối với bản-thân.

Thông-thường người ta nói « cảnh sinh tình », cảnh là sự-vật khách-quan. Cảnh đẹp thì ta thích, mất cái ta thích thì ta buồn. Cảnh ghê tởm thì ta không ưa ; được xa lánh cái ta không ưa thì ta sung-sướng. Ta thích một vật gì vì vật ấy có thể đem lại cho ta một điều lợi ; ta ghét một vật gì vì vật ấy có thể gây thiệt-hại cho ta. Biết một vật có lợi hay có hại cho ta, tức là nhận-thức vật ấy. Sống ở đời từng giờ từng phút ta phải nhận-thức bao nhiêu những sự-vật quanh ta.

Sự phát-hiện tình-cảm trong con người, căn-bản tùy-thuộc những nhận-thức này, nhận-thức liên-hệ giữa sự-vật khách-quan và cá-nhân ta.

Nhận - thức đúng thì tình - cảm đúng. Nhận-thức sai thì tình-cảm sai.

Như trên đã nói, sống ở đời, đa số chúng ta không cách-vật trí-tri mà chỉ dựa vào ý-thức phổ-thông, nông-cạn, phiến-diện ; ý-thức của ta về sự vật không chân xác nên tình-cảm phát sinh trong người chúng ta cũng sai lạc.

Vì lẽ tình - cảm là động - cơ chánh của hành-động, vậy tình-cảm đã sai thì hành-động cũng sai.

Vì đa số hành - động của người ta sai lạc nên mới xảy ra cảnh nhà không tề, nước không trị, thiên-hạ không bình.

Mà hành-động sai là vì tình-cảm sai ; tình-cảm sai vì ý không thành ; ý không thành vì không cách-vật trí-tri.

Vấn-đề cách-vật trí-tri như vậy là tối quan-trọng, tối khẩn-thiết. Nhưng tại sao đa số người đời không thấy sự cần-thiết phải cách-vật trí-tri ?

Nguyên-nhân là vì phần đông chúng ta thường không thấy mình sai, không thấy ý mình sai, tình-cảm mình sai, hành-động mình sai. Trong những cuộc thảo-luận hằng ngày, chúng ta thường có thái-độ bảo-thủ ý-kiến vì tin-tưởng mạnh-mẽ rằng chúng ta không sai.

Cái gì đã che mắt, làm cho chúng ta ngộ-nhận như vậy ?

Đó là dục-vọng. Dục-vọng mê hoặc con người, làm cho họ ngộ-nhận rằng mình không sai ; kết quả là trong người tích-tụ những tình-cảm sai lạc tạo thành một cái tâm mê-muội. Nhà Phật gọi đó là cái « vọng tâm ».

Cái « tâm dục-vọng » này che mờ cái « tâm minh-đức » ; bởi vậy Mạnh-tử đã nói : « Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục » (Mạnh-tử — Tận tâm hạ) (tu tâm không gì hiệu quả hơn là giảm-bớt dục-vọng).

Giảm-bớt dục-vọng, kiềm-hãm dục-vọng để cho cái tâm Minh-đức còn nguyên tính-chất linh-diệu của nó, đó là Chánh-Tâm.



Dục-vọng là gì ?

Nếu Minh-đức là ánh-sáng sẵn có trong mỗi người thì dục-vọng là những tánh hư tật xấu mà ai cũng có.

Dục-vọng có những đặc-tính trái ngược với Minh-đức.

Nếu Minh-đức là một điểm của tạo-hóa trong con người thì dục-vọng phải chăng là cái thú-tính còn tồn-tại trong chúng ta.

Nếu Minh-đức là căn-bản chân-thiện trong con người thì dục-vọng là nguồn gốc của mê-ngộ, của tội ác trong chúng ta.

Trong đời sống hằng ngày, dục-vọng thúc đẩy con người chạy theo những lạc-thú nhục-dục, phục-dịch cho cái ta ích-kỷ.

Trong nội-tâm, dục-vọng tranh nhau với Minh-đức, giành lấy ý-thức của cái «Ta». Thông-thường cái mà người đời thường gọi là «Ta» chính là cái «Ta ích-kỷ» do dục-vọng tạo nên, che khuất cái «Ta» chân-chính cái «Chơn-nhơn» của ta, xuất-phát từ Minh-đức.

Đạo Phật chủ-trương «Vô ngã» tức là phủ-nhận cái ta ích-kỷ này vậy.

Dục-vọng che mờ Minh-đức, giành lấy cái «Ta» và chi-phối toàn-bộ quá-trình nhận-thức sự-vật của con người, làm cho đa số những nhận-thức ấy sai-lầm.

Những nhận-thức của con người về sự-vật khách-quan có thể biểu-diễn bằng cái tỷ $\frac{V}{T}$ (V xin hiểu là sự-vật khách-quan; T là bản ngã, cái «ta»).

Người bị dục-vọng chi-phối, có cái ảo-tưởng là mình không sai lầm, nên không cách-vật trí-tri; không cách-vật trí-tri thì nhứt-định không thấy được thực-thể của sự-vật, của V.

Mặt khác, ngộ-nhận cái «Ta ích-kỷ» là bản-ngã, do đó nhận-thức cái ta (T) cũng sai nốt. Trong tỷ $\frac{V}{T}$, nhận-thức V sai, nhận-thức T sai thì nhận-thức $\frac{V}{T}$ nhứt-định sai.

Cái sai-lầm ấy nằm ở chỗ thấy gần không thấy xa, thấy cục-bộ không thấy toàn-diện thấy cái cụ-thể không thấy cái trừu-tượng, thấy hiện-tượng không thấy nguyên-lý.

Cái sai-lầm ấy càng nặng-nề hơn nữa khi phải nhận-định những liên-hệ giữa người và người, nhất là những liên-hệ giữa những người sống trong một xã-hội văn-minh khoa-học như xã-hội ngày nay, hết sức phức-tạp và tế-nhị (liên-hệ chánh-trị, kinh-tế văn-hóa v.v...)

Đã nhận-định sai-lầm liên-hệ giữa người và người thì càng nhận-định sai-lầm liên-hệ giữa người và ta

Cái sai-lầm căn-bản, quan-trọng nhứt của người bị dục-vọng chi-phối là nhận-định = Ta, Người mâu-thuẫn nhau. Cái sai-lầm căn-bản này là nguồn-gốc của bao nhận-định sai-lầm khác, chẳng hạn cho rằng: người giàu thì ta nghèo, người sang thì ta hèn, người vinh thì ta nhục v. v...

Từ những nhận-định sai-lầm này phát-hiện những tình-cảm ích-kỷ, hẹp-hòi, nhỏ-nhen, làm động-cơ cho những hành-động thù-hằn, ganh-ty, lường-gạt, cướp-bóc

v.v... khiến cho đời sống xã-hội căng thẳng, bất an.



Minh Minh-Đức là gì ?

Khi dục-vọng bị chễ-ngự thì Minh-Đức tự-nhiên hực sáng lên. Minh - Đức là mặt trời, dục-vọng là đám mây đen. Đám mây đen che mặt trời thì vạn-vật chìm trong u-ám. Đám mây đen tan thì mặt trời sáng rực, vạn-vật hiện ra rõ ràng, phổ-trưng cái hình-thể, cái màu sắc thực của chúng.

Khi Minh-đức, bên trong hực sáng thì con người đạt ngay đến cái chân-lý căn-bản là Ta, Người đồng nhứt-thể.

Cái « đồng nhứt-thể » ấy vẫn biểu-hiện trong đời sống hằng ngày ở hai điểm : thiện và chân.

Về thiện, nhìn bất cứ người nào khác bị đau khổ thì ta thấy rung-rúc trong lòng.

Về chân, ta nói ra một điều gì đúng, chí lý thì mọi người đều đồng ý tán-thành ; người khác nói điều gì đúng, chí lý thì tự-nhiên ta cũng đồng-ý, tán-thành.

Đồng nhứt thể bởi vì Minh-Đức tức Tâm là một điểm của Tạo-hóa, trong người chúng ta và trong tất cả mọi người quanh ta đều có Tâm, những điểm của Tạo-hóa. Ta và người là con một mẹ ; những giọt nước cùng một nguồn mà ra.

Một khi đạt đến cái chân-lý tuyệt-đối này, con người có được một nhân-quang sáng-suốt ; Phật-giáo gọi là cái « siêu-thức » (trước kia nhân-quan không sáng suốt vì bị dục-vọng che mờ).

Dưới ánh-sáng của cái chân-lý bên trong, cái chân-lý chủ-quan, con người đi tìm cái chân-lý khách-quan bằng « cách-vật trí-tri », phân-tích, nghiên-cứu những sự-vật, những hiện-tượng (khi còn bị dục-vọng chễ-ngự, con người không dám và không muốn cách-vật trí-tri, hay dù có cách-vật trí-tri đi nữa thì nhứt định sẽ gặp nhiều mâu-thuẫn không giải-quyết nổi vì bản-chất của dục-vọng là mâu-thuẫn).

Phương-pháp cách-vật trí-tri đúng-dẫn không phải là đứng nhìn các sự-vật các hiện-tượng một cách bàng-quan. Cách-vật trí-tri là hành-động, là « nhập thể », đem tất cả tâm-trí mà hoạt-động, hoạt-động vì mình mà cũng vì người, vì người là vì mình. Hành-động, quan-sát, phân-tích, rút kinh-nghiệm.

Trong quá-trình cách-vật trí-tri bền-bĩ, lâu dài ấy, dần dần chân-lý xuất-hiện, từ chỗ rời rạc tiến tới thành hệ-thống, xuất-hiện ra trước mắt, trong đời sống hằng ngày, trong mọi hành-động, chớ không phải trên non cao, trong rừng thẳm, cũng không phải hoàn-toàn ở trong kinh sách, vì kinh sách chỉ là tổng-lược của cuộc đời. Nói chung, sống ở đời và tìm chân-lý là một, vì chân-lý ở trong cuộc đời, nằm sau mọi hiện-tượng chánh-trị, kinh-tế, văn-hóa v.v... Có sống ở đời với toàn-tâm, toàn-trí mới thấy được chân-lý và tìm ra chân-lý là để làm cho cuộc đời càng ngày càng tươi đẹp, tràn-trề hạnh-phúc cho chính mình và những người chung quanh.

Khi chân-lý xuất-hiện thì nó có một sức hấp-dẫn mạnh-mẽ Tất cả những hình-ảnh, thanh-sắc đã làm cho dục-vọng đắm-say, không có một tác-dụng nào đối với một người đã thấy được chân-lý vì lúc

bây giờ người họ tràn-ngập một niềm vui-sướng tinh-thần, lý-do là bên trong họ nhận thấy tư-tưởng được thông-suốt, mọi ý-thức đều có hệ-thống, mọi mâu-thuẫn được giải-quyết, còn bên ngoài thì hành-dộng có hiệu quả, đạt được những điều mình mong muốn, đem hạnh-phúc lại cho mình và cho những người chung-quanh.

Khi cái chân-lý bên ngoài xuất-hiện thì hai cái chân-lý trong ngoài ảnh-hưởng lẫn nhau mà kết-quả là con người tiến càng ngày càng nhanh và một cách chắc - chắn trên con đường chân-thiện.

Hai cái chân-lý bên trong bên ngoài ăn khớp với nhau, hay nói cho đúng một cái chân-lý duy nhất ở trong hai trạng-thái khác nhau. Bên trong, chân - lý ở trong trạng-thái tổng-hợp, nằm trong tâm-tư con người ; bên ngoài, chân-lý ở trong trạng-thái phân-tích, nằm sau các sự-vật các hiện-tượng diễn-biến trong không-gian và thời-gian.

Cái chân - lý bên trong hướng - dẫn con người thấy nhanh-chóng và đúng-dẫn chỗ tàng-ân của cái chân-lý bên ngoài; cái chân-lý bên ngoài làm cho con người thấy rành-rẽ trong mọi khía-cạnh, mọi chi-tiết cái chân-lý bên trong, cho đến mức cuối cùng là thống-nhất chủ-quan và khách-quan, đạt đến cái chân-lý tuyệt-đối : vạn-vật đồng nhứt thể, Ta, Người đồng nhứt thể.

Tóm lại, người ta khi còn bị dục-vọng chế-ngự thì nhứt-định không thấy được chân-lý. Người ta khi mình Minh-đức thì nắm được cái chân-lý cơ-bản : ta người đồng nhứt thể, lấy đó làm xuất-phát-diểm để tìm chân-lý dưới mọi phát-hiện của nó trong sự-vật khách-quan.

Đề đạt đến chân-lý tuyệt-đối, con đường xuất-phát từ minh-đức có thể nói là con đường tương-đối ngắn. Tuy nhiên nhân-loại có thể tiến-tới chân-lý từ những xuất-phát-diểm khác nhau : « Đồng quy nhi thù đồ ».

Stuart Mill, một triết-gia người Anh, xuất-phát từ « lợi-ích » (cá-nhơn hay tập-thể) đã tiến tới kết-luận như sau :

« Lorsque l'esprit est en progrès, on voit sans cesse se développer des influences qui tendent à créer chez chaque individu un sentiment de son unité avec tous les autres, sentiment qui, à l'état parfait, éloignerait de l'homme toute pensée ou tout désir d'une condition personnelle heureuse dont ses semblables ne partageraient pas les avantages » (Utilitarisme, chap. III).

(Khi trí con người tiến-bộ, họ sẽ không ngừng thấy phát-hiện những ảnh-hưởng có khuynh-hướng làm cho mỗi cá-nhân cảm thấy sự đồng-nhứt, giữa họ với tất cả những người khác, cảm - giác này, khi được thuần-túy, sẽ làm cho con người từ bỏ mọi tư-tưởng hay mọi ham muốn riêng sống một cuộc đời hạnh-phúc, hưởng nhiều điều tiện-lợi mà những tiện-lợi này lại không san-sẻ cho đồng-loại của họ).

Đạt đến nhận-thức : Ta, Người đồng nhứt thể thì tình-cảm phát-sinh là trọn lành, chí-thiện, đối với người chỉ có mến thương, đoàn-kết, tương-trợ chứ tuyệt-nhiên không có mảy-may thù-ghét.

Trong một nhà mà mọi người đều dựa vào Tâm mà đối-xử với nhau thì nhà ấy được tề ; trong một nước mà nhà này, nhà kia đều dựa vào Tâm mà giao-thiệp với nhau thì nước ấy trị ; trong thiên-hạ mà

THỦ TÌM HIỂU BA CHỮ MINH MINH-ĐỨC

nước này, nước kia đều dựa vào *Tâm* mà thiết-lập bang-giao với nhau thì thiên-hạ được bình.

Như trên đã trình-bày, chúng ta không thể hiểu cái quá trình khởi-diểm từ cách-vật trí-tri đến tu-thân theo trật-tự đã trình-bày trong sách Đại-học, tức là :

« Vật cách nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành ; ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu ». (Nghiên-cứu tinh-tường sự-vật thì điều hiểu-biết mới đến tận căn-bản ; điều hiểu-biết đến tận căn-bản thì các ý mới tinh-thành, ý được tinh-thành thì tâm mới chánh ; tâm đã chánh thì thân mới tu).

Đúng ra khởi-diểm của vấn-đề tu-thân là chính-tâm, tâm có chính thì mới tích-cực cách-vật trí-tri ; kết quả của cách-vật trí-tri là thành ý và ý có thành thì tâm mới chính ; tâm có chính thì mới tích-cực cách vật trí-tri v. v... nghĩa là các giai-đoạn của quá-trình không phải ảnh-hưởng một chiều và theo một đường thẳng ; phải hiểu các giai-đoạn ấy ảnh-hưởng qua lại với nhau theo một tuyến-trình (courbe) vòng tròn hình khu-ốc (spirale) mà mỗi chu-kỳ (cycle) cao hơn chu-kỳ trước một bậc, nghĩa là mỗi ngày một cao hơn, mỗi tiến-bộ thêm. Có hiểu như vậy mới nắm được cái thực-tế phong-phú, phức-tạp của vấn-đề tu-thân. Sở-dĩ người xưa trình bày một chiều và theo một đường thẳng như vậy, đó có lẽ là do cái nhược-diểm của ngôn-ngữ, văn-tự không diễn-tả được cái tính-chất phong-phú và phức-tạp của thực-tế.

Đối với cái quá-trình từ tu-thân đến bình thiên-hạ qua các giai-đoạn tế-gia, trị

quốc, chúng ta cũng phải hiểu các giai-đoạn ấy ảnh-hưởng qua lại theo một tuyến-trình hình khu-ốc như trên, mới nắm được cái thực-tế phong-phú phức-tạp của vấn-đề tu tề trị bình.

Nhưng trong cái thực-tế phong-phú phức-tạp ấy, trung tâm điểm vẫn là con người, cho nên vấn-đề tu-thân là khởi-diểm của tuyến-trình và vấn-đề tu-thân của Không-học có thể quy vào bốn chữ : Tồn Tâm Quả Dục của Mạnh-tử mà tồn-tâm tức là minh Minh Đức vậy.

Nhưng có một điều mà người xưa không nói, một vấn-đề mà ông Không, ông Mạnh, đức Phật chưa giải quyết cho chúng ta, đó là vấn-đề :

Làm cách nào Tồn Tâm Quả Dục, minh Minh-Đức trong cái xã-hội văn-minh khoa-học ngày nay, cái xã-hội xây-dựng trên nguyên-tắc thỏa-mãn tất cả và một cách « khoa-học » mọi đòi hỏi của dục-vọng.

Ông Mạnh-tử đã nói : « tồn tâm quả dục ».

Đức Thích-Ca đã dạy : « chính tâm diệt dục » Hai phương-pháp ấy có lẽ phù-hợp với cái xã-hội trên hai ngàn năm về trước nhưng lại mâu-thuẫn, với cái xã-hội của thế-kỷ thứ hai mươi.

Con người ở thế-kỷ hai mươi phải giải-quyết vấn-đề minh Minh-Đức đặt ra trong xã-hội của thế-kỷ hai mươi.

Đó là một vấn-đề mà chúng tôi sẽ xin trình bày trong một dịp khác.

THẾ-QUANG

BÁCH KHOA LX

Phương-thuật điều-hành

ngoại-giao của Liên-xô • HOÀNG-MINH-TUYNH



Tuần báo « Thính-giả » (The Listener), cơ-quan của hãng Vô-tuyến truyền-thanh Anh-quốc (British Broadcasting Corporation) có đăng bài của ông Uy-liêm Hây-tơ (Sir William Hayter) nói về phương-thuật điều-hành bộ ngoại-giao của người xô-viết. Bài này nói rất rõ ràng về cách-thức người xô-viết lợi-dụng cơ-quan ngoại-giao của họ vào những mục-tiêu chính-trị thế nào. Bài càng có giá-trị vì xuất-phát từ một nhà ngoại-giao Anh-quốc, đã từng làm đại-sứ tại Mạc-tư-khoa (Moskva) từ năm 1953 đến năm 1957 và hiện là Viện-trưởng viện Đại-Học (New College) tại Oc-fo (Oxford).

Trong bài trên, ông Uy-liêm Hây-tơ cho chúng ta biết :

Ngoại-giao xô-viết hoạt-động trên nhiều bình-diện khác nhau. Từ việc phóng vệ-tinh nhân-tạo cho tới việc gửi một thông-diệp đầy hai mươi trang về Bá-linh, hay việc đọc một diễn-văn về Trung-Đông tại Liên-hiệp-quốc, nhất-thiết đều được đặt vào trong phạm-vi của hoạt-động ngoại-giao cả.

Có lẽ hơn hết mọi nước khác, ngoại-giao xô-viết là ngoại-giao toàn-diện, vì hai lý-do. Lý-do thứ nhất là trong hoạt-động ngoại-giao, chính-phủ xô-viết không chỉ tìm cách giải-quyết mỗi bang-giao với các chính-phủ khác, điều thông-thường thuộc phận-sự ngoại-giao của mọi nước ; chính-phủ xô-viết còn chú-tâm đến việc tuyên-truyền một tín-điều chính-trị, kêu gọi trực-tiếp dư-luận ngoại-quốc theo một qui-mô, với một cường-độ mà không một nước nào dám làm. Thứ nữa, chính-phủ xô-viết ở trong tình-trạng độc-nhất, hơn hẳn chính-phủ các nước khác về tuyên-truyền, hướng-dẫn dư-luận nước ngoài, đó là nhờ họ chiếm độc-quyền mọi phương-tiện của quốc-gia. Tại các nước Tây-phương, những người có phận-sự điều-khiển chính-sách ngoại-giao, nhiều khi phải bực mình, tức tối (ít ra đó cũng là cảm-trởng của họ) vì có những kẻ nắm giữ ít nhiều quyền-bính trong nước can-thiệp nói ra nói vào, làm chộn-rộn hết cả. Kẻ ấy có thể là cơ-quan chính-quyền khác, có thể là báo-chí, có thể là đảng-phái đối-lập. Biết bao lần, lời nói, câu văn hay hành-động bất hợp-thời của

họ đã làm cho người có nhiệm-vụ điều-khiển ngoại-giao có cảm-giác như bị người thợ gây bánh xe !

Chính - phủ xô - viết không vấp phải những nông nỗi khó-khăn trên, vì nếu họ muốn, họ có thể biến các biện-pháp của nhà nước hòa theo một nhịp điệu với nhu-cầu ngoại - giao của họ. Cổ-nhiên cũng có đôi khi nhu-cầu nội-bộ cấp-bách hơn nhu-cầu ngoại-giao và nhu-cầu ngoại-giao phải gạt xuống hàng nhì như ta từng thấy xảy ra trong các biến-động tại Hung-ga-ri và trong vụ tặng giải-thưởng Nô-ben (Nobel) cho ông Pat-te-nác (Pasternak) chẳng hạn. Mỗi khi họ hành-động như vậy, ta mới thấy rõ chính-phủ xô-viết coi thường dư-luận thế-giới và người cộng-sản ngoại-quốc thế nào—Song thường thì họ vẫn đề chính-sách nội-trị gắn liền chính-sách ngoại-giao.



Từ các nhà cách-mạng quốc-tế tới các viên công-chức sắt-đan

Hiểu như vậy, ta sẽ thấy trường-sở hoạt-động của ngoại-giao xô-viết thật là rộng-rãi, bao-la, khó tóm tắt được hết trong phạm-vi bài này. Nên ở đây, chúng tôi chỉ xin nói về ngoại-giao xô-viết theo nghĩa hẹp, nghĩa là phương-thuật bộ ngoại-giao xô-viết và các sứ-giã của họ ở ngoại-quốc dùng để điều-hành cuộc bang-giao của Liên-xô với các nước khác mà thôi. Hoạt-động này, cũng như các hoạt-động khác của Liên-xô, đã trở lại bình-thường từ sau cuộc cách-mạng Nga năm 1917.—Trong những năm đầu, người xô-viết tưởng rằng cuộc cách-mạng thế-giới sắp sửa thành-công

rồi, nên họ bỏ các tập-tục ngoại-giao cổ-truyền mà họ cho là lỗi thời và có ý miệt-thị rõ ràng. Tác-phong ngoại-giao của họ thay đổi hẳn, họ có khuynh-hướng coi mình như những nhà cách-mạng được Chính-phủ ủy-thác sứ-mạng đại-biểu chủ-nghĩa quốc-tế đến với giai-cấp vô-sản của nước họ thiết-lập quan-hệ ngoại-giao.

Giai-đoạn này không kéo dài được lâu. Chính-phủ xô-viết hiểu ngay rằng cuộc cách-mạng thế-giới chưa dễ dàng thành-công mau chóng như đã dự-liệu và còn cần phải giữ lại các tập-tục ngoại-giao cổ-truyền trong một thời-gian nữa. Đại-diện của họ, khi còn là những nhà cách-mạng, lấy tên là « polpreds » (âm đầu tiếng Nga chỉ vị đại-sứ toàn-quyền, một thứ tên rất cách-mạng), đến sau lại dùng lại các chức tước phong-kiến cũ như đại-sứ, công-sứ, và các vị ấy cũng « ngự » tại các tòa đại-sứ sán-lạn của Nga-Hoàng ngày xưa chuyển nhượng lại, như các vị đại-diện ngoại-giao của các nước khác vậy.

Buổi đầu, nhân-viên ngoại-giao không thay đổi bao nhiêu. Vào khoảng năm 1930, bộ ngoại-giao xô-viết, các tòa đại-sứ và các tòa đại-diện còn dùng nhiều phần-tử cách-mạng quốc-tế chủ-nghĩa, đa số thuộc dòng dõi do-thái. Trong số này, cũng có đôi nhà ngoại-giao có biệt-tài như ông Maiski ở Luân-đôn ông Troganovki ở Hoa-thịnh-đốn. Các nhà ngoại-giao trên thường dùng những phương-pháp ngoại-giao cổ-truyền như kết thân, thuyết-phục, đưa đón và cố tránh những cuộc tiếp xúc quá mật-thiết với các đảng cộng-sản ngoại-quốc. Lãnh-tụ của phái ngoại-giao này là Lit-vi-nốp (Litvinov). Lit-vi-nốp nguyên chỉ là một nhân - vật thường ở Mạc-tư-khoa,

không có thể-lực gì. Khoảng giữa những năm 1930 và 1940, những người bình thường vào loại ông đều bị thanh-trừng khỏi Tổng-Bộ, nên ông cũng bị loại theo cùng với tất cả những nhà ngoại-giao theo học-phái của ông.

Sau đó, một học-phái mới xuất-hiện, học-phái Mô-lô-tốp (Molotov). Hiện nay, ông này cũng đã biến mất, song những nhà ngoại-giao huấn-luyện theo học-phái ông vẫn còn. Các nhà ngoại-giao này được mệnh-danh là những « công-chức sắt danh », theo luận-điệu của một nhân-vật cộng-sản trong cuốn tiểu-thuyết của Koestler: « người chúng ta cần dùng ngày nay, không phải là những anh-hùng Cách-mạng nữa, mà những công-chức sắt danh ». Ông Mô-lô-tốp là một trong những công-chức này, mặc dầu ông vốn là nhà Cách-mạng Bon-sơ-vích cũ. Ông đã huấn-luyện được một số đông đệ-tử, trong số có Gơ-rô-mi-kô (Gromyko). Những người sau này không còn chút ảnh-hưởng gì của tinh-thần cách-mạng cũ; họ là sản-phẩm của cách-mạng, phần-đồng thuộc dòng-dõi Nga và thuộc thành-phần công-nông, chỉ có một số ít người thuộc thành-phần trí-thức. Về kỹ-thuật ngoại-giao, họ rất thông-thạo, duy về xã-giao họ rất vụng về. Trước kia trong thời kỳ Xi-ta-lin (Staline), những vụng về của họ không quan trọng lắm, vì các nhà ngoại-giao Xô-viết thời ấy theo lệnh Mạc-tư-khoa, không được giao-du với ai ngoài dịp nghi-lễ chính-thức; họ sống cách biệt hẳn với thực-tại của đời sống thông thường. Từ sau ngày Xi-ta-lin mất, họ lại được xuất đầu lộ diện, song còn chói mắt, như những người ở trong bóng tối thoát trông thấy ánh sáng vậy.

Những khó khăn của các công-chức ngoại-giao Liên-xô hiện tại

Bây giờ ta thử coi xem cơ-cấu tổ-chức ngoại-giao của Liên-xô thế nào và các viên-chức của họ làm việc ra sao. Bề ngoài, cơ-cấu tổ-chức ngoại-giao của Liên-xô không có gì khác thường lắm. Bộ ngoại-giao của họ đặt tại Mạc-tư-khoa trong một tòa nhà trọc trời, bài-trí rục rỏ, sáng trưng, song các hành-lang thì vắng vẻ, yên lặng một cách kỳ lạ, và hình như không có bóng người. Bộ gồm nhiều nha, theo như cồ-tục, có nha chuyên về địa-lý, có nha chuyên về công-vụ, tổng số nhân-viên không hề được công-bố. Từ bộ-trưởng cho tới những nhân-viên hạ-thuộc, hình như không một ai có quyền trả lời thẳng một câu hỏi, dù là một câu hỏi thông-thường, không có gì gọi là quan-trọng cả. Mỗi khi có việc với bộ này, ta có cảm-giác như phải giao-dịch với một cái máy phân-phối tự-dộng: bạn cho một đồng tiền vào lỗ hổng (đồng tiền là câu hỏi của bạn), một lát sau, bạn thấy thò ra một cái gì đó, cái gì đó chưa chắc đã đúng với cái bạn muốn có, có thể là một viên kẹo chua chua trong khi thực sự bạn muốn có một viên kẹo sô-cô-la. Nếu bạn muốn cho công việc chạy lẹ hơn một chút, bạn có thể lắc lắc cái máy, nhưng bạn chớ hoài-công hỏi chuyện cái máy làm gì, vô ích!

Chính vị bộ-trưởng thường cũng chỉ là một công-chức hơn là một nhà chính-trị. Từ Mô-lô-tốp và Sô-pi-lốp (Chepilov), những vị khác như Li-vi-nốp, Vi-sin-ki, (Vychinski) Gơ-rô-mi-kô tự họ không hề có một chút quyền-hành trong nội-bộ, nhất nhất đều phải nhận chỉ-thị từ cấp trên đưa xuống hết.

Liên-lạc giữa bộ ngoại-giao và các tòa đại-sứ ngoại-quốc, trong thời Xi-ta-lin, thường thường là lạnh lùng, đôi khi điềm chút khuấy phá, kiếm chuyện, và rất ít khi có vị đại-sứ nào được gặp ông chúa-tề đồ. Trái lại, tới thời ông Kơ-rut-sốp, ông và các cộng-sự viên trực thuộc của ông không những tỏ ra niềm nở mỗi khi đón tiếp các đại-sứ ngoại-quốc, mà còn hay đi dự các buổi dạ-hội một cách rất hồn nhiên, vui vẻ. Trước kia, thời Nga-Hoàng, các đại-sứ ngoại-quốc đồn trú tại Nga không cần phải biết tiếng Nga lắm, vì người Nga trí-thức nào cũng nói được tiếng Pháp. Từ cuộc cách-mạng cho tới khi Xi-ta-lin mất, các nhà lãnh-đạo Nga thường có ý lánh mặt, không chịu tiếp khách, trừ những trường-hợp đặc-biệt không kể. Ngày nay, trái lại, họ sẵn sàng tiếp bất cứ lúc nào, song họ chỉ nói tiếng Nga, thứ tiếng ít nhà ngoại-giao hiểu biết được rành.

Tóm tắt, ta có thể nói Bộ ngoại-giao Liên-xô là một tập-đoàn công-chức, do một công-chức điều khiển. Vị công-chức này chịu trách-nhiệm với các nhà lãnh-đạo chính-trị ở ngoài Bộ và thực-tế ra lệnh cho bộ-trưởng. Bộ-trưởng, theo nguyên-tắc, chỉ-huy các tòa đại-sứ và các phái bộ ngoại-giao tại nước ngoài. Trước mắt một người quan-sát thông-thường, thì các tòa đại-sứ xô-viết cũng tổ-chức theo hệ-thống cũ-truyền như các nước khác nghĩa là cũng gồm những cố-vấn, bí-thư, tham-vụ và chuyên-viên. Nhưng tổng-số nhân-viên của họ thường đông quá sức tưởng-tượng. Đó là vì hai lý-do. Lý-do thứ nhất là chế-độ nha sảnh của Liên-xô hiện nay là chế-độ nha sảnh lớn nhất hoàn-cầu. Lý-do thứ hai là nhân-

viên của họ làm những chức-vụ không hẳn là những chức-vụ ngoại-giao theo nghĩa thông-thường.

Một lý do nữa là người xô-viết không muốn dùng những nhân-viên không phải là người xô-viết, dù là hạ thuộc. — Có nhiều viên-chức của họ tự làm tài-xế lái xe cho nhân-viên và có khi chính tự họ lau chùi lấy bàn ghế nữa. Trong số nhân-viên đông-đào của họ, chỉ có một vài người tỏ ra có chức-vụ nhất định và chỉ có một số rất ít ở trên cao là được giao-thiệp với người ngoài.



Vấn-đề gián-điệp

Bây giờ, ta thử xét coi một hai chức-vụ khác của các viên-chức ngoại-giao xô-viết, những chức-vụ không có tính chất ngoại-giao. Trước hết là chức-vụ gián-điệp. Về vấn-đề này muốn có một ý-niệm rõ rệt, thiết-tưởng chỉ cần đọc một vài tài-liệu chân xác đã được công-bố từ ít lâu nay. Như vụ Petrod tại Úc - đại-lợi, vụ Gouzenko tại Gia-nã-đại. (1) Cuốn Lam-thư của Ủy-ban hoàng-gia Gia-nã-đại phát-hành, nhân vụ sau này, rất cần thiết cho những ai muốn nghiên-cứu tường-tận tổ-chức

(1) Igor Gouzenko : Phụ-trách công-tác mật-mã tại Đại-sứ-quán Liên-xô ở Ottawa, Gia-nã-đại. Hồi năm 1953, đã đào-ngú với 109 tài-liệu bí-mật, do đó đã giúp cho thế-giới tự-do phát-hiện ra một tổ-chức gián-điệp Xô-viết hoạt động tại Gia-nã-đại và (Hiệp-chúng-quốc).

Vladimir Mikhailovitch Pétrov : Chính thức thì là đệ-tam bí-thư tại toà Đại-sứ Liên-xô ở Canberra, Úc-dại-lợi. Thật ra lại là đại-tá trong ngành Công-an Mật-vụ Xô-viết. Đào-ngú năm 1954 và đã tiết-lộ những hoạt-động gián-điệp của Liên-xô tại Úc-dại-lợi.

ngoại-giao xô-viết. Tài-liệu trên nói rất rõ ràng về những cơ-quan điều-khiển các ban của một tòa đại-sứ từ Mạc-tư-khoa và về hoạt-động của các ban này tại một nước Mạc-tư-khoa đã đặt được quan-hệ ngoại-giao thế nào.

Vấn-đề thứ hai là vấn-đề liên-lạc giữa các tòa đại-sứ xô-viết với các đảng cộng-sản. Nơi nào đảng cộng-sản được chính-thức thành-lập, sự liên-lạc thường diễn ra một cách đường hoàng. Họ cố tâm chứng tỏ mối liên-lạc hết sức thông-thường, vô hại cũng như mối liên-lạc của các tòa đại-sứ xưa nay với các đảng chính-trị khác mà thôi. Nhiều người cho đảng cộng-sản của các nước có quan-hệ ngoại-giao với Liên-xô thường nhận huấn-thị của Mạc-tư-khoa đưa tới bằng đường lối ngoại-giao. Điều đó không chắc lắm và dù cho có đúng chăng nữa, vị đại-sứ và các công-chức trong tòa đại-sứ của họ vì phải chịu trách-nhiệm về sự bang-giao, thường ít khi dám trực tiếp nhúng tay vào những hoạt-động này.

Sau hết chúng tôi muốn trở lại vấn-đề chúng tôi vừa nói sơ qua ở trên : đó là vấn-đề ngoại-giao xô-viết có mục-dích gây ảnh-hưởng đối với dư-luận quần-chúng hơn là đối với chính-phủ của nước họ thành-lập quan-hệ ngoại-giao. Ngay trong thư tín ngoại-giao nho nhỏ, ta cũng thấy rõ điều này. Ông Uy-liêm Hây-tơ cho biết : lần thứ nhất với tư cách đại-sứ, ông được ông Ma-len-kốp (Malenkov) chủ-tịch Hội-đồng Bộ-trưởng Liên-xô tiếp và có hỏi ông nghĩ sao về một thông-diệp của chính-phủ Liên-xô mới gửi cho chính-phủ Anh. Đại-sứ Anh đáp : ông thấy hơi dài dòng. Ông Ma-len-kốp hỏi lại : « Vậy ra ngài cho một thông-diệp viết ngắn có lợi

hơn sao ? » Ông Uy-liêm Hây-tơ đáp « Phải » và ông hóm hỉnh nói tiếp : « khi tôi đáp : « Phải », tôi có cảm-giác như đã tiết-lộ một bí-quyết lớn trong kỹ-thuật ngoại-giao của Tây-phương : nhưng tôi không phải thắc mắc lâu, vì thông-diệp xô-viết vẫn viết theo lối « tràng-giang đại-hải » như xưa. Thật ra, tôi nghĩ giá tôi đáp lại câu hỏi của ông Ma-len-kốp bằng câu hỏi : « Ngài cho thông-diệp viết ngắn có lợi thế nào ? » có lẽ hay hơn. Thông-diệp viết ngắn cố-nhiên rất có lợi, khi trong đó ta tìm cách thuyết-phục đối-phương, cho họ thấy qua điềm của mình là phải chăng và có lợi cho cả hai nước. Trong trường-hợp này, « dài dòng văn-tự » để nhục-mạ và xuyên-tạc sự thực lịch-sử là điều phi-lý. Trái lại, khi ta có ý định trình bày trước dư-luận thế-giới hay hơn nữa, trước dư-luận Liên-xô, một hình-ảnh dụng ý xuyên-tạc về chính-sách của Xô-viết, ta cần phải thêm vào thông-diệp đủ hết các thứ chuyện có thể thêm được. Báo-chí cũng như các đài phát-thanh ngoại-quốc hẳn không trích đăng hoặc trích-lục toàn-vẹn bức thông-diệp, nhưng ít ra họ cũng nói lên được những đoạn chính, đặc-biệt nhất. Trong khi đó, ta có thể hiến cho công chúng Xô-viết « toàn bộ trước tác » mà họ đã được huấn-luyện để đọc một cách thích thú vô cùng ».

Cả trong những diễn-văn mà người xô-viết đọc tại các hội-nghị quốc-tế cũng vậy. Mỗi khi cuộc bàn cãi đi tới chỗ xoay chuyển bất-lợi cho Tây-phương, phái-đoàn thuộc các nước này thường tỏ ra rất hài lòng được nhường lời cho phái-đoàn xô-viết. Họ biết trước họ có thể trông cậy phái-đoàn xô-viết làm cho một

số các nước hội-viên có quyền bỏ phiếu biểu-quyết phải bức tức vì những lời lẽ nhục-mạ cục-cản, và một số khác phải ngáp dài vì cái lối lặp đi lặp lại rất dài dòng những cái mà ai nấy nghe đã chán ngán rồi. Duy có điều phái-đoàn các nước Tây-phương không biết, là lời lẽ người xô-viết đưa ra trước hội-ng nghị, không phải có ý nói cho hội-ng nghị nghe, mà có ý cho một công chúng khác nghe : công chúng ở bên ngoài hội-ng nghị, nghĩa là cho báo-chí và nhân-dân toàn thế-giới nghe vậy.

Tuy nhiên, ta cũng không nên coi ngoại-giao xô-viết quá tầm mức quan-trọng thực của nó. Điểm lợi của ngoại-giao xô-viết

là : người nhiều, tiền lắm, binh-lực mạnh, cảm-tình lòng đảo ở ngoài nước và tuyệt-đối không hề bị thọc gậy bánh xe ở bên trong nội-địa, nhất là không phải thắc mắc, băn-khoăn về phương-tiện, phương-tiện nào đối với họ cũng đều là tốt hết cả. Song những điểm bất lợi của ngoại-giao xô-viết cũng không phải là hiếm : bất lợi thứ nhất là họ vụng về, nhiều khi đến thô-lỗ, họ hay dối trá, lừa lọc làm mất tín-nhiệm, và tai hại hơn hết là họ không chịu hiểu tính-chất, nguyên-ủy, tình-cảm thật của những nước và những dân mà họ đã thiết-lập được những quan-hệ ngoại-giao.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Danh ngôn, danh lý

BIẾT NGƯỜI

- ★ Người lãnh-đạo phải biết cách làm cho mỗi người mình điều-khiển có cảm - giác được cấp trên nhìn nhận cá-tính riêng, không làm lẫn họ với người khác, phân biệt họ như có một sinh-hoạt, một giá - trị đặc-biệt ở giữa một đám đông đồng loạt.
- ★ Biết người một cách sâu rộng không những làm cho người lãnh-đạo trở nên khôn khéo, còn giúp cho người lãnh-đạo gây được uy-tín : đó chính là bí-quyết của những nhà lãnh-đạo nổi tiếng như Napoléon.
- ★ Tâm phải cho lớn để dung nạp người trong thiên-hạ. (Lã-Khôn)
- ★ Khi ta điều-khiển người nào ta nên biết cách gọi người ấy bằng chính tên của họ. Ta chớ quên rằng người mà ta điều-khiển thường coi tên của họ là danh-từ êm-ái nhất, quan-trọng nhất trong cuốn tự-điền.



thác mắc

Tinh-thần Tiểu, Trung-học và tinh-thần Đại-học

Sau khi học hết cấp tiểu, trung-học, tôi thấm-nhuần được một số kiến-thức căn-bản, một vốn văn-hóa phổ-thông, một nền giáo-dục cơ-thủy, đủ cho tôi dùng để sinh-hoạt theo cách-thức một người công-dân tốt. Cái học của tôi có tính-chất thiên về thừa-nhận, thu-nạp, thực-hành, phân-tích. Tôi học được những nguyên-tắc thiết-yếu hướng-dẫn cuộc sinh-hoạt của mình cho thật chuẩn-xác, thực-hiện sở-đắc của mình cho thật hợp-lý, tích-cực làm công việc của mình cho thật hoàn-hảo.

Khi bước chân vào cấp Đại-học, tôi vẫn đem cái tinh-thần đã hấp-thụ được ở cấp Tiểu, Trung-học để theo cấp Đại-học, nghĩa là tôi vẫn chỉ thừa nhận, thu nạp, thực-hành, phân-tích những điều nền học mới đưa đến cho tôi.

Sau khi ra trường và khi đứng trước công việc tôi phải đảm-đương, công việc dành cho những người đã theo cấp Đại-học, tôi cảm thấy lúng-lúng, lưỡng lự, và như mất phương-hướng, không biết nên bắt đầu từ đâu, nên kết thúc thế nào. Cái học của tôi ở cấp Đại-học hình như chỉ mới cho tôi « thấy nhiều », « biết thêm », mà chưa thật cho tôi « thấy xa », « biết rộng », để có thể nhìn khắp công việc.

Tôi lìm hiều. Và tôi thấy tình-trạng của tôi có lẽ gây nên bởi sự lằm lẩn của tôi về tinh-thần Đại-học, nó khác với tinh-thần Tiểu, Trung-học, điều mà tôi chưa hề ý-thức được.

Mục-đích chân-chính của Đại-học phải chăng là đào luyện những người đã qua cấp Tiểu, Trung-học, trở nên những người có kiến-thức mở-mang, có văn-hóa khoáng-đạt, có giáo-dục triền-khai; cái học ở đây phải chăng có tính-chất thiên về biện-luận hơn là thừa-nhận, phát-minh hơn là thu-nạp, sáng-lạo hơn là thực-hành, tổng-hợp hơn là phân-tích? Dụng ý chân-chính của Đại-học phải chăng là muốn cho sinh-viên thấm-nhuần những nguyên-lý đối-chiếu có khả-năng soi sáng cho trí-thức được thêm phong-phú, bao quát sự việc được thêm thông-suốt, tích-cực làm chủ công việc của mình với tư cách một người điều khiển có qui-củ và có sáng-kiến?

Ông Bà CURIE

một gia-đình đoạt tối-cao

Kỷ-lục về giải NOBEL

★ ————— NGUYỄN-HIẾN-LÊ



BẠN NÀO muốn tìm hạnh-phúc trong hôn-nhân nên nhớ câu : « Yêu nhau không phải ngồi ngó nhau suốt ngày mà là cùng ngó chung về một hướng » của Saint - Exupéry ; và phải đọc tiểu-sử của ông bà Curie, một cặp vợ chồng kiểu mẫu làm cho Nguyệt-lão cũng phải ghen, rất mực khác nhau mà lại cực-kỳ hòa-hợp với nhau.

Vâng, ông bà Curie có nhiều điểm bất-đồng, có thể nói là tương-phản nhau nữa. Ông là người Pháp, bà là người Ba-Lan, ngôn-ngữ và phong-tục không giống nhau. Bên ông là một gia-đình mà hồi đó người ta gọi là hạng « tư-tưởng tự-do », nghĩa là không theo một tôn-giáo nào cả ; còn bên bà thì theo đạo Ki-tô đã từ mấy đời. Tính tình cũng khác : ông có vẻ mơ mộng, hiền lành, bà thì lanh-lợi, hoạt-động, hơi bướng-bỉnh. Và chí-hướng hồi chưa cưới còn khác nhau xa nữa : bà là công-dân một nước nô-lệ, chỉ muốn đem hết tài-lực ra hy-sinh cho tổ-quốc, khai-hóa dân-trí và bẻ gãy cùm xích của Nga ; còn ông thì không muốn biết những ranh giới quốc-gia, chỉ

nhắm mục-đích phụng-sự khoa-học và nhân-loại. Như vậy thì ai chẳng bảo rằng cặp vợ chồng đó khó ở đời với nhau được ? Nhưng kết-quả đã ngược lại : trong lịch sử khoa-học người ta chưa thấy cuộc hôn-nhân nào đẹp dễ hơn, đầm-thắm hơn, mà lại ích-lợi cho nhân-loại hơn.



Ông tên là Pierre Curie, sanh ngày 15-5-1859, trong một gia-đình trung-lưu gốc gác ở Alsace, lập nghiệp ở Paris. Thân-phụ là một lương-y thích nghiên-cứu về khoa-học, rất săn-sóc sự học của các con. Tánh chậm-chạp, mơ-mộng nhưng có khiếu về toán và vật-lý, lại nhờ được cha và thầy (ông A. Bazille, một giáo-sư toán có tài) khéo dìu dắt, nên năm mười sáu tuổi, Pierre Curie đậu tú-tài khoa-học rồi hai năm sau đậu cử-nhân Vật-lý. Năm mười chín tuổi, ông được làm một chân giúp việc thí-nghiệm cho các giáo-sư trường Đại-học Khoa-học ở Paris. Và gặp cơ-hội thuận-tiện, ông bắt đầu tìm-tòi về khoa-học. Tài của

ông xuất hiện liền. Ông nghiên-cứu các tinh-thể, kiếm được một cách dễ đo những điện-lượng rất nhỏ, chế được một kiểu cân rất nhạy. Sau mười lăm năm cặm-cui cho khoa-học như vậy, danh ông đã được nhiều nhà bác-học ngoại-quốc biết tới, nhưng chính-phủ Pháp vẫn chưa hề đề ý tới ông, vẫn chỉ trả ông một số lương là 300 quan một tháng, là lương của một người thợ chuyên-môn hồi đó. Ông lấy vậy làm buồn, chỉ buồn là chưa kiếm được người tri-kỷ. Xét những thiếu-nữ chung quanh, ông thấy họ rất tầm-thường. Năm hai mươi hai tuổi, ông đã chán-ngán, ghi vào Nhật-ký : « Đàn bà còn yêu cuộc đời vui-vẻ trẻ-trung hơn đàn ông chúng ta nhiều, thật hiếm thấy phụ-nữ có thiên-tài. Cho nên khi chúng ta bị một tình-yêu huyền-bí nào thúc-dẩy mà muốn tiến vào con đường trái với thiên-nhiên, khi chúng ta để hết cả tâm-trí vào một công việc nó bắt ta phải cách-biệt nhân-loại, mà ta yêu mến, thì chúng ta phải chiến-đấu với phụ-nữ ; — và trong cuộc chiến-đấu đó, gần như luôn luôn ta thua họ vì họ viện lý rằng phải sống vui-vẻ, hợp với luật tự-nhiên, để rón kéo chúng ta về con đường của họ. »

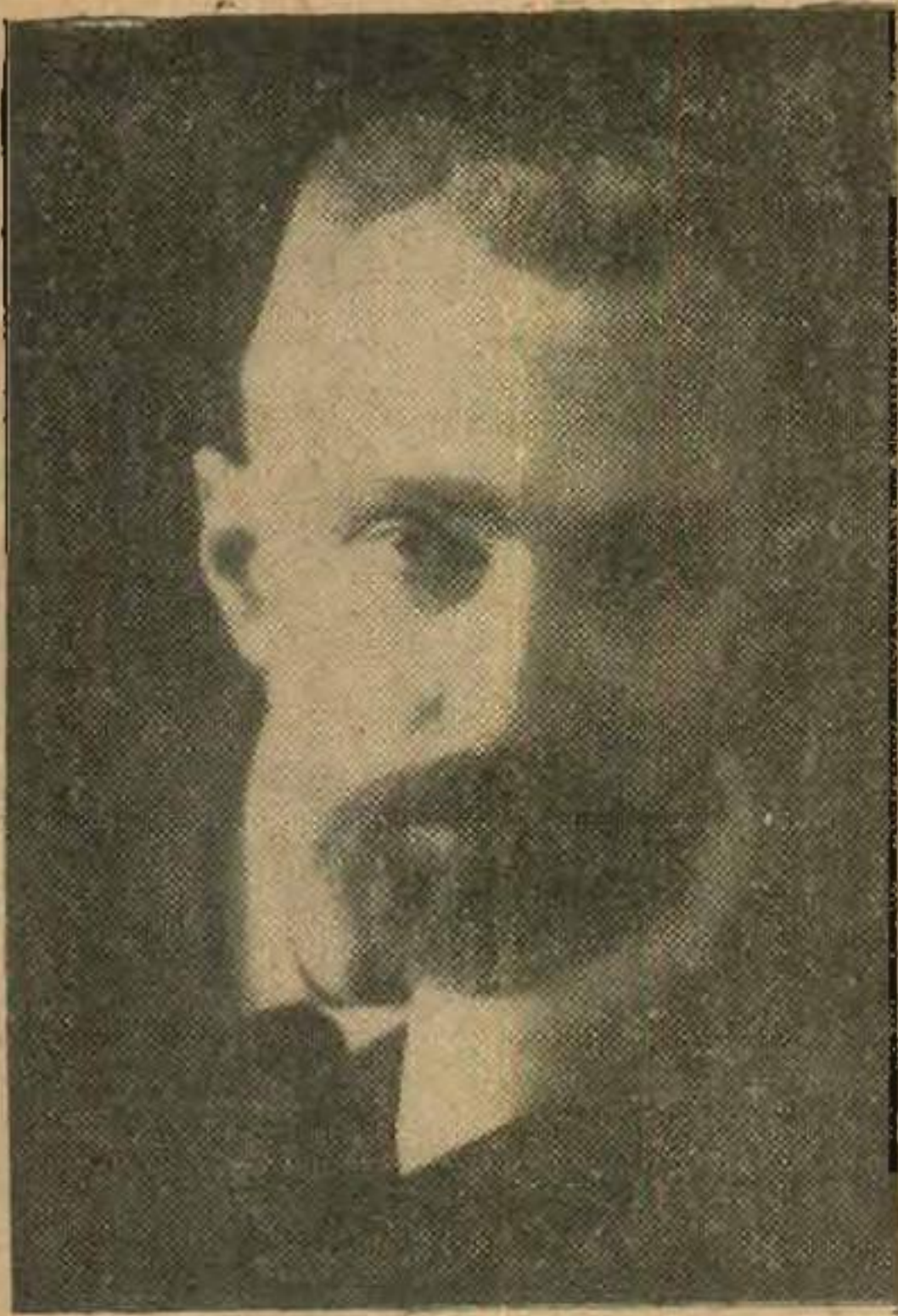
Những hàng đó ghi rõ chí-hướng của ông. Ông nhất định lựa một người bạn trăm năm có thiên-tài để cùng nhau phụng-sự khoa-học và nhân-loại. Và ông phải đợi trên mười hai năm mới tìm được người vừa ý. Người đó là cô Marie Sklodowska, một sinh-viên Ba-Lan, theo học ban Khoa-học ở trường Đại-học Sorbonne.



Gia-đình cô Marie rất nghèo nhưng rất hiếu-học. Thân-phụ cô dạy môn vật-lý ở một trường Trung-học Ba-Lan, thân-mẫu cô

làm hiệu-trưởng một trường ở Varsovie trong một thời-gian sau bị bệnh lao phổi, phải nghỉ. Cô là con út, sanh ngày 7-11-1867, có bốn anh và chị. Rất thông-minh : bài nào cũng chỉ đọc hai lần là thuộc ; lại rất tò-mò, gặp sách gì cũng đọc, mà một khi cúi đầu trên trang sách thì hàng giờ không nhúc nhích và anh chị, bạn bè phá phách gì ở bên cạnh cô cũng không hề biết. Cũng như Pierre Curie, năm 16 tuổi cô đậu bằng cấp Trung-học ; nhưng vì cha già, phải nghỉ học và ít tháng sau, phải làm cái nghề kèm trẻ em học trong các nhà giàu để kiếm tiền giúp nhà. Có dư thì giờ cô còn dạy không cho các người nghèo, tin rằng khai-dân trí là bước đầu để giành lại độc-lập cho tổ-quốc. Nhưng cô vẫn thấy sức học còn kém, vẫn mong được qua học bên Pháp, nên bàn với chị là cô Bronia góp sức nhau để có tiền du-học : cô chị sẽ qua Paris trước, học ban Y-khoa ; trong thời-gian đó, cô em dạy học để kiếm tiền gửi cho chị ; chị thành tài rồi về nước, sẽ chu-cấp cho cô em qua Paris học về Khoa-học.

Chương trình đó được thực-hành liền. Một gia-đình giàu có ở thôn quê đón cô Marie về dạy học cho trẻ và trả cô một số lương khá hậu. Cô nhận lời, vừa dạy học vừa tự học thêm về vật-lý. Được hơn một năm, cậu con chủ nhà yêu cô ; cô cũng mến con người phong-nhã đó. Nhưng khi cậu xin phép cha mẹ để hỏi cô, thì bị cha mắng cho một trận dữ dội « Tao mà lại đi làm thông-gia với lão giáo quèn đó à ? Mà là con chủ nhà mà lại đi cưới cái hạng gần như tôi tớ đó à ? » Cuộc tình duyên tới đó chấm dứt hẳn. Cô Marie chưa xót trong lòng, nhưng cũng rón nuốt hận, làm bộ không hay gì cả, ở lại thêm



ÔNG CURIE

một năm, dành dụm thêm một ít tiền nữa, và khi cô chị không cần tiền phụ-cấp của cô nữa thì cô xin phép cha qua Paris du-học liền.



Mùa thu năm 1891, cô tới Paris, ghi tên vào ban Khoa-học ở trường Đại-học Sorbonne. Mới đầu, cô tạm sống chung với chị và anh rể (một người Ba-lan làm y-sĩ), sau ra ở riêng trong một gác xép chật hẹp. Lúc đó cô gặp mọi nỗi thiếu thốn, nhưng tính khảng-khái, không muốn nhờ cậy anh chị, cô âm-thầm chịu đói, chịu rét. Một lần cô té xỉu trước mặt một người bạn. Người này lại cho ông anh rể của Marie hay. Ông ta tới, lục xét trong phòng không thấy một món ăn nào, lò thì lạnh mà đĩa chén thì sạch nhẵn, đoán được

nguyên-do, hỏi gạn cô một hồi, cô mới chịu thú là hai ngày rày, chỉ ăn trái anh- đào mà phải thức đến ba giờ sáng để học. Ông nổi giận, kéo cô về nhà ông, bắt cô phải nghỉ-ngơi, bổ-dưỡng trong ít bữa.

Nhưng cô tuyệt-nhiên không thấy khờ. Trái lại, ngồi trong giảng-dường, nghe những nhà bác-học như Lippmann, Paul Appell giảng bài, cô thấy thích thú lạ lùng, quên cả đói rét.

Cuối niên-học đó cô về thăm nhà, vui vẻ với gia-dình. Nhưng thu tới, gần tới kỳ tựu trường, cô lại lo lắng, không biết kiếm đâu được tiền để học hết niên khóa sau. Cũng may- năm 1893 cô được một học bổng là 600 rúp (1) và hết hè cô lại được qua Paris.



Đầu năm sau, cô gặp Pierre Curie tại nhà một người quen. Hai người nói chuyện với nhau về khoa-học và khi chia tay, Pierre Curie bàng khuâng, hỏi một câu vô văn :

— Cô sẽ ở hoài bên đây chứ ?

Cô Marie hơi ngạc nhiên, nhưng tươi cười đáp :

— Thưa ông không ạ. Hè này nếu thi đậu tôi sẽ về Varsovie. Nếu có tiền ăn học thì qua thu tôi sẽ trở lại đây học nốt cử-nhân toán rồi về nước dạy học. Tôi không có quyền bỏ xứ sở trong lúc này.

Pierre Curie hơi thất-vọng, nghĩ ngợi : « Cái cô Sklodowska này cũng lạ lùng. Ở Ba-Lan qua đây học. Đậu cử-nhân vật-lý năm ngoái, năm nay học thêm cử-nhân toán. Thông-minh như vậy sao không phụng-sự khoa-học mà lại muốn làm chính-

(1) Tiền Nga.

trị ? Phải tìm hiểu thêm cô ta mới được ». Và càng tìm hiểu, ông càng phục, càng mê cô gái Ba-Lan đó. Ông gặp cô mấy lần ở hội Nghiên-cứu vật-lý, ở phòng thí-nghiệm của giáo-sư Lippmann, ông gửi tặng cô một tập nghiên-cứu về điện ông mới xuất-bản, rồi ông xin phép được lại thăm cô trong phòng chật hẹp của cô. Thấy đời sống nghèo nàn của Marie, ông lại càng quý mến cô; tin chắc rằng đã gặp một thiếu-nữ có thiên-tài mà mình hằng mơ-tưởng mười mấy năm nay. Còn cô, đối với ông tuy cũng có nhiều cảm-tình, nhưng chỉ là cảm-tình của những bạn khoa-học với nhau mà thôi: sau một lần trắc trở về tình-duyên, lòng cô cơ hồ đã nguội lạnh.

Hè năm đó cô về Ba-Lan. Ông ân-cần dặn :

— Tháng mười cô trở lại đây nhé ? Cô hứa với tôi là trở lại đây nhé ? Ở Ba-Lan thì làm sao tiếp tục học được ? Mà cô không có quyền bỏ khoa-học !

Ông muốn nói : « Cô không có quyền bỏ tôi đây. » Cô Marie thản-nhiên đáp :

— Tôi cũng mong được vậy lắm.

Xa cô, ông nhớ nhung, đánh bạo viết thư hỏi cưới. Cô từ chối. Lấy một người Pháp rồi bỏ gia-đình, xứ sở đi à ? Cha thì già, mà nước ở trong cảnh nô-lệ. Bỏ đi sao đành ? Không thể được !

Ông thất-vọng. Cô an-ủi, xin đem tình cảm sắt dỗi ra cầm kỳ. Ông đành vâng lời, nhưng vẫn gửi những bức thư nồng nàn cho cô. Trong một bức, ông viết :

« Chúng ta đã hứa với nhau (phải vậy chăng ?) ít nhất cũng giữ được tình thân với nhau. Miễn cô đừng dỗi ý ! Vì không có lời hứa nào là bó buộc cả, những cái

đó không ai ép được ai. Nhưng nếu chúng ta được sống bên cạnh nhau, mê-mạn trong những mộng của chúng ta, mộng giúp nước của cô, mộng giúp nhân-loại và mộng khoa-học của chúng ta, thì đời sẽ đẹp biết mấy nhỉ. Ôi ! có thể như vậy được chăng ?

Trong những mộng đó, theo tôi, chỉ có mộng cuối cùng là chánh đáng. Tôi muốn nói rằng chúng ta không thể thay đổi tình-trạng xã-hội được, và nếu có thay đổi được đi nữa, thì chúng ta cũng không biết nên làm cái gì, và khi hoạt-động theo một chiều nào đó, chúng ta không bao giờ chắc-chắn được là lợi nhiều hơn hại, vì biết đâu ta chẳng làm chậm lại một cuộc biến-hóa không sao tránh được. Về phương-diện khoa-học, trái lại, chúng ta có thể hy-vọng làm được cái gì : ở đây địa-vực vững-vàng và mỗi phát-minh dù nhỏ đến đâu, cũng là một thâu-hoạch vĩnh-viễn.

...Chúng ta đã đồng ý là giữ tình-thân với nhau, nhưng nếu trong một năm nữa, cô vĩnh-biệt nước Pháp mà chúng ta không bao giờ gặp nhau nữa thì tình-thần đó chẳng là viễn-vong quá ư ? Cô ở lại với tôi có phải là hơn không ? »

Bức thư đó so với bức thư của Pasteur gửi cho cô Marie Laurent (cũng lại Marie nữa) đề cầu - hôn thì giọng dằm-thấm, khả-ái hơn nhiều. Ai ngờ một nhà khoa-học đã ba mươi lăm tuổi mà lời tình-tứ như vậy nhỉ ?

Mùa thu năm đó cô Marie lại trở qua Paris để học. Pierre Curie mừng hơn, lại càng gắng công đeo-đuôi. Ông năn-ni cô cho ông được làm việc trong một căn phòng ở bên cạnh phòng của cô. Tất nhiên hai phòng cách biệt hẳn nhau.

Cô từ chối. Ông lại đòi cuối niên học theo cô qua Ba-Lan : ở đó ông sẽ dạy Pháp-ngữ để sống rồi khảo-cứu về khoa-học với cô. Ông biết rằng ở Ba-lan không đủ thuận-tiện để khảo-cứu, nhưng mặc, miễn là được ở gần cô. Cô vô cùng cảm-dộng nhưng không thể nhận một sự hy-sinh lớn-lao tới bậc đó. Ông không thất vọng. Trong đời người dễ gì gặp được một thiếu-nữ có thiên-tài ! Cho nên đã gặp thì ông nhất-định níu lấy.

Rút cục, mãi tới mười tháng sau, cô Marie mới xiêu lòng, nhận lời. Lễ cưới định vào ngày 25-7-1895. Lễ rất đơn sơ, khác hẳn thể-tục. Cô dâu không bận áo trắng (cô chỉ may một chiếc áo màu xanh dương để cưới xong có thể bận đi làm được), không đeo nhẫn cưới, không bày tiệc cưới, không làm lễ tại nhà thờ (vì một năm nay cô đã chịu ảnh-hưởng của Pierre Curie, chuyên-tâm vào khoa-học mà nhác việc đi lễ), mà cũng chẳng mời chường-khế tới dự : gia-tài của hai bên có gì đâu, ngoài hai chiếc xe máy mới mua nhờ tiền mừng của người thân.

Nhưng cuộc hôn-nhân giản-dị nhất đó lại là cuộc hôn-nhân thành-công nhất cồ-kim, thành-công vì đã gây hạnh-phúc cho hai bên và cho cả nhân-loại. Chắc-chắn là nếu hai ông bà không sống chung với nhau thì sự-nghiệp khoa-học bà không có gì mà sự-nghiệp của ông cũng không được rực-rỡ như sau này ta sẽ thấy.



Thế là sau một năm rưỡi đeo-dăng, ông đã hoàn-toàn cảm-hóa được bà mà những bất-đồng giữa hai bên đã san-phẳng : bà đã thành một người « tự-tường tự-do » như ông, đã tạm quên cái nhiệm-vụ công-dân

Ba-Lan mà hướng-tâm về khoa-học như ông ; còn ông khi cưới xong cũng bắt đầu học tiếng Ba-Lan và coi Varsovie như quê hương thứ nhì của mình. Cả hai đều nhắm chung một mục-dích : nghiên-cứu và phát-minh.

Mùa hè năm đó, hai ông bà sống những ngày thần-tiên. Họ cưới xe máy đi dạo khắp miền phụ cận Paris, tới đâu ăn đó, khi thì chia nhau những miếng bánh, những trái lê dưới bóng cây trong rừng thưa ; khi thì giải khát trong những quán nước miền quê, bên một con đường thiên-lý. Họ thơ-thần dạo mát trên đồi, vừa đi vừa suy nghĩ về những nghiên-cứu khoa-học.

Họ mượn một căn nhà ba phòng. Đồ đạc rất sơ sài vì họ không có tiền để mượn người ở, cũng không có thì giờ để dọn dẹp.



BÀ CURIE

Trong phòng chính chỉ kê mỗi cái bàn gỗ tạp không sơn với hai chiếc ghế ở hai đầu. Hai ông bà đã quyết-định là không tiếp khách mà cũng chẳng giao-du với ai. Ông lúc đó đã đậu tiến-sĩ vật-lý và dạy ở trường Vật-lý, lương được năm trăm quan một tháng, vừa đủ chi tiêu. Bà học thêm thạc-sĩ đề hy-vọng sau này cũng dạy học giúp ông.

Những bà nội-trợ nào phân nản rằng tối tăm mặt mũi về công việc nhà cửa, nên coi chương-trình làm việc mỗi ngày của bà Curie : nghiên-cứu ở phòng thí-nghiệm tám giờ, lo việc nhà hai hay ba giờ, rồi lại học thi Thạc-sĩ nữa. Có khi hai ba giờ khuya bà chưa đi nghỉ : còn phải tính sổ chi tiêu, vá áo cho chồng và coi sách làm bếp. Không thể bắt chồng ăn toàn bánh mì với bơ và trái cây được. Và lại còn phải giữ tiếng với họ hàng bên chồng nữa chứ. Dù đậu cử-nhân hay thạc-sĩ cũng mặc, một phụ-nữ Ba - Lan không thể « đoảng » về bếp núc được. Mà cái môn nấu nướng thực cũng khó khăn, bí mật như môn hóa-học, chứ kém gì ; phải đồ bao nhiêu nước, thêm bao nhiêu muối, luộc bao nhiêu phút ? Bà ghi hết thấy những thành công và thất bại của bà, y như ghi những thí nghiệm khoa-học vậy. Điều cần nhất là phải làm sao cho đỡ tốn thì giờ, bà bèn sáng chế những món ăn, những cách nấu không tốn công, để cho thức ăn tự nó chín trong khi bà tới trường. Vừa coi nhà vừa đi học như vậy, mà năm sau thi thạc-sĩ, đậu thủ khoa.

Năm 1897 bà sanh được con gái đầu lòng, em Irène — sau này cùng với chồng là Frédéric Joliot cũng được giải thưởng Nobel — và ba tháng sau công bố kết quả những thí-nghiệm khoa-học của bà.



Từ đó bà vừa nuôi con vừa nghiên-cứu với chồng đề phát minh chất ra-di (quang-chất).

Sau khi nhà bác-học Roentgen đã phát-minh được quang-tuyến, nhiều người tiếp tục khảo-cứu về các chất có huỳnh-quang, và năm 1896 ông Henri Becquerel nhận thấy rằng những chất muối *urane* tự nó phát ra những tuyến lạ-lùng, cả những khi ở trong tối. Hiện-tượng phóng-xạ đó, chưa ai biết nguyên do ở đâu. Hai ông bà Curie cùng nhau nghiên-cứu nó.

Trước hết phải tìm một phòng thí-nghiệm. Ông xin được một phòng bỏ không ở trường Vật-lý. Phòng thiếu mọi tiện-nghì. Mặc. Hai ông bà bắt tay vào việc liền và vài tuần lễ sau, bà tìm được cách đo lường phóng-xạ của *uranium*. Rồi bà nghiên-cứu tất cả những chất hóa-học để xem có chất nào cũng phóng-xạ như *uranium* nữa không, và bà thấy được một chất nữa, chất *thorium*.

Bà đặt ra giả-thuyết là những chất như *uranium*, *thorium* sở dĩ phóng-xạ vì nó chứa một chất mới, có tính cách phóng-xạ mà từ trước chưa ai biết. Bà quyết tâm tìm ra được chất đó. Hai ông bà dùng chất *pechblende* — một khoáng-chất *urane* phóng-xạ rất mạnh — để nghiên-cứu, phân-tích., loại lẫn-lẫn những phần tử không phóng xạ, như một viên cảnh-sát đi lùng từng nhà một để bắt một tội nhân trốn tránh vậy. Kết quả là hai ông bà thấy chất phóng-xạ trốn ở trong hai phần-tử của chất *pechblende*. Như vậy là đã kiếm được hai chất mới. Lòng nhớ tồ-quốc vẫn dào-dạt, bà đề-nghị với ông gọi một trong hai chất

đó là *polonium* (Pologne là tên tổ-quốc của bà), còn chất kia gọi là *radium*. Cuối năm 1898, ông bà tuyên-bố kết-quả ở Hàn-lâm-viên khoa-học.



Nhưng đó mới chỉ là bước đầu. Tiếp theo là bốn năm lao tâm, lao lực nữa; vì muốn cho thế-giới nhận thuyết mới mẻ, táo bạo đó, ông bà phải làm cách nào tách riêng được chất *radium* ra — chất này phóng-xạ mạnh hơn chất *polonium* — rồi tính được trọng lượng nguyên-tử của nó, tóm lại là phải làm cho thiên hạ thấy được *radium* nguyên-chất. Muốn vậy phải giải-quyết được ba vấn-đề này :

- kiểm cho được thật nhiều chất *pechblende* để nấu,
- kiểm được chỗ để nấu,
- kiểm được tiền chi tiêu vào công việc nghiên-cứu đó.

Vấn-đề thứ nhất ông giải-quyết được dễ-dàng. Chất *pechblende* tuy đắt, nhưng cặn của nó thì rẻ mạt, mà dùng để nấu ra *radium* được. Một bạn thân ở Áo sẵn-sàng gởi tặng ông bà hàng tấn cặn đó.

Về vấn-đề thứ nhì, ông xin trường Đại-học Sorbonne một chỗ để thí-nghiệm. Người ta từ chối, ông đành xin một cái kho bỏ không ở trường Vật-lý. Cửa không có, mái thì dột, sân không lát gạch mà chỉ có một lớp hắc ín, còn đồ đạc thì chỉ có vài cái bàn nhỏ, một cái bảng đen và một cái lò bằng gang. Nhưng có chỗ thí-nghiệm còn hơn là không.

Còn vấn-đề thứ ba thì không nhờ cậy ai được hết. Ông bà đành bóp bụng,

giảm mọi chi-tiêu trong gia-đình để mua dụng-cụ, vật-liệu thí-nghiệm.

Và ở trong cái kho tối-tàn, ẩm-thấp, lạnh-lẻo đó, ông bà đã nấu hàng tấn cặn *pechblende*, ông thì thí nghiệm, bà thì coi lò. Tay bà chai lên vì xúc than, xúc cặn *pechblende*; bà sặc-sụa vì khói, vì bụi, mùa hè thì chịu nóng như thiêu mà mùa đông thì phải nép trong một góc để tránh dột hoặc gió. Quả là một đời sống « trái với thiên-nhiên » như ông đã dự-tính từ hồi hai mươi hai tuổi. Nhưng ông bà thấy đời sống trái với thiên-nhiên đó thích-thú vô cùng, và sau này nhắc lại kỷ-niệm xưa, bà viết : « Lúc ấy chúng tôi sống như trong một giấc mộng ». Thình-thoảng ông lại ngừng tay hỏi bà :

— Mình, mình thử đoán chất *radium* sẽ nấu được màu sắc ra sao.

Hoặc bà hỏi ông :

— Mình, em đoán mình biết nó sẽ nặng hay nhẹ đấy.

Rồi hai ông bà nhìn nhau cười.

Tháng tháng trôi qua mà chất *radium* vẫn chưa xuất-hiện. Nó gan thật ! Rồi hết một năm, hai năm, ba năm Hồi trẻ bà có lần nói : « Đời sống đâu phải là dễ dàng. Phải kiên nhẫn, thứ nhất là phải tự tin. Phải tin rằng mình có khiếu để làm một cái gì, và cái đó phải làm cho kỳ được. » Thì bây giờ bà thực-hành đúng lời đó. Bà tin rằng chất *radium* phải xuất-hiện, không thể khác được. Cho nên bà kiên-nhẫn nấu, dù có khòm lưng, mờ mắt, lao phổi (bà đâu có quên rằng thân-mẫu bà mất về bệnh đó) thì cũng cứ nấu ! Bà nấu hàng tấn cặn *pechblende*, hết đồng này, đến đồng khác, và kết quả

là sau bốn mươi lăm tháng, bà đã nấu ra được chất *radium* nguyên-chất. Bạn đã sắc thuốc bắc lần nào chưa nhỉ ? Sắc một thang giải cảm mất độ nửa giờ, bạn đã thấy sốt ruột ; canh một thang thuốc bổ mất một, hai giờ, bạn bực mình, muốn đồ bột nước thuốc đi cho nó mau cạn. Vậy mà xin bạn thử tưởng-tượng công-phu nấu cặn *pechblende* trong bốn mươi lăm tháng của ông bà Curie. Và bạn có biết ông bà nấu ra được bao nhiêu *radium* không ? Chỉ có một phần mười gam. Ông bà vội vàng đo trọng-lượng nguyên-tử của chất mới đó, được con số 225.

Đêm hôm đó khoảng chín giờ rưỡi, đợi cho cô Irène ngủ rồi, bà rủ ông lại kho để ngắm chất *radium* mới nấu được. Vừa mới mở cửa kho ra, bà kêu lên :

— Mình, ngó kìa.

Ở trong bóng tối, một hào quang chiếu ra, xanh-xanh, dịu-dịu. Hai ông bà đứng trân-trân nhìn một hồi lâu. Ông sẽ vuốt mái tóc bà, nói : « Chất *radium* của chúng ta tự nó phát ra ánh sáng ». Kể nào tìm ra được dạ minh-châu chắc cũng không vui bằng cặp vợ chồng trẻ tối đêm đó.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

★ Muốn biết người, đừng nên quá giản-dị khi suy xét người. Tâm-hồn của người ta không phải lúc nào cũng thẳng tuốt như thân cây, nó có những khuynh-hướng rất phức-tạp, khuynh-hướng nọ bổ-túc cho khuynh-hướng kia, khuynh-hướng kia dung-hòa với khuynh-hướng nọ, tùy theo từng tâm-địa, từng tính-khí, từng hoàn-cảnh, từng biến-cố.

Dân qui về bực nhân

Mạnh-tử nói : « Kiệt, Trụ mất thiên hạ là vì mất dân, mà mất dân là vì mất lòng dân. Muốn được thiên hạ, chỉ có một đường : được dân, tự khắc sẽ được thiên hạ. Muốn được dân, chỉ có một đường : được lòng dân, tự khắc sẽ được dân. Muốn được lòng dân chỉ có một đường : dân muốn gì thì cung ứng cho họ ; dân ghét gì thì đừng thi hành với họ.

Dân qui về bực nhân, như nước chảy về nơi trũng, như thú chạy ra chỗ rộng. Cho nên bầy cá lặn dưới nước sâu, là tại con rái ; đoàn chim bay thẳng về rừng, là tại con diều ; dân chạy theo vua Thang, vua Võ, là tại vua Kiệt, vua Trụ. Hiện nay trong số quốc quân, có vị nào hiền nhân, tất dân sẽ trốn các chư hầu mà về với vị này. Dầu vị ấy có không muốn làm vương thiên hạ, cũng không thể được. »

MẠNH-TỬ

(Ly-lâu chương cú thượng, Tiết XI)

Phương - pháp phân - định từ - loại



O. Các nhà văn-phạm cổ thường dựa vào các trù-phạm văn-pháp của những ngôn-ngữ cổ-diễn như Hy-lạp, La-tinh để bắt buộc tiếng Việt, chẳng hạn, phải có đủ các từ-loại của tiếng Pháp, tiếng La-tinh, vân vân. Mỗi ngôn-ngữ có bản-sắc riêng, ta không thể gò bó mà nhét nó vào khuôn-khò một ngôn-ngữ xa lạ được. Trái lại, ta cần phân-tích những đặc-tính của nó một cách khách-quan để miêu-tả đầy đủ và rõ ràng cách cấu-tạo của ngôn-ngữ ấy. Chính ra, trước khi xét đến cách tạo-cú, là cách đặt câu, trong phần *Cú-pháp*, một cuốn văn-phạm khoa-học cần phải có hai phần trước đã: một phần *Âm-vị-học* để xét tính-chất ngữ-âm, cách phân-bố các âm-vị trong tiếng đó và một phần *Ngữ-thất-học* để xét hình-thù và cách xếp đặt những ngữ-vị thành các tiếng. Nhưng trong bài này chúng tôi muốn nói riêng đến phần cú-pháp hay ngữ-pháp (*Syntaxe*) là thành-phần độc-nhất của đa-số những cuốn văn-phạm tiếng Việt chẳng hạn. Chúng tôi sẽ lần lượt giới-thiệu phương-pháp của Giáo-sư Fries, người Mỹ, áp-dụng vào Anh-ngữ, rồi đến phương-pháp của Linh-mục Lê-Văn-Lý, Giáo-sư Emeneau, và ông

★ ————— NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

Honey áp-dụng vào Việt-ngữ. Chúng tôi mong như vậy bạn đọc sẽ có một ý-niệm về một vấn-đề mà những người chuyên-môn chúng tôi luôn luôn phải thắc mắc, ý-niệm đó sẽ giúp các bạn tự phán-đoán xem giải-pháp nào thỏa-đáng nhất.

I. Giáo-sư Fries là Giáo-sư Anh-ngữ, Giám-đốc Viện Khảo-cứu Anh-ngữ Đại-học-đường Michigan, phân-loại các tiếng trong Anh-ngữ bằng cách căn-cứ vào chỗ *tiếng nào xuất-hiện cạnh tiếng nào*. Ông không căn-cứ vào ý-nghĩa từng tiếng, tức là, ông không cần xem tiếng nào chỉ « vật », tiếng nào chỉ « việc », v. v... Phương-pháp phân từ-loại ấy căn-cứ vào cách phân-bố (*distribution*), chứ không dựa vào ngữ-ý (*meaning*) (1). Nó đã được chứng-tỏ là chính-xác hơn, tuy khó khăn hơn, phương-pháp cổ-truyền, cứ bắt buộc thứ ngôn-ngữ mà mình nghiên-cứu phải có tất cả những từ-loại của một thứ ngôn-ngữ khác.

Đầu tiên, tác-giả cho biết tài-liệu của ông là các cuộc nói chuyện tổng cộng 50 giờ mà ông thu vào máy không cho người nói

(1) Fries, Charles Carpenter, *The Structure of English An Introduction to the construction of English sentences* [Cấu-thức tiếng Anh : Sơ-khảo cách tạo-thành những câu tiếng Anh]. (New-York : Harcourt, Brace and Company, 1952).

biết đề cốt ghi đúng những câu đàm-thoại
hồn nhiên không giả-tạo. Ông dành những
trang 9-28 để định-nghĩa thế nào là một
câu, những trang 29-53 để xét các loại
câu, rồi trong những trang 54-64 ông nhấn

manh tính-cách quan-trọng của cấu-thức
từng câu.

Ông Fries thiết-lập một từ-loại bằng cách
nào? Trước hết ông liệt-kê ba loại câu có
khuôn-khò như sau:

Câu A: (The) _____ is/was good. 'Cái tốt (ngon),
Câu B: The _____ remembered the _____. 'X nhớ Y'
và Câu C: The _____ went there. 'Z đi đến đó'

Đoạn, bao nhiêu tiếng có thể lọt vào một hay nhiều khoảng trống kẻ trên để tạo
thành một câu tiếng Anh, thì ông xếp vào một từ-loại.

Chẳng hạn ta có thể có những câu:

Câu A	{ The <i>tea</i> was good.	'Trà ngon'
	{ The <i>teacher</i> was good.	'Giáo-sư hay'
Câu B	{ The <i>student</i> remembered the <i>mistake</i> .	'Người học trò nhớ cái lỗi'
	{ The <i>boy</i> remembered the <i>ice cream</i> .	'Cậu bé nhớ thứ kem (cậu đã ăn trước)'
Câu C	{ The <i>cat</i> went there.	'Con mèo đi đến đó'
	{ The <i>chauffeur</i> went there.	'Bác tài đi đến đó'

Ta kết-luận rằng những tiếng *tea*, *teacher*,
student, *mistake*, *boy*, *ice cream*, *cat*,
chauffeur thuộc một từ-loại (gồm có rất
nhiều tiếng khác nữa trong Anh-ngữ). Còn
một tiếng như *the*, chẳng hạn, vì không thể
lọt vào khuôn khò trên kia, nên ta phải xếp
vào một từ-loại khác căn-cứ vào những
khuôn khò khác.

Đấy, ông Fries cứ căn-cứ vào « hoàn-
cảnh » trong đó mỗi tiếng xuất-hiện để mà
phân-định, từng từ-loại trong Anh-ngữ.
Điều hiển-nhiên là cái từ-loại 1 được ông
phân-định một cách công-phu tỉ-mỉ như
trên, rất giống cái loại những tiếng mà
căn-cứ vào ngữ-ý người ta thường gọi là
danh-từ.

Sau từ-loại 1, tới từ-loại 2 gồm những

tiếng mà theo cách giao-hoán (substitution)
ta có thể đặt vào vị-trí tiếng *is*, *are*, *was*
hay *were* trong khuôn-khò loại câu A,
tiếng *remembered* trong khuôn-khò loại câu
B, hay tiếng *went* trong khuôn-khò loại
câu C. Rồi tới từ-loại 3, từ-loại 4, từ-
loại A, từ-loại B, ... đến từ-loại O.

Ta hãy thử đối-chiếu hệ-thống từ-loại
của giáo-sư Fries gồm một nhóm bốn loại
đánh số từ 1 đến 4 và một nhóm 15
từ-loại A-O với hệ-thống từ-loại cổ-truyền
xem sao. Hai nhóm trên của ông Fries làm
ta nhớ đến các « sémantèmes » và
« morphèmes » của những nhà văn-phạm
Âu-châu, cũng như các « thực-tự » và
« hư-tự » của những nhà văn-phạm và
mô-phạm Trung-Hoa.

PHƯƠNG-PHÁP PHÂN-ĐỊNH TỪ-LOẠI

TỪ-LOẠI CỦA FRIES

4 « Parts of Speech » :

1

2

3

4

15 « Function-words »

A

B

C

D

E

F

G

H

I

J

K

L

M

N

O

TỪ-LOẠI THÔNG-DỤNG

Danh-từ (*coffee, tea, teacher, v.v.*)

Động-từ (*is, was, are, were, v.v.*)

Hình-dung-từ (*good, large, v.v.*)

Trạng-từ (*suddenly, soon, lately v.v.*)

Mạo-từ, Sở-hữu hình-dung-từ, Số-từ.
(từ *one* đến *ninety-nine*), *v.v.*

Trợ-động-từ (*may, can, should, v.v.*)

Tiếng « not » chỉ phủ-định

Những tiếng thích nghĩa cho hình-dung-từ
và trạng-từ (*very, quite, rather, v.v.*)

Liên-từ tập-hợp (*and, or, not, v.v.*)

Giới-từ (*at, by, from, v.v.*)

Động-từ *do, does, did*

Tiếng *there* (trong *there is, is there*)

Vấn-từ (*what, when, why, v.v.*)

Liên-từ phụ-thuộc (*when, because, although, v.v.*)

Bốn tiếng *oh, well, now, why* thường ở
đầu câu

Hai tiếng *yes, no*

Ba tiếng *look, say, listen* ở đầu câu.

Một tiếng *please* ở đầu câu.

Tiếng *lets* ('chúng ta hãy').

Sau khi đã biệ-n-biệt 19 từ-loại kể trên,
ông Fries nghiên-cứu kỹ đặc-tính của các
tiếng trong bốn từ-loại đầu 1, 2, 3, 4,
và so sánh xem về phương-diện ngữ-thái
nó khác nhau thế nào (tr. 110 - 141).

Thí dụ :

TỪ-LOẠI 1

arrival
refusal
v. v.

TỪ-LOẠI 2

arrive
refuse
v. v.

TỪ-LOẠI 1

rain
snow
v. v.

TỪ-LOẠI 3

rainy
snowy
v. v.

Một tiếng trong loại 1 là tiếng tương-
xứng trong loại 2 có thêm tiếp-vĩ-ngữ

/-əl/-al. Một tiếng trong loại 3 là một
tiếng tương-xứng trong loại 1 có thêm
tiếp-vĩ-ngữ /-iy/-y.

Cách xếp đặt các tiếng trong một câu
được xét kỹ từ trang 142 đến trang 172.

Tóm tắt lại, giáo-sư đã dùng phép
giao-hoán để phân từ-loại trong tiếng Anh,
chứ không dựa vào cách phân-tích mà các
trường « vẫn theo từ hơn 150 năm và còn
mất nhiều thì giờ nữa để giảng dạy. »
(tr. 274) Câu « *Grammatici unus finis est
recte loqui* » (Mục-dịch độc-nhất của văn-
phạm là nói đúng) của Julius Caesar
Scaliger thành xưa mất rồi, và khuynh-
hướng miêu-tả càng ngày càng rõ rệt.

(còn tiếp)

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

BÁCH KHOA LX

PHẠM-QUÝ-THÍCH (范貴適)

(1780-1825)

Dương-Tuyền Dã-phu

PHAN-VỌNG-HÚC

ÔNG Phạm-Quý-Thích, tự là Dữ-Đạm, hiệu là Lập-Trai, biệt hiệu là Thảo-Đường cư-sĩ, người làng Hoa-đường (sau đổi là Lương-Đường, rồi lại đổi là Lương-Ngọc vì húy nhà vua) tổng Ngọc-Cục, huyện Đường-An (sau đổi Năng-An), phủ Thương-Hồng, (nay đổi Bình-Giang), tỉnh Hải-Dương. Ông trú-cư phường Báo-Thiên, sau đổi là thôn Tự-Tháp, huyện Thọ-Xương, phủ Thuận-Thiên, (sau là phủ Hoài-Đức) nay thuộc nội châu-thành Hà-Nội.

Ông cao-tổ là Phạm-Văn-Đoan, tự Dục-Lạc, thi đỗ thư-toán làm trung-thư-giám, sau làm đồng tri-châu châu Thoát-Lãng, tước phong Miện-Tiến-Nam.

Ông tăng-tổ là Phạm-Văn-Lại, đỗ thư-toán, làm tri-phủ, phủ Quảng-Oai, tước phong Vân-Trạch-Bá.

Ông Nhị-dại (tên không rõ) đỗ hiệu-sinh, làm quan Thị-Nội Thiêm-sự, Binh-phiên, tước Thụy-nghĩa-Nam.

Ông thân-sinh là Phan-Văn-Huyền, có tên húy là Thiềm, thụy là Thuần-Giản, hiệu là An-Ngộ-Tễ, thi đồ hương-cống, khoa Canh-Ngọ, năm Lê-Cảnh-Hung,

sau vào thi Hội trúng Tam - trường, làm tri-huyện Trung - Thuận. sau thăng Viên-ngoại-lang bộ binh, rồi làm Thanh-bình Hiến - sát-sự, ty Hiến - Sát Phó sứ, Hữu-tham-nghị, trấn Bắc-kinh.

Ông là con trai thứ, vốn người thanh tú, ít nói cười, hiếu học tập. Ông lần lượt học các ông Hiệu-sinh họ Nguyễn người đồng hương, ông Nguyễn-Sĩ-Trai người Xuân-đào, ông Viên-sĩ án-sát Nam-Sơn, người cùng làng, họ Vũ. Sau lại học ông thám-hoa Nguyễn-Thạc-Đình, người ở Thái-thạch, đều là bậc hay chữ có tiếng.

Năm 15 tuổi thi đỗ huyện-khảo, thế-tử phủ Trịnh biết tiếng cho vời ông vào làm gia-thần, ông không ứng triệu.

Khoa Đinh-dậu ông thi đỗ hương-cống thứ nhì.

Khoa Kỷ-hợi Cảnh-Hung đời Lê, năm thứ 40, thi thình khoa lấy đỗ 15 người, ông đỗ thứ nhất đồng tiến-sĩ.

Năm Canh-tý Điện-thí, lại thi tại phủ-đường, ông đỗ đầu, đệ-tam-giáp tiến-sĩ, năm ấy mới 21 tuổi, được bổ chức Hàn-lâm-viện Hiệu-Thảo Kinh-Bắc đạo Giám-sát Ngự-sử.

Năm Nhâm-dần, thăng Hàn-lâm-viện Hiệu-Lý, Tri Công-Phiên. Khi quân Vương-Phủ, vốn là đạo quân ở Thanh-hóa, Nghệ-an, cậy công phù Lê lập Vương-gia, nên kiêu hãnh, ông có dự hội-ngự chiêu-an đám Kiêu-binh. Đến tháng Giêng nhuận năm Canh-Hưng thứ 45, lại có biến việc Kiêu-binh làm loạn đốt phá kinh-thành, các quan đại-thần đều sợ hãi, không ai dám vào phủ, duy có ông ứng triệu để lĩnh mệnh ra dụ đám Kiêu-binh, chúng đều tin phục, nên chốn kinh-thành được yên.

Khi Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ, đem đại binh ra đóng ở Thăng-long lấy danh là phù Lê diệt Trịnh, thiết lập lễ nhất thống Triều-hạ, thân bái yết Lê-Hoàng, các quan cho mời ông đến dự lễ mà nói : « Ông Huệ phò Hoàng-Gia, các quan văn-vũ đều ở trong điện túc-trực, hành lễ », nhưng ông không chịu ra mắt, đến ngày 17 tháng 7 vua Hiền-Tôn mất, ông có dự lễ Ninh-lăng.

Năm Đinh-mùi, Tự-hoàng nối ngôi, hiệu là Lê-Chiêu-Thống, ông không chịu ứng triệu ra làm quan, đến tháng Tám quân của Tây-sơn rút về Nam, Trịnh-Bồng ở ngoài vào yết Lê-Đế, Đinh-Tích-Nhượng là võ-tướng của đất Hàn-giang, lấy binh uy cầu lập Trịnh-Bồng làm Trịnh-vương như cũ. Lê-Đế chưa chịu chuẩn-y, Nhượng bèn cho mời văn-võ bá-quan hội-hợp ở chùa Tây-Luông, đề nghị sự, có ý ức chế-mệnh, ông không phó-hội. Yến-dô-vương Trịnh-Lệ vời ông phục chức, ông dâng khai cáo từ, và nộp trả ấn Công-phiên (Công-bộ ở Phủ-Chúa) nói là đề có ấn nghinh hàng Tây-sơn, câu ấy có ý nói khích Nhượng. Nhượng tiếp khai có ý không bằng lòng, quan tham-ngự có ý lo sợ cho ông, ông nói với quan tham-ngự

rằng : « Người ấy (trò Nhượng) có ý bức trên làm càn, sau tất hỏng, việc phải bại vong, không đáng sợ ». Sau quả nhiên Nhượng bị dân miền Nam bắt giải, năm ấy có chiếu chỉ cho ông làm Đông-các hiệu-thư, Thiêm-thư tỉnh-sự.

Lê-Đế vốn ghét họ Trịnh, lại ghét Nhượng là bè đảng nên Ngài muốn trừ đi, được tin Nguyễn-Hữu-Chính tụ chúng ở Nghệ-an, bèn mật chiếu vời vào. Chính thu quân lấy hiệu là đạo Vũ-Thành kéo vào kinh, Yến-dô-vương chạy trốn. Chính được phong chức Bằng-quận-công, rồi Chính làm oai, làm phúc, nên ông cáo bệnh xin về. Triều-đình cải bỏ cho ông làm Tham-hiệp trấn Kinh-Bắc. Vì trấn-thủ ở đây là Nguyễn-Cảnh-Thước, xuất thân vô biên, vốn môn hạ của Chính, cho nên ông cố từ. Quan tham-tri Phạm-Đình-Dữ thấy bản tấu của ông giấu đi và bảo ông rằng : « Vua không bằng lòng, nếu không phó nhiệm thời sẽ có tội, cứ đi, nếu có bệnh, không làm việc được, thời đã có tôi ở kinh, không ngại » (1). Ông gượng đi đến tháng 4 mở Chế-Khoa, triều-đình vời ông về làm khảo-quan.

Tháng chạp năm ấy, Tây-sơn lại đem quân ra Bắc-hà, Lê-Đế chạy sang Bắc-ninh, ông không theo được. Đến năm mới là năm Mậu-thân, Nguyễn-Huệ lên ngôi, kỷ-nguyên là Quang-Trung, ra lệnh gọi các cựu-thần về, lại bảo quan tham-ngự bắt ông phải ra làm quan. Ông bảo : « Song thân bảo phải cáo từ, mới còn được gặp, nếu không, thời không nhận là con nữa », rồi ông thác bệnh mà trốn đi, nhưng Tây-sơn lại gọi ra, bảo ký vào biếu-văn xin hàng phục, và biếu khuyến-tiến, lại sai ông đi Sứ Tàu, rồi lại sai ông đệ-biểu vào

(1) Trong gia-phả họ Phạm.

Nam cho Trung-ương Hoàng-đế Nguyễn-Nhạc, ông đều từ-chối, không chịu đi.

Khi quân của tổng-đốc Lương-Quảng là Tôn-sĩ-nghị sang đến Lạng-giang và khi Lê-Đế về khôi-phục kinh-thành, vài ngày mới một lần, ông ra bái-yết, và xin chịu tội, vua cho ngồi, rồi ban : « Trước mỗi khi bỏ cho ông làm quan, ông cứ từ-chối, khi bỏ đi Bắc-giang ông cũng không nhận, ta có ý giận, nay ta Bắc-hạnh, mới biết lòng của Vũ-Thước, nên mới rõ ông không thể cộng-sự với người ấy được, bỏ mà đi là rất phải ». (2) Vua Lê lại phán : « Trong các bày tôi theo ta, mà không phải là bản tâm cũng có, người muốn theo ta, thế không đi được cũng có, nay ta rõ lắm, người không có lỗi gì cả, nên lưu lại đây, để cùng với Quỳnh-Phái-Hầu làm việc », và cử ông làm Mật-sứ-diêm, nhật-dạ túc-trực. Ông nói với Tề-thần là Bùi-Huy-Bích rằng : « Tuy vậy sự rất nên lo lắng, nên tâu nhà vua quảng cầu trực ngôn, cấp lý binh-chính, không thế, thời không sao kịp ». Nhân đó ông dâng biểu nói : « Nhà vua về nước, kẻ đã thánng trời, mà chưa thấy làm được việc gì, địch thế mạnh như vậy, tôi sợ mỗi nguy ở sớm tối. » (3) Ông Phạm-Trọng-Hằng cũng ký biểu văn khi ấy, quan binh-chương Trường phái-hầu Lê-Quỳnh, cùng quan Thống-linh Nghệ-an là Phan-Khai-Đức, không ưa nhau, không lấy việc nước làm trọng.

Năm Kỷ-dậu tháng Giêng, quân của Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ ra đánh, Tôn-Sĩ-Nghị thua chạy, vua Lê cũng sang Bắc, cầu dứt không theo được, ông

(2) (3) Trong Thảo Đường Thi-Tập của Phạm-Quý-Thích quyển 1.

chạy lên Sơn-tây. Rồi nay đây mai đó, khi Yên-thế, lúc Yên-phong, đòi họ tên, các ấp-lý đều xưng hô ông là thầy đồ, việc lớn nhỏ cũng lại hỏi ông vui vẻ dạy bảo, học trò theo học cũng đông, các bậc thức-giả lại thăm, hoặc rủ đi chơi, ông vui theo. Thường ông hay chống gậy trúc, có mấy trò nhỏ đi theo sau dạo chơi các cò-tự giã-dinh, chiều muộn mới về. Ông đến nhà ông Lê-Công-Đàn, trốn ở làng Hương-la, ông Đàn có đưa ra một đạo chỉ-dụ của Lê-Đế, truyền ông Đàn làm tổng-lý Giang-Bắc ông thời làm Giám-quân kiêm Chiêu-thảo - sứ là mệnh lệnh của Lê-Đế, khi sang Tàu lưu lại. Do đó, ông thường bày kế-hoạch cho nghĩa-binh ở đất Đại-thần và Trục-trì (hạt Lang-tài và Nam-sách) gần bờ Lục-dầu-giang, kháng-cự quân của nhà Tây-sơn ông thường bàn : « Binh lấy dài đánh vắn, không lấy vắn đánh dài, địch quân thường dùng bộ-binh thủ-thắng, ta nên lấy thủy-binh mà chế thắng, vả lại ta có địa lợi, dùng thuyền có cơ tiến thoái, có thể thông với Thái-Nguyên, Sơn-Nam ba nơi, có thể thắng toán ». Nhưng sau việc không thành quân lại tan cả.

Vì bại lộ tung tích, nên ông phải về Trần-xá (phủ Nam-sách), nay đây mai đó, trong 13 năm, khi ấy, ông đã 45 tuổi. Trong khi lần trốn, địch-quân tìm gấp, có khi ông phải ngồi ở trong cái chum, chôn sâu dưới đất, phủ rơm cỏ lên trên.

Tháng 6 năm Nhâm-Tuất, 1802, vua Gia-Long đã lên ngôi, ngự-giá ra Thăng-long, tuyên chiếu vời các quan nhà Lê toàn tiết. Ông đến chầu, vua Gia-Long có ban cho áo, xiêm, vàng, bạc và đặc ban cho ông chức Thị-trung Học-sĩ, ông cáo từ vì

có bệnh. Vua không ưng, sau phải nhờ ông Học-sĩ họ Nguyễn xin giúp, ông Học-sĩ bảo : « *Đã vậy thời phải điều trần thế-vụ* », đề đáp lại ân của nhà vua, ông phải vâng mệnh. Rồi ông điều trần ba điều : 1) Đại-bản, 2) Đại-thế, 3) Đại-cơ, nhưng ông Học-sĩ hẹn cùng vào chầu, khi ông vào ông Học-sĩ (tên là Vận) tâu rằng : « *Nay bệnh của Phạm... đã khỏi, vào bái mệnh* », bấy giờ mới biết là bị lừa. Khi lui ra, ông Học-sĩ Vận thăm tạ rằng : « *Nay trong thiên-hạ sơ định vật vọng như ông, mà thoát hưu điền-giả, thời nhân-tâm bảo sao ! nên ở trước Ngự-liễn, đã phải nói rõ, và còn thương-lượng* ». Bản điều trần cũng không dâng nộp, đến khi xa giá về kinh, thời Tổng-trấn Nguyễn-Văn-Thành bảo có lệnh ban cho ông làm Công-vụ Bắc-thành, giúp việc từ mệnh, việc khác không dám phiền thời chờ từ.

Năm Giáp-tý Gia-Long thứ 3, vua Gia-Long bổ cho ông chức Bắc-thành Đốc-học, ông cáo bệnh xin từ, chỉ xin làm chức Trợ-giáo, nên các trấn mới có chức Trợ-giáo từ đây. Năm ấy di-hải của vua Lê-Chiêu-Thống về nước, ông cùng với Cố-thần nhà Lê là Tham-tụng Bùi-Huy-Bích, Bình-chương Nguyễn-Huy-Bá, khóc than, ông có câu rằng : *Thử sinh, thử thế, hoàn vô bổ ; Bất-tử Tây-sơn vị diệc tiền*.

Sau có chỉ của triều-đình Huế ra cải cách việc tự sự ở văn-miếu Hà-nội, bãi việc tòng tự của Long-Biên-Hầu Sĩ-Nhiếp, và Văn-Trình-Công Chu-Văn-An, ông xin phục từ như cũ nhưng không được, nên ông từ chức, Quan Tổng-trấn Bắc-thành Nguyễn-Văn-Thành làm nhà cho ông ở thôn Chiêu-hội, ngoại-ô Bắc-thành.

Năm Tân-mùi, có việc tu Quốc-sử, triệu ông lại kinh-đô Huế, đặc ban miễn thường triều, ông cùng với Tổng-tài bàn-luận không hợp, ông xưng bệnh, cáo ở lại kinh một năm, rồi xin về hưu-dưỡng, nhưng mỗi khi thi cử, ông vẫn có mệnh đi chấm thi. Ông xét quyền nào đáng cho đỗ thời cho, mặc dầu có nhằm nhớ ít nhiều, còn những kẻ bôn cạnh, đần, sảo, thời không lấy đỗ, bởi thế sĩ-luận tín-phục.

Năm Minh-Mệnh thứ 2 Tân-ti, vua Minh-Mệnh dụ rằng (4) : « *Thị-trung Học-sĩ Phạm-Quý-Thích, là bậc kỳ-nho thực-vọng, tài hạnh đều hơn, tự buổi ta mới kế-trị này, đã phòng-vấn, nhưng Lại-bộ đã lâu thay là ông có bệnh, đến nay ngày đã lâu rồi, thuốc thang đã khỏi dần, vậy ban ơn cho 30 lạng bạc, 20 tấm vóc, ông nên tiến kính, theo trạm-dịch mà đi, có Hành-tàu đến vào chầu, đề giúp ta những thiện ngôn, mưu cầu trị đạo. Nếu khi ông lại kinh rồi mà bệnh còn phát, không chữa khỏi, ta sẽ ân chuẩn cho điều-dưỡng, ông nên khởi hành, chớ phụ lòng hiếu hiên của trẫm.* » Được lệnh ấy. Ông khởi hành đến Nam-dịnh, trạm Phú-yên, thời bị trọng bệnh, quan sở tại tâu lên, ông lại được hoàn ngụ. Đến tháng 10 năm ấy, có việc bang-giao, ngụ-giá ra Bắc-thành, ông có bệnh, không ra bái yết được, quan Trấn-thành tâu, vua mệnh cho Trung-sứ úy văn. Ông dâng biểu tạ ơn, vua ban : *Thần lâm biểu-vấn, từ linh xuất ư chí thành*, đặc ban ân cho lưu-cư điều-dưỡng.

Năm Ất-dậu mùa xuân, niên hiệu Minh-Mệnh thứ 6 ông lại phát bệnh, có bảo

(4) trong Thảo Đường Thi-Tập của Phạm-Quý-Thích.

các học trò rằng : « Đại kỳ đến rồi, cũng không còn hệ-luyện gì nữa. » Tháng 3, thuốc thang đã khỏi rồi bệnh lại phát, ông không chịu uống thuốc. Đến ngày 29 tháng 3 thời mất, thọ 65 tuổi. Vua ban cho ân tuất điền, lại ban thêm cho một trăm quan tiền và phái viên về đưa đám, táng ở quê nhà. (Ông sinh năm 1760, chết năm 1825. Thọ 65 tuổi).

Ông có nhiều thơ văn, có bộ Thảo-dường thi-tập, còn lưu-truyền.

Làng Lương-sá, huyện Cầm-giang, thờ ông ở đình làm Phúc-thần.

Sau đây chúng tôi xin trích dẫn một vài bài thơ hay của Lập-Trai tiên-sinh.

Bài đề tựa Truyện Kiều của Nguyễn-Du.

*Giai-nhân bất thị đáo Tiên-Đường
Bản thể yên hoa trái vị thường
Ngọc diện khởi ứng mai thủy quốc
Băng tâm tự khả đối Kim-Lang
Đoạn-trường mộng-lý căn duyên liễu
Bạc mệnh cầm-trung oán hận trường
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy
Tân-Thanh đáo đề vị thủy thương.*

Người sau có dịch rằng :

*Giọt nước sông Tiên chẳng rửa oan.
Thân duyên chưa trắng nợ hồng nhan.
Lòng son còn vướng chàng Kim-Trọng
Mắt ngọc khôn vùi chốn thủy quan
Nửa giấc đoạn trường tan gối điệp
Một giây bạc mệnh đứt cầm loan.
Cho hay nhưng kẻ tài tình ấy
Trời bắt làm gương đề thế gian.*

Bài Dạ Khởi (Nửa đêm tỉnh giấc) là một bài thơ mà Lập - Trai tiên-sinh đã ký thác tâm sự mình vào đó.

DẠ KHỞI.

*Thuy trung hốt giấc lạnh,
Khởi thị dạ hà kỳ.
Vi vũ quá đình thụ,
Thanh phong thời nhập duy.
Nhất thử dĩ tam nguyệt,
Hạ nhật hà hách hy.
Viêm lương hốt như thử.
Bì, thử các nhật thì
Thiên vận hữu tiêu tức,
Nhân sự hữu suy di.
Sở quý đạt sĩ giả,
Năng tri biến hóa kỳ.*

Lược dịch :

Nửa đêm tỉnh giấc.

(Phan-Vọng-Húc dịch nôm).

*Đêm khuya chợt tỉnh giấc mòng
Tiết trời sao bỗng lạnh lòng tự nhiên.
Dậy xem, đêm lạnh như in,
Trước sân mưa móc trăm nghìn cỏ hoa.
Rèm thưa gió thoảng đưa qua,
Nắng lâu nay tỉnh đã vừa ba trăng.
Ngày hè nóng bức khôn chừng,
Lạnh, nồng, đâu bỗng tự dựng thế này.
Mỗi thời, mỗi lúc, là nay !
Vận trời âu cũng đời thay khác thường !
Việc đời bí, thái, đã tường
Quý thay ! hiền sĩ biết chừng cơ trời...*

Lịch-Sơn-Trang 1959

Dương-Tuyên Dã-Phu
PHAN-VỌNG-HÚC

NAM BĂNG - CẦU

(L'ANTARCTIQUE)

THUỘC VỀ AI ?

★ TIỂU-DẪN

- Người ta đang toan tính viết lên băng tuyết của Nam-băng-cầu những nét màu thời-sự.
- Ngày mai đây vì các lợi-ích khoa-học, chính-trị, kinh-tế và quân-sự của con người, vết trắng trên bản đồ sẽ biến sắc thế nào ?



HÒA - TIẾN và vệ-tinh nhân-tạo gây ảnh-hưởng đầu tiên là khiến cho phần đông nhân-loại ưa nhìn lên trời. Cảnh thêm quẽ, cung thiềm tuy chưa hiện-hiện ra trước mắt trần-tục, vẫn đủ sức kích-thích loài người hướng vọng.

Thật là đẹp nết sống của con người ở kỷ-nguyên liên hành-tinh : vươn lên cao, cao tít mù khơi, đến những khu trời trinh-bạch, chưa hề vãn-đục vì không-khí lợi-quyền xung - đột... Nhưng cũng thật là phiền khi con người nhìn trở lại đôi chân dính rế ở địa-cầu, lưỡng-vướng những nhu-cầu thiết-thực.

Không hiểu có phải vì thế chăng mà các nhà khoa-học, chính-trị, chiến-lược thế-giới không chỉ nhìn lên trời, quĩ về một hướng duy-nhất tất cả tư-tưởng và hành-động của họ ?

Sự thật là các nhà khoa - học, chính khách và chiến-lược gia đang nhìn quanh nũa : họ đang tìm đất sống mới cho nhân-

loại, ngay trên mặt quả đất mà thế-nhân cứ đua nhau chê là già cỗi nầy.

Đất sống mới nói ở đây, một địa-vực mênh-mông quanh năm giá băng lạnh-lẽo, có tên là

Nam băng-cầu

Trong khi bạn đọc bài nầy, mười hai nước trên thế-giới đã phái đến lục-địa băng giá cực Nam địa-cầu, cũng như đến các đảo ở Nam băng-dương, những đoàn thám-hiềm khoa-học.

Nam băng-cầu lớn rộng gần bằng Châu-Âu và Hiệp-Chúng-Quốc hợp lại. Nơi đây chỉ có băng tuyết, hoàn - toàn không có người, thú hay cỏ cây. Nhưng hiện nay thì tình-hình đã thay đổi rất lớn. Người ta ghi-nhận một cảnh-tượng hoạt-động hết sức rộn-rịp và vô-số cơ-sở tổ-chức của con người : căn cứ tìm tòi về khoa-học, trạm khí-tượng, phòng thí-nghiệm, hệ-thống ra-da và vô-tuyến truyền-thanh, lô-cốt có hơi sưởi ấm cho người, ga-ra chứa xe vượt - tuyết và cả những sân

bay ; dọc theo duyên-hải, tàu bè chuyên-chở, tàu phá băng đậu dày ở tất cả vịnh, vùng nào không có sơn-băng.

Công - cuộc thám - hiểm và nghiên-cứu Nam băng-cầu nằm trong chương-trình Năm Vật-lý học thế-giới. Nó có ý-nghĩa một sự tấn-công của loài người để chinh-phục địa-vực cuối cùng của trái đất cho đến nay chưa có người đặt chân tới.

Nói cho đúng, ban đầu, nhân-dân thế-giới chỉ chú-ý đến công-cuộc khám phá, thám-hiềm khoảng không-gian liên hành-tinh ; nhưng về sau công-chúng đã nhận hiều được sự quan-trọng của công-cuộc nghiên-cứu Nam băng-cầu và cũng lắng tai nghe tiếng vọng của hoạt-động khoa-học ở miền băng giá đầu mỏm địa-cầu, đồng-thời với đón-chờ âm-thanh truyền xuống trần-gian, từ các vệ-tinh nhân-tạo.

Một số nhà khoa-học còn cho rằng nếu xét về các mặt tiến-bộ của khoa-học và lợi-ích thiết-thực cho các môn khí-tượng học, hải-dương học, kỹ-thuật thu phát-thanh v..v, chương-trình nghiên-cứu Nam băng-cầu có sự quan-trọng và tầm ảnh-hưởng lớn hơn chương-trình tiến lên không-vực liên hành-tinh. Người ta tin rằng rồi đây, khi hieu biết địa-cuộc và miền duyên-hải của Nam băng-cầu, có một ý-niệm về kho tài-nguyên mà lục-địa mệnh-mông này chứa-chất trong lòng, nhận-dịnh ảnh-hưởng của Nam băng - cầu đối với tình - hình khí-tượng, các ngọn gió, các luồng nước bề trên toàn thế-giới, nhân-loại sẽ có thể tự cho là có những kiến-thức đầy đủ về quả đất.

Ngày nay, trên mặt báo - chương, ta thường đọc những thành-ngữ « khoa-học vụ lợi » và « khoa-học không vụ lợi ».

Thật ra cái gọi là « khoa-học không vụ lợi » nhằm một lợi-ích mà không cá-nhân nào muốn chống-đối : nâng cao đời sống nhân-loại.

Trên tinh-thần nhận-dịnh này, chương-trình của Năm vật-lý học thế-giới đối với Nam băng-cầu đương-nhiên là hướng về một mục-dích thiết-thực. Công-cuộc thám-hiềm càng được xúc-tiến mạnh-mẽ, năng-khiếu khoa - học càng được kích - động mãnh-liệt, khi cúi xuống dư-đồ, người ta nhận thấy Nam băng-cầu chỉ được trình-bày bằng.

Một vệt trắng xóa.

Người ấn-hành địa-đồ hẳn có dụng ý khi giới-thiệu Nam băng-cầu như vậy. Vệt trắng to rộng này có màu sắc ấy không phải chỉ vì Nam băng-cầu có toàn băng, tuyết trắng xóa, mà còn vì người ta không biết nên ký-chú như thế nào đối với một địa-vực còn ở ngoài vòng kiến-thức. Màu trinh-bạch, về phương-diện này, nói lên sự băn-khoăn của con người và cũng là một yếu-tố kích-thích con người tìm hiều.

Không ai có thể quyết-đoán rằng Nam băng-cầu thuộc về quốc-gia hay tập-đoàn quốc-gia nào.

Nhà khoa-học không thể chấp-nhận sự kéo dài tình-trạng có một địa-vực đắm chìm trong không-khí « hồng hoang Bàn cổ », giữa thời-đại vô-tuyến truyền-hình và hòa-tiến. Nhà chính-trị và nhà làm luật dự-kiến ngay từ bây giờ những qui-chế quản-trị khu-vực cuối cùng của địa - cầu chưa bị loài người chinh-phục.

Trong khi đó, nhà chiến-lược cau mày, lo lắng về vị-trí tương-lai của các giàn phóng hòa-tiến, đài thanh-sát ra-da, thuộc quyền sử-dụng của ta, bạn và thù.

Nhưng khi nhìn về tương-lai của Nam băng-cầu, phải nói rằng nhà kinh-tế quan-tâm đến lợi-ích khai thác lục-dịa mới mẻ này không kém các hạng người trên.

Ai cũng hiểu rằng một trong những nguyên-nhân sâu xa của các cuộc chiến-tranh, tranh-chấp chính-trị đã xảy ra hoặc đang tiếp-diễn là sự khan-cạn nguyên-liệu thiên-nhiên tại những phần đất của địa-cầu có người ở. Đất mẹ mệt-mỏi lắm rồi, trong khi loài người càng văn-minh, càng ích-kỹ và tham-lam.

Như thế, một đại-lục còn hoàn-toàn trinh-bạch như Nam băng-cầu hấp-dẫn con người cũng không phải là chuyện lạ.

Các nhà địa-chất học đã biết rằng dưới tầng băng giá, đất của Nam băng-cầu ấp-ủ trong lòng cả một kho nguyên-liệu vô-cùng phong-phú và quý giá. Người ta mới báo-động rằng dưới đất có than và nhiều mỏ quặng khác nhau. Hình như chất đồng có rất nhiều. Chắc rằng công cuộc nghiên-cứu tiến-triển sẽ giúp khám-phá những nguyên-liệu khác nữa. Hiện nay người ta đang đặt những câu hỏi về lượng và phẩm của các mỏ quặng. Hẳn rằng các nhà kinh-tế đang thúc-dẩy các nhà khoa-học đề sớm sớm tìm lời giải-đáp vậy.

Tại miền duyên-hải, các vùng Spitzberg và Groenland đã có người ở ; trên các đảo đối-diện với lãnh-thổ Nam băng-cầu như Falkland, Nam Georgie và Nam Shetland, đã có những trại nuôi cừu và những căn-cứ đánh cá voi. Biển ở vùng này mang trong lòng cả một kho lương-thực dự-trữ vĩ-dại cho loài người. Ngoại trừ nguồn lợi cá voi đã bắt đầu được khai-thác kho lương gồm có cá, cua, tôm, tép và bao nhiêu hải vật khác nữa còn hoàn-toàn nguyên-vẹn.

Người ta lại cũng thấy trước rằng, ngày mai đây, Nam băng-cầu rất có thể trở nên một địa-diểm du-lịch. Ai mà không thích đến du-ngoạn phong-cảnh một lục-dịa cho tới nay hoàn-toàn bí-mật đối với loài người ? Trong khi đợi chờ khoa-học chấp cánh cho mình đề lên viếng chị Hằng, chú Cuội, con người thời nguyên-tử sẽ không bỏ qua cơ-hội dạo chơi ở một địa-vực chưa từng có người, thú và cỏ cây. Một công-ty hàng-hải lớn vào hạng nhất của Châu-Âu đang vạch chương-trình sau này đưa các hành-khách đến viếng các biển miền Nam, ghé lại miền duyên-hải Nam băng-cầu. Hai công-ty hàng-không Nam Mỹ, một của xứ Chili, một của xứ Argentine, vừa rồi đã tổ-chức những vòng bay quanh bán-đảo Graham ở địa-đầu Nam băng-cầu, được công-chúng nhiệt-liệt khuyến-khích, tán-thưởng. Những chuyến bay du-lịch khắp Nam băng-cầu, về tương-lai, chắc sẽ được hưởng-ứng nồng-nhiệt hơn nữa.

Như vậy, người ta đang toan tính viết lên băng tuyết của Nam băng-cầu những nét màu thời-sự. Ngày mai đây vết trắng trên bản dư-dồ sẽ biến sắc thế nào, vì các lợi-ích khoa-học, chính-trị, kinh-tế và quân-sự của con người ?

Không ai, trong hiện-tình, có thể giải-đáp câu hỏi này.

Bởi vì — không hiểu sự thật này là điều đáng buồn hay chỉ là chuyện nghiệp-dĩ — Nam băng - cầu đã lọt vào vòng tranh-chấp giữa các lợi-quyền đối-ngịch cũng như không-vực liên hành-tinh.

TIỂU-DẪN

KỲ TỚI: Vài trang lịch-sử.

BÁCH KHOA LX



RÚT KINH - NGHIỆM

15 NĂM

ĐÈN SÁCH



ĐOÀN - THÊM

SAU 15 năm đèn sách, Lư và phụ-huynh rất hài lòng về kết-quả : bắt-cứ ở lớp nào, trường nào Lư cũng đã được khen thưởng và hể thi là đậu. Lư tự xét, cũng yên trí rằng mình học rộng biết nhiều, và ra đời gặp việc khó khăn đến đâu, cũng có thể đảm đương.

Nhưng khi bước chân vào công-sở làm dưới quyền Tây, thì sau vài lần xét qua việc của Lư, Tây bảo : anh cần cố gắng nhiều, học-vấn của anh chưa đủ để tôi giao phó việc quan-trọng. Lư chắc rằng vì lý-do chánh-trị, Tây không muốn cho người Việt giữ chức-vụ cao, nên có ác-ý dè bẹp, và cố gây cho mình tự-ti mặc-cảm, chớ thực ra mình còn học nhiều hơn Tây.

Sau ngày 9-3-1945, khi Nhật đuổi Tây rồi, lại định gọi Tây trở lại, nên bảo bọn Lư và các đồng-sự, qua lời bập bẹ của viên thông-ngôn trình trọng : quan đại-tướng truyền rằng nước Việt-Nam

được độc-lập, song sức người Việt ta còn non, vẫn cần được giúp đỡ chỉ dẫn : nghĩa là Nhật cũng thấy Lư và các bạn chưa đủ năng-lực để đảm-nhiệm việc nước mình. Nhưng Lư lại tự nhủ : thôi thì Đế-Quốc Phù-Tang cũng chẳng hơn gì Thực-dân da trắng, bên nào cũng chỉ viện cớ dìm mình, xét cá-nhân những Kamasuo hay Takasei v.v... nào đã giỏi gì hơn mình ?

Đến khi chánh-quyền đã vào tay già Hồ, phải chạm trán với những người của thời mới, Lư và các bạn bị nhiều cán-bộ khinh thường, ngay ở những phạm-vi mà Lư coi là thuộc học-vấn chuyên-môn của mình. Một cao-cấp ở Liễu-Châu về, không giận dữ không chể giễu, đã thản-nhiên dặn dò các đồng-chí : hạng Lư cũng chưa nguy-hiêm, cố lợi dụng được phần nào thi liệu, nhưng không nên quá tin mà giao công-tác khó khăn, vì thực ra họ chưa biết gì...

Chưa biết gì. Y như lời của cụ Mền Liên^① thốt ra bao lần, khi nói về các con cháu Tú, Cử, Kỵ-sư tây-học, trong những dịp cùng mấy bạn già đàm đạo về các vấn-đề kim cổ.

Tóm lại, hết Tây đến Nhật, hết người nho-học đến người mác-xít, bao giới đã coi rẻ học-vấn của Lư.

Mẹ Tăng-Sâm biết con lương-thiện, nhưng nhiều người nói mãi rằng con giết người, rút cuộc phải tin là con mắc tội. Lư thường yên trí mình có học, song thấy lắm kẻ phê-bình chua chát, thì tự-tín cũng bị lung lay.

Vì thế, đã mấy phen Lư tự hỏi : mình có học nhiều, song kết-quả bị chê bai, có lẽ vì cách học của mình không hợp-lý, không kiến-hiệu ? Lư thắc mắc nhất từ khi phải cố rút kinh-nghiem để trông nom cho đàn con học tập.



— Nó cũng chăm chỉ ! Ở bậc tiểu-học, Lư thường được các thầy khen như vậy. Vì hàng ngày, buổi trưa buổi tối, Lư học bài kêu như con cuốc gọi hè, hay đúng hơn, như bác Tú Cả hồi 1900 theo lời bác kể. Lư cố thuộc vanh vách, nhất là khi được khuyến-kích. Hết đến chơi nhà, thì Bác bảo khoanh tay đọc bác nghe đề thử tài, rồi gật gù ban cho một câu : ừ, mày học cũng thông-minh bằng bác khi xưa ! Cho nên « chó rừng tham ăn hay nuốt vôi » của Nguyễn-Văn-Vĩnh được nằm trong đầu với « người Thừa-Cung đi chẵn lộn » ở Quốc-Văn Giáo-Khoa-Thư, và adjectifs démonstratifs của Larrive-Fleury cũng in vào óc như 3184 thước cao của núi Fan-Si-Pan trong Henri Russier.

— Học như thế thì chỉ nhồi sọ, nhiều điều chẳng ích gì, mà cũng chưa chắc hiểu hết ! Đã có lần ông Phán Sáu chê Lư, nhưng cụ Tú Cả không chịu : thế ra xưa kia các cụ nhập tâm bao nhiêu kinh sách cũng đều vô-dụng ? Chưa hiểu thì hãy cứ nhớ, thuộc Luận-Ngũ từ nhỏ, lớn lên mới « vỡ » dần ra, nếu đợi hiểu rồi mới học thì chỉ nhớ đã kém rồi... Lư chẳng biết ai phải ai trái, song chỉ nhận xét một cách thiết-thực : dù hiểu hay không những chữ khó như tuần - hoàn, bài-tiết, nếu lên bảng đọc cách-trí không thuộc, thì phải chép phạt 10 lần.

Ông Phán Sáu đã thua, lại bị quở là nổi giáo cho giặc lười giặc dốt ; cụ Tú Cả đã thắng, nhờ sự hiệp-lực vô tình của nhiều ông thầy, không những ở bậc sơ-tiểu, còn cả ở cao-tiểu hay trung-học. Đã có những giáo-sư khét tiếng là « hóc búa », không tha thứ cho sự lãng quên, dù là một chi-tiết ; một bà dạy sử, có lần đánh rớt luôn ba thí-sinh vào vấn-dáp Tú-Tài với câu hỏi : Nội-Các Richelieu thành-lập bao giờ ? Ai mà chẳng lăm với Tề-Tướng Hồng-Y-Giáo-Chủ của vua Louis XIII ? Nhưng cả ba đều bị cảm ơn với điểm O, và tra cứu kỹ lại mới biết Thủ-Tướng kia là quận-công đời vua Louis XVIII và Nội-Các của ông cũng chẳng có gì đáng kể ! Lại có giáo-sư vạn-vật-học được sự như ông ba-bị, vì nếu bạn không nói được tên tất cả các xương lớn nhỏ trong sọ, thì cứ việc nuốt hận Tú-Xương mà về học lại đi thôi : cho nên Lư đã bị khủng khiếp, và cố nhớ rằng con chuồn-chuồn thực ra có 74 cái mắt nhỏ hợp lại làm một.

Trái lại, khi thi cử-nhân Luật, có giáo-sư đại-học-dường Paris sang làm chủ-

khảo, đã cười mà bảo các bạn Lur : « Các ông cố-gắng lắm, tôi chỉ trách các ông đã nhớ quá nhiều, làm gì còn thời giờ suy nghĩ nữa ? » Lại có khóa, vừa vào bài thứ hai, thì vị chủ-khảo cho loan báo : có thí-sinh nhớ nhiều quá, nộp bài thứ nhất 16 trang đặc, Hội-Đồng sẽ không thâu nhận những bài dằng đặc như thế nữa ! Than ôi ! Những ông J. Escara hay R. Cassin có kiểm-soát các kỳ thi trung-học mà cứu vớt học-sinh đâu !



Ngoài thói quen cổ thuộc, Lur và nhiều bạn còn mắc phải chứng thiên lệch về một số môn học : húc đầu vào Pháp-văn hoặc Toán, rồi đến lý-hóa, vạn-vật, sử-ký, địa dư ; còn hán-tự, việt-văn, hội-họa, thủ-công, thì chẳng mấy ai chú-trọng. Được điểm cao về luận pháp-văn hoặc tính đại-số, kỷ-hà, thì hí hửng vui mừng ; nếu thấp kém về các môn đó, thì hăm hở đi học tư trong mấy tháng hè. Song những giờ vẽ, giờ chữ nho, hay quốc-văn, được coi như thời-gian nghỉ ngơi, cười nói thì thăm, gọi là học cho xong chuyện ; giáo-sư hội-họa hay hán-tự không được kính nể. có khi còn bị chế giễu ; bạn Thông được phần thưởng Việt-Văn « prix d'Annamite » không thêm đi lãnh ; vì ông thân-sinh chép miệng thờ dãi : úi chao, tưởng giỏi cái gì !

Được nhất về hán-tự, Ôn phải đeo ngay biệt-hiệu « cụ Khổng ». Hoàn được thầy yêu vì có khiếu về Pháp-văn « très doué pour le Français » như lời phê trong học-bạ ; còn Quí, vẽ khá bị thầy khen : nó sẽ làm thơ truyền-thần được đấy ! Lur đã liên-tưởng đến câu phê bình về sự thấp kém của mỹ-thuật Việt-Nam, trong một bài

chính-tả mà tác-giả là J. Boissière « En matière d'art, les Annamites n'ont jamais eu de vastes desseins ».

Một kết-quả của sự đánh giá thiên lệch các môn học, là tin tưởng rằng cần giỏi văn-chương hay giỏi toán-lý, nhưng hơn về bên nọ, thì kém về bên kia. Đôi khi cũng có vài trường-hợp hình như chứng minh định-kiến đó : học-giới vẫn đồn rằng T. L., làm luận Pháp-văn thì được 16, 17 điểm, còn toán thì 0 ; hoặc bạn D. L., toán làm nhanh hơn giáo-sư Br. ; song bài luận được thì được 1/2 điểm : cả hai chỉ đỗ tú-tài nhờ sự can-thiệp của những người có thế-lực ưa văn hay trọng toán. Còn những kẻ khá về cả hai môn, thì lại bị ngờ là làng-nhàng, vì « học gạo » mà đứng đầu lớp, chớ không xuất sắc về môn nào hết. Lur đã quên rằng có thạc-sĩ toán viết sử, biên khảo về văn-chương, chú thích phê bình Mai-Đình Mộng-Ký ! Cán và Huy, muốn tỏ ra thiên-tư đặc-biệt, đã hy sinh nhiều bài khác đề chuyên chú, người về toán, kẻ về văn, rồi đôi bạn thi thành-chung đều trượt hai ba khóa, và thi tú-tài cũng rớt bốn năm lần !

Cách xét đoán thiên-lệch còn đưa tới những kết-luận vội vàng nông nổi về giá-trị các trường, và trình-độ học-sinh ở mỗi nơi. Học-trò trường công, nhất định phải giỏi hơn học-trò trường tư, và ở cùng một cấp, trường Việt thua trường Pháp. Tuy nhận xét đó cũng dựa phần nào vào thực-trạng các học-hiệu thời bấy giờ, song đã thành một tin-tưởng sai lạc với những hậu-quả đáng tiếc : Lắm quá ý vào tổ-chức của trường và năng-lực của giáo-sư, hơn là tin cậy vào sự cố gắng của mình, chớ không nghĩ rằng trường to thầy giỏi chưa thể đương-nhiên biến Lắm thành phần-tử

ưu-tú nếu chẳng tự mình nỗ-lực. Cho nên Lâm đã nài van gia-đình vận động cho chạy từ trường Bào-Hộ sang trường A. Sarraut ; nhưng lúc thi ra, Lâm không đậu trong khi nhiều bạn trường « an-nam » hay trường tư trúng tuyển. Lư đã coi thường Lý, một người nghèo tự-học mà cũng đồng-khoa với mình, vì ngờ rằng Lý không học lớp ông Ner thì triết-học biết chi ? Nhưng khi cùng lên đại-học, Lư mới thấy mình, một học-trò khá của Ner, kiến-văn chỉ bằng độ $\frac{2}{3}$ của anh chàng nằm nhà đọc sách, và tự khi ra đời, thì Lư đành chịu rằng « trong trần-ai ai đã biết ai » ! Bạn Cao, Tú-Tài Tây, coi rở Long, tú-tài bản-xứ : chương-trình học « Bacc. Local » nặng nề khó tiêu, không như chương - trình hợp-lý cấp - tiến của « Bacc. Métro » ; Long bực mình, sĩ-khí bùng bùng, đoạt phăng nốt văn-bằng mẫu-quốc, dù « lưỡng-quốc » tú-tài bị một hồi vàng vọt xanh xao !



— Cháu ốm người vì học đấy ạ ! Má Vĩ soa suýt phàn nàn với cụ Lang Bầy, nhưng tiếng nói như văng giọng thương yêu và tự hào, vì con siêng năng hiểu học. Cụ Lang cho đơn thuốc « Thiên Vương bổ tâm », và gật gù : cậu uống ba thang này thì có thể học đến hai ba giờ đêm cũng chẳng sao ! Có sao đâu ? chỉ rất cò như kếp hát tuồng, mỗi lưng như cụ Tú Cả, tái mét mặt như gà cắt tiết. Vĩ bồi dưỡng để học nhiều hơn trước, chứ không phải để lấy lại dăm cân cho vóc hạc mình về.

Nếu trường-hợp Vĩ không phải là của số đông, thì phần nhiều bạn hữu cũng chẳng chú ý tới sự giữ gìn sức khỏe. Dăm bảy bạn Lư đá banh hay bơi lội, vài

người chịu khó tập theo phương-pháp Dynam hay Pullmann để luyện bắp thịt, còn hàng trăm người khác, ngoài giờ ở lớp, nếu không đọc tiểu-thuyết, đàn hát, chuyện gẫu lãnh nhăng hoặc lang thang mơ mộng, thì chỉ vui đầu vào sách vở, nghỉ hè lại kéo nhau đi học tư. Khi nắng tháng năm đốt rực hoa soạn đề báo động mùa thi, thì hầu hết kém ăn thiếu ngủ : người lười cũng sốt ruột chọn một số bài, cố học thuộc may ra « trúng tủ » phen này.

Cho nên, thi xong, phần đông các ông tú mới chẳng được dư sức. Bước chân vào đại - học, nhiều bạn thân thề đã nhòai : nhưng thanh-niên Pháp mới nỗ-lực thi đua, lắm bạn cho bạn Việt ngạc-nhiên về kết-quả. Có chi lạ ? Họ học điều hòa ở trung-học, rồi nay mới dùng sức-lực sung-túc đã khéo bảo vệ lâu năm. Khôi và Albert S. cũng sửa soạn thi vào Cao-đẳng Bách-Công Ba-Lê ; nhưng Khôi đã phải nhận rằng : trước kia mình vẫn đề đầu nó, nay mình vừa uống dầu cá vừa học, mà nó vượt mình vẫn dễ như chơi !

Với cách học đại-khái như vậy, Lư đã thành một hạng người thế nào ? Có thiệt là học-văn của Lư không đáng kể ? Hay có đáng cho Lư tự đắc như khi mới dời khỏi nhà trường ?

Lối « học gạo » đòi hỏi quá nhiều thời-giờ, nhất là ngoài hai buổi ở trường, ngoài học-khóa 9 tháng. Sự quá độ hàng ngày, sự cố gắng trước mỗi kỳ thi trong mùa nóng bức, sự thờ ơ đối với thể-thao, sự thiếu bồi-dưỡng của đa số bạn nghèo... tất cả các nguyên-nhân đó đã tạo nên một số khá đông thanh-niên, da chưa mồi nhưng vóc như hạc, còn kém các ông Đồ ông Khóa ở chỗ hay phải

đeo kính từ tuổi hai mươi, nhiều khi có bệnh lao mà người thời cò ít mắc.

Cũng có nhiều bạn Lư, được may mắn chớ ít khi vì tập thể-thao, mà có da có thịt; nhưng nếu đủ sức sống bình-thường vô bệnh, thì không mấy người có thể xông pha sương gió như phần đông sinh-viên nước ngoài. Lư còn nhớ khi phải đi khám sức khỏe để vào làm việc công-sở, viên y-sĩ Pháp đã cười mà bảo: những quái thai này chắc học vẹt giỏi lắm (ces phénomènes doivent être très forts en thème). Có bạn thú rằng từ ngày đi học, trong thực-tế không được nghỉ hè, vì nghỉ hè thì phải học tư. Thầy thuốc bảo: thế thì tôi chưa bắt anh đi làm, anh hãy nghỉ 6 tháng tập cho khỏe rồi khám lại: nghĩa là bạn bị phú về, và nếu hết hạn không lên được cân nào, thì học giỏi bao nhiêu cũng bị sa thải, để ôm hận phũ-nhân trí-thức.



Trí-thức?... Tây, Nhật, Cộng-Sản, nho-gia,... đều đã chê, vì chỉ xét theo một chiều. Chưa biết gì, đối với Tây có nghĩa là chưa sành việc hành-chánh và chưa quen soạn thảo công-văn; đối với Nhật, là chưa đủ năng-lực cần cho những chức-vụ điều-khiển mà Tây chưa từng giao phó; đối với các cụ Tú, cụ Mền, là không hiểu gì về lễ nghĩa phong-tục ngàn xưa, và công việc gia hương; còn theo phán đoán của người mác-sít, thì tất cả học-văn tiều-tư-sản đều coi như sai lầm, có hại, và không hiểu lý-thuyết duy-vật, thì sao gọi là trí-thức?

Nhưng sự học đâu phải chỉ có mục-dịch tạo nên người làm việc giấy tờ? Làm ông kỹ-mục trong làng, ông chủ-tể ngoài đình,

hay người chăm lo tồn cò? Hoặc để thành cái đình cái ốc cho một guồng máy chánh-trị vô hồn? Tại sao không thể học để con người phát triển được hết khả-năng, tự thực hiện để giúp ích cho nhân-quần xã-hội?

Điều này đã bị một số người quá nghiêm-khắc tỏ ý ngờ vực, vì theo họ, thể-hệ Lư chỉ cố đoạt mảnh bằng để mong vinh thể ấm tử. Thực ra, ngoài vấn-đề mưu sinh không thể tránh, Lư và nhiều bạn, từ khi ở trung-học, ôm ấp hoài-báo không ích-kỷ: nếu dưới chế-độ ngoại-thuộc chưa thể có kỳ-vọng xây dựng ngay đất nước, và dầu sự dắc-dụng còn tùy thời-cuộc, thì ít ra cũng phải nghĩ đến tương-lai dân-tộc quốc-gia, và cố gắng thành người tân-tiến, sao cho kịp các bạn trẻ nước ngoài: không có tiêu-chuẩn nào khác để so sánh đo lường trình-độ trí-thức của các bạn và Lư.

Mục-tiêu như trên, Lư tin là chính-dáng. Song nay ngẫm lại, thì đường lối đã noi theo, không được tìm chọn kỹ, phương-pháp học thuộc nhớ nhiều, hầu như không đưa tới kết-quả xứng với công-phu?

Không mấy vấn-đề làm cho Lư nhức đầu quần trí bằng câu hỏi đó: nghĩ đi thấy phải, nghĩ lại thấy trái, có lúc tưởng đứng trước mâu-thuẫn, quanh co mãi mới tới những nhận xét sau:

Con người đâu phải là « bồ chữ » như Cao-Bá-Quát đã tưởng? (1) Học kỹ lắm, ở mỗi cấp Lư cũng chỉ nhớ được 3/4 hay

(1) Người ta đồn rằng Cao-Bá-Quát thường nói: trong trời đất có 4 bồ chữ, ông giữ một, anh ông là Cao-Bá-Đạt và bạn ông là Nguyễn-Tử-Siêu mỗi người giữ một, còn có một bồ chia cho cả thiên-hạ.

2/3 sách thuộc các chương-trình, và lên chặt óc bao nhiêu trước mỗi kỳ thi, thì dăm bảy tháng sau khi đỗ, mười phần bắt quá nhớ hai, ba. Chính Lư thường nói đùa : giá thử có lệ thỉnh thoảng bắt thi lại, thì chắc chắn là mình « bay » trước nhất. Một hai năm sau khi đậu tú-tài, thì trong thực-tế, Lư lại thấy mình dốt hơn những bạn lớp đệ-nhất sắp đi thi. Mới đây, con Lư học lớp đệ-tứ, có mấy bài tính lý-hóa hoặc kỹ-hà đưa hỏi, thì Lư hứa hẹn : ừ, dễ rồi ba xem cho ! nghĩa là ba dùng kế hoãn binh để còn lên học lại những công-thức và luật Faraday đã !

Nhân những dịp đó, Lư phải tự hỏi : thế ra mình học bao nhiêu mà chẳng có dịp dùng, nên quên gần hết, và học chẳng ích gì hay sao ?

Quên thì dĩ-nhiên, nhưng vô-dụng hẳn, thì chưa đến nỗi. Nghề nghiệp của Lư không buộc làm những bài toán, song những việc kinh-tế xã-hội v.v... mà Lư thường phải cứu xét và giải quyết vẫn đòi áp dụng những nguyên-tắc và phương-pháp toán-học, khoa-học : đặt vấn-đề cho thiệt rõ với đầy đủ khía cạnh, suy luận từ yếu-tố nọ đến yếu-tố kia, chứng minh, dẫn giải, tránh mâu-thuẫn, phân tích, tổng hợp v.v... Toán lý-hóa đã rèn luyện trí não Lư để hướng vào những đường lối khả-di đưa tới giải-pháp, nếu không ở phạm-vi trừ-tượng của những con số, thì ở trong thực-tế phức-tạp hàng ngày. Suy rộng ra về các môn học khác, Lư cũng đi đến kết-luận tương-tự. Như về sử-ký, tài nào nhớ nổi những việc linh-tinh xảy ra ở mỗi thời ? và nhớ làm chi trận Marengo hay hiệp-ước Shimonseki về năm nào ? Song Lư biết tìm tòi ở loại sách gì khi cần đến, biết

dùng tài-liệu lịch-sử để dẫn chứng những ý - kiến muốn trình bày, biết truy cứu nguyên-nhân những cuộc biến-chuyển theo lối Malet-Isaac, Lavisse, Taine hay Augustin Thierry, v.v... việc sử thì không nhớ, nhưng phương-pháp nghiên-cứu và lợi dụng sử thì biết qua. Nên sau cơn bứt dứt, Lư lại tin rằng : kết-quả học hỏi của mình là ở chỗ đó, và ở đó một phần lớn, chứ không hẳn ở những bài đã thuộc. Có lẽ vì lý-do đó mà một thức-giả phương Tây đã nói : kiến-thức là cái gì còn sót lại khi người ta đã quên hết những điều đã học (La culture est ce qui reste, lorsqu'on a tout oublié).

Câu này tuy có phần đúng, chưa định nghĩa được kiến-thức, và không khỏi tánh-cách chủ-quan trào phúng, giễu cợt người dùng ký-ức mà học. Có người không thi đỗ, chê bai bằng cấp, thì cũng có người không chịu nhớ hay không thể nhớ, làm ra vẻ khinh kẻ nhớ sách. Thực, ra ký-ức vẫn là điều-kiện cốt-yếu của học - vấn, miễn là nhớ thì phải hiểu, và khéo biết khai thác xử dụng dưới hình-thức này hay hình-thức khác vào văn-chương, nghệ-thuật, nghề nghiệp, đời sống hàng ngày...

Một điều chắc chắn, là khi học ngoại-ngữ, trước hết cần ký-ức, càng nhớ càng hay. Muốn tiến bộ mau về văn thơ, tìm hiểu mẹo luật, không có hiệu-quả bằng thuộc nhiều cho quen lời quen điệu, và tự lý-hội lấy những lẽ lối hành-văn, mà nhà văn-phạm và các giảng-sư cổ phân tích tỉ mỉ. Có bạn hiểu biết luật Bằng, Trắc, mà không làm được thơ, trái lại có người chẳng thuộc T.T.B.B.T.T.V... mà vẫn làm thơ Đường rất nhanh và không thất-luật, chỉ vì thuộc và ngâm

nhieu thơ Lý, Đỗ. Một số bạn viết Pháp-Văn giỏi, đã tự luyện bằng cách chép lấy một tập trích-diểm, đọc sách thấy câu nào đoạn nào hay thì ghi đề nhập tâm, rồi thỉnh thoảng đọc đi đọc lại cho « bén hơi văn ».

Tóm lại, về phương-diện trí-thức phổ-thông, Lư quên mất nhiều điều đã học, chỉ còn nhớ đại-cương, song dù sao cũng thu lượm được kết-quả mà Lư coi là hữu-ích nhất : rèn luyện lý-trí theo đường lối khoa - học, và lý-hội được những phương-pháp căn-bản của học-thuật Âu-tây. Rồi chịu khó áp-dụng, nên một số người hơn tuổi Lư, đã hiến cho dân-tộc những công-trình nghiên-cứu và tác-phẩm văn-ngệ mới mẻ không thấy trước đây 50 năm : tuy-nhiên hãy còn ít lắm, nên thể-hệ Lư cần cố gắng hơn nữa để tiếp tục và bổ túc công cuộc canh-tân của lớp người trước. Và chân-giá của kỹ-thuật đã thu thái, cần được thử thách nghĩa là đối chọi với thực-tế Việt-Nam và châm chước thế nào cho hợp với hoàn-cảnh xứ nhà.

Ở phạm-vi chuyên-môn, Lư phải thú nhận rằng còn khiếm khuyết nhiều lắm. Cho tới hồi kinh-tế khủng-hoảng 1929-34, chương-trình học các ngành y-tế, canh-nông, thương-mại, sư-phạm, v.v... chưa được đầy đủ như của các trường cao-đẳng Pháp-quốc, vì chánh-quyền thuộc-địa vẫn chỉ có ý đào tạo một số nhân-viên đủ khả-năng làm phụ-tá các cấp điều-khiển Pháp, hoặc thay thế dần những công-chức Pháp ở cấp trung-đẳng mà thôi. Đến khi tình-thế bắt buộc mở rộng hơn phạm-vi học hỏi cho người Việt, thì các trường đại-học mới được lập dần từ 1934 - 35, với những chương-trình và ban giảng-huấn có trình-độ

tương-tự như ở Pháp. Thể-hệ Lư đã học theo chế-độ này.

Song sự huấn-luyện ở đại-học đầu tiên hơn trước, vẫn chưa đi xa trên đường chuyên - môn - hóa. Các bạn Lư ở trường Thuộc, đậu bác-sĩ rồi mà muốn chuyên trị bệnh mắt, bệnh lao v. v... thường phải xin sang Pháp học tiếp. Ở trường Luật, trong bốn năm kể cả năm dành riêng cho luật Đông-dương, sinh-viên học tất cả 14 môn từ pháp-lý đến kinh-tế tài-chánh, thành thử vẫn phải phân tán trí-lực chớ chưa được qui tụ vào một ngành chuyên-khoa để đi tới uyên-thâm : muốn thế, còn phải học nhiều năm lên bậc tiến-sĩ, thạc-sĩ ; nếu mong thực hành ở những nghề cần đến luật-lệ, ít ra cũng mất vài năm mài giũa để áp dụng cho thích - hợp những phương-pháp luật-học, những nguyên-tắc pháp-lý.



Thế còn đức-dục thì sao ? Thiệt quả là không được chú-trọng ở cấp nào hết. Ở giàu-học và cao-tiêu, một giờ luân-lý mỗi tuần cũng được coi như môn phụ ; còn ở trung-học thì mãi tới lớp triết-lý mới dạy qua, kèm theo với tâm-lý, siêu-hình... mà lại thiên về phương-diện khoa-học, kiểm điểm phê-bình các lý-thuyết hơn là có tham vọng trau dồi đạo-đức. Rất ít bạn ưa môn đó, và đã không sốt-sắng thì còn « thành-ý, chính-tâm » để « tu thân » làm sao ?

Cụ giáo nào có gan kích thích tinh-thần quốc-gia ? Nếu nhân bài văn-chương hay lịch-sử mà nói về lòng ái-quốc, thì chẳng bao lâu bị buộc tội tuyên truyền chống lại « nhà nước ». Quân, sư, phụ ? Vua thì còn có gì đáng kính nữa ? Thầy, thì các cụ giáo nhiều lần lắc đầu chép miệng, nói với nhau hay với vài học trò thân : thôi,

thời buổi này, thầy đối với các anh chỉ là « lão ấy », nghề bạc bẽo này ai kể vào đâu ? Lư cũng không hiểu do từ đâu, đã phát sinh thói xấu chề giễu trêu trọc giáo-viên và nhất là giáo-sư ? Còn như nói tới hiếu thảo thì các bạn cho là thừa, buồn ngủ, ai chẳng biết ? Tam-cương không còn sức trối buộc, thì biết dạy cái gì ? Nhưng nếu hồi đó, Đức-dục bị xao lãng, chắc chắn không phải lỗi các ông thầy.

Nói đến đạo đức, thì bị cười ngay là hủ-nho, hoặc bị ngờ vực là muốn lên mặt dạy đời. Ở nhiều trường-học, Lư đã phải giả vờ a dua đảng điểm hay phóng túng, để khỏi bị coi là « gấu », là « khó chơi », là « Cự Khổng » ít ra là « già ». Những tiếng than thở của một số nhà nho còn lại, chỉ có các cụ nghe với nhau. « Nho-giáo » của Trần-Trọng-Kim được coi như một pho sách nghiên-cứu công-phu, nhưng gây làm sao nổi lúc đó một phong - trào chấn-hưng đạo-học ? Một số nhà văn cấp-tiến, được thanh-niên ưa chuộng, mới chỉ mượn được của phương - tây một ít tư-tưởng lãng mạn để làm lợi khí phá đập cho vỡ nổi những nền tảng luân-lý đã lung lay, chứ chưa đưa về được những vật-liệu xây dựng một tin-tưởng mới.

Trong hoàn-cảnh học-đường và xã-hội như vậy, nếu một số bạn Lư không bị lôi cuốn vào những con đường đen tối nhưng đầy quyến rũ, không phải là nhờ ở những chương - trình học chú trọng vào lý - trí, nhưng có lẽ vì thừa hưởng di - phúc tiền-nhân bao đời tích-lũy, nghĩa là chút nho-phong còn sót lại, hay đúng hơn đã thấm nhuần quá lâu vào tinh-thần người trước mà dai dẳng truyền lại cho những bạn trong sạch, ngay thẳng, thực thà : song nếu đã

thành những chồng tốt, người cha hiền, người bạn quý, thì các bạn và Lư cũng chưa từng được hun đúc để có khí - phách dũng-cảm, có những đức-tính hùng mạnh mà thời-cuộc sắp đòi hỏi... Cự Tú Cầm đã phê một câu khiến Lư ngẫm mãi về sau : « gặp thời bình, Tào-Tháo nó tầm thường, gặp thời loạn, nó anh hùng ; còn các anh, ở thời bình, may ra cũng kha khá, nhưng nếu gặp thời-loạn, thì có lẽ cũng... hèn ».



Đại-khái Lư đã học, được học, hay phải học như trên. Những sự lăm lăm của mình, Lư mong các con tránh khỏi ; nên trong phạm-vi giáo-dục gia-đình, Lư đã cố cải thiện dần cho chúng như sau :

— Cần giữ gìn sức khỏe, dù phải bớt thời giờ học : độ 9 giờ tối phải đi ngủ ; học cho đều trong niên-khóa, chớ không cầm đầu cầm cổ lúc gần thi để sút cân ; không đi học tư trong những tháng nghỉ hè : nghỉ hè là thời-gian để nghỉ, sự dĩ-nhiên này cũng cần nhắc lại vì hay bị lãng quên. Muốn cho chúng bồi bổ phần nào về phương-diện trí-thức, thì cho đọc sách giải-trí, nhưng cần nhất là phải chơi, bơi lội, đá banh, cắm trại v.v... ; không biết trò lành mạnh, thì lớn lên sẽ đi tìm những thú vui bị cấm để giết thời giờ. Ưa đàn hát thì cho tập : sừng ca chưa chắc đã vô hại ; tập vẽ ; cang hay : hội-họa có giá-trị như văn-chương, âm-nhạc.

— Đức-dục, phải đặt lên trên trí-dục, nhưng thực hiện được cũng khó lắm thay ! Kiểm-soát để ngăn ngừa tính xấu, tương đối dễ hơn ; nhưng muốn tích-cực thời

thì hãy mong gây cho mỗi đứa được một tính tốt đã : một tính tốt sẽ sinh mười điều tốt. Làm sao bồ túc gia-huấn cồ-truyền để gây tính-thần đoàn-thề, và quốc-gia ? Thử tránh dùng những danh-từ to tát, nhưng khuyến khích cho có nhiều bạn hữu ; tuy phải giúp chúng chọn lọc, cố tìm những tí-dụ cụ-thể để dần dần cho hiểu vì sao phải tòng quân, đóng thuế, thân muốn sống thì nước phải thịnh-vượng như Bỉ, như Hòa-Lan, như Tân-Tây-Lan...

— Liệu cấm học vanh vách, giá thử vì thế mà chúng bị kém điểm trong lớp thì cũng đành. Chỉ có thể học nếu đã hiểu, và chưa hiểu thì cho hỏi đến khi nào hiểu được. Học sinh-ngữ, thì phải tập nói chứ không phải chỉ để dịch văn. Không được thiên về môn gì ở trung-học, kém môn nào thì phải cố gắng hơn về môn đó. Giảng cho hiểu rõ ích-lợi của từng môn, chứ không đợi như Lư lên tới lớp triết-học mới thấy các bài thực-vật, khoáng-vật rất cần-thiết để tìm hiểu nhiều vấn-đề nhân-sinh và vũ-trụ. Cấm ngắt học « trúng tử », cấm ngắt thói tập tễnh nhảy lớp ; học sồi sẽ đuối sức, và lừa mình dối thầy. Quên : phải tôn kính và tin tưởng vào thầy, và chứ có yên trí rằng thầy ngoại-quốc giỏi hơn thầy Việt-Nam ; nếu giảng lại bài, mà lỡ Lư thấy mâu-thuân với lời thầy, thì nhất định Lư nhận là thầy phải hơn, để giữ uy-tín cho thầy. Không thể vu tội cho thầy lười không giảng : chắc chắn là con lơ đãng không nghe. Nếu con học kém là lỗi con trước, và lỗi Ba sau.

— Lên đại-học, thì dù ở trong nước hay được xuất dương, các con sẽ phải

tìm hiểu nhu-cầu của xứ sở, nhất là ở phạm-vi chuyên-môn mà chúng học để hoạt-dộng sau này ; và bất-cứ học ở ngành nào, cũng cần nuôi dưỡng ý chí Việt-Nam-hóa những điều học được của thế-giới ngày nay, trong những công-tác kiến-thiết sẽ thực-hiện, hoặc về phương-diện nghiên-cứu và phổ-biến : dẫn Lư sẽ tự mình hoặc nhờ cậy bạn hữu chỉ giúp chúng. Còn sự-trạng phải học nhiều môn hay được học ít môn chuyên - khoa, thì dĩ - nhiên tùy những chương-trình mà Lư chẳng có quyền ấn-dịnh. Dù sao Lư sẽ khuyên chúng cố gắng lý hội những phương-pháp tân-tiến, hơn là xử dụng ký-ức để biết rồi lại quên : Lư và các con sẽ có dịp tranh-luận và kiểm thảo. Nếu con học về máy móc, hay nhờ răng, trồng tía, và dầu Lư không biết được những điều tiết chuyên-môn như con, Lư cũng có đủ kiến-thức căn-bản để con trần thuyết về các vấn-đề học hỏi, để liệu xem con chỉ nhớ sách hay biết suy xét và có sáng kiến, con thiết-thực hay viển vông, có thể ích gì cho nước, hay càng lớn tuổi càng nghĩ đến con nhiều hơn hoặc chỉ nghĩ đến tiền mà thôi. Khi đó, còn có thể giúp cho con chừng nào, Lư vẫn sẽ cố chừng ấy...



Còn chi nữa ? Còn phải theo dõi các con lâu năm mới tìm dần được những cách thiết-thực khác để giúp chúng tiến bộ : có lẽ như vậy ích lợi hơn là ngồi lên tiếng phê-bình các chương-trình học, và chỉ trích suông các ông bà thầy.

Đ.T.

Trần - Huyền - Trang

VÀ

chuyến thỉnh kinh lịch sử

✧ TRẦN-HÀ ✧

(Tiếp theo số 58)

Tranh-luận với phái Tiều-thừa

Kiết - Nhực - Cúc - Âm - Quốc (Kanya Kubja) (hiện là tỉnh Pradesh) là một nước lớn của Trung-Ấn-Độ, do Cúc-Đa-Vương trào trị vì, chỗ này cũng là nơi hưng thịnh nhất của nền văn hóa Ấn-Độ thời Trung-cổ — Bấy giờ, Giới Nhựt-Vương đang tại vị, hết sức lo hoàng dương Phật pháp. Ngày nọ, Giới Nhựt-Vương thân chinh nước Cung-Vệ-Đà (Kongoda) (hiện là các tỉnh Madras và Hyderabad), dọc đường ngang qua xứ Ô-Trà (Udra) (hiện là tỉnh Orissa), nghe trong xứ ấy, có một vị pháp sư của phái Tiều-Thừa là Bàn-Nhực-Cúc-Đa, đã viết bảy trăm tụng (mỗi tụng ba chữ) nhan đề là Phá-Đại-Thừa-Luận, công kích phái Đại-Thừa là tà đạo. Giới-Nhựt-Vương bèn gởi thư đến Giới-Hiền pháp sư, yêu cầu phái



người qua nước Ô-Trà để tranh luận với phái Tiều-Thừa. Bốn người học trò lớn của Giới-Hiền là Huyền-Trang, Sư-Tử-Quang, Hải-Tuệ, Trí-Quang, được pháp sư giao cho sứ mạng quan trọng ấy. Mấy người kia có ý sợ, duy Huyền-Trang vẫn bình tĩnh, tìm bản « Phá Đại-Thừa-Luận », gia tâm nghiên cứu tỉ mỉ, gặp đoạn nào có nghi vấn thì bàn bạc với người Bà-La-Môn đã tranh luận với mình độ trước.

Sau đó, Huyền-Trang viết ra một ngàn sáu trăm tụng « Phá Ác-Kiến-Luận » trình lên Giới Hiền pháp sư và công bố cho tăng chúng trong chùa xem ; ai nấy đều phục tài.

Bảy giờ, Quốc - Vương Cưu-Ma-La (Kaumava) nước Già-Ma-Lũ-Ba (Kamaroupa) (hiện là tỉnh Assam) cũng rất mộ tài Huyền-Trang, nên đã đặc phái sứ thần qua rước trước. Khi Giới Nhựt-Vương trở về nước, nghe tin Huyền-Trang đã qua Già-Ma-Lũ-Ba, bèn lập tức kéo quân theo rước trở lại. Cuối cùng sau một cuộc bàn cãi gay go, hai bên thỏa thuận, vì lợi ích hiền dương phái Đại Thừa mà thỉnh Huyền - Trang qua Khúc - Nử - Thành (Kanauj) kinh đô xứ Kanya Kubja (của Giới Nhựt-Vương) khai đại hội, mời các nước đến chứng kiến tài nghị luận của một học giả trứ danh của phái và của Trung Quốc.

Tháng chạp năm ấy, đại hội khai mạc. Nhân sĩ, tăng chúng các nơi từ ngàn dặm lũ lượt kéo đến tham dự, trong số đó, có mười tám quốc vương của mười tám nước trong năm miền của Ấn-Độ, ba ngàn tăng-lữ lão-thông cả hai phái Đại Thừa và Tiểu Thừa, hai ngàn người Bà-La-Môn, và rất đông tăng lữ chùa Na-Lam-Đà. Tuy học phái, tín ngưỡng khác nhau nhưng mấy ngàn người ấy toàn là những học giả uyên bác. Có thể nói đây là một đại hội văn hóa toàn quốc của Ấn-Độ, xưa nay mới có lần đầu. Tại nơi hội sở, có dựng ra hai thảo điện, mỗi thảo điện có thể chứa hơn hai ngàn người. Ngày khai mạc, sau khi rước Phật vàng ra điện, và bài đàn lễ thí thực xong, quốc vương và cử tọa đồng mời Huyền-Trang lên ngồi ghế luận chủ

(như chủ tọa hiện nay). Tài liệu chủ yếu được đem ra diễn giảng là « Phá Ác Kiến Luận » cùng một số nguyên lý Đại Thừa khác. Cuộc diễn giảng kéo dài đến mười tám ngày và phái Đại-Thừa đã thắng trong cuộc tranh biện ấy. Nhưng, cuộc tranh chấp giữa hai phái Đại và Tiểu-thừa đâu thể giải quyết một cách mau lẹ và dễ dàng như thế được ? Bằng chứng là mãi đến nay, hai phái ấy vẫn chưa ai chịu thua ai. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng biện luận trôi chảy giữa một số học giả đông đảo như thế, Huyền-Trang quả là một bậc kỳ tài.

Sau đó, Huyền - Trang lại cùng Giới-Nhựt Vương qua Bản-La-Da-Già-Quốc (Prayaga), mở đại hội Vô-Già đến bảy mươi lăm ngày, số người tham dự có trên năm chục vạn.



Trở về nước

Bảy giờ Huyền-Trang đã bốn mươi tám tuổi, và qua Ấn-độ đã được 13 năm. Mười ba năm không một giờ phút nào không nghiên cứu, học hỏi, khảo sát đồ đây. Thấy sự học đã tương đối thành tựu, Huyền-Trang bèn nhất quyết về nước. Mặc dù các vị quốc vương, tăng lữ và dân chúng Ấn-độ hết sức cầm lại, Huyền-Trang vẫn không đổi ý.

Năm 643 (sau k. n.), tức năm Trinh-Quang thứ 17, Huyền-Trang đã dùng đại-tượng, lạc-dà, ngựa, chở sáu trăm năm mươi bảy bộ kinh cùng nhiều đồ quý báu khác lên đường về nước.

Mặc dù đường đi rất khó khăn, nhưng kinh điển vẫn không mất mát bao nhiêu. Chỉ có lần qua sông Tín-độ (Sindhu) nước

Đàm-sa-hộ-la (Takshacila) chìm thuyền mất hết 50 hiệp kinh và một số đặc sản cùng hạt giống kỳ hoa dị quả của Ấn-độ. Lúc ấy, quốc vương Kâcmir đang ở thành Ô-đạc-gia-hán-trà (Oudabhandu) tình cờ gặp Huyền-Trang, bèn phái người đưa ông đến tận miền phía Tây Đại-tuyết-sơn (Hindoukouch) Huyền-Trang vòng theo miền Đại-tuyết-sơn, đến Thông-lãnh, rồi qua Khiếp-sa-quốc (hiện là vùng Sơ-lặc, Tân-cương Kiếp-bản-đà-quốc (Tach-Kourghan) (hiện là Tháp-thập-khồ-nhĩ, Tân-cương), Khâm-câu-gia-quốc (Kargalik) (hiện là Hấp-nhĩ-khát-ly-khắc, Tân-cương), rồi vào xứ Vu-diễn (Khotan, Tân-cương). Tại đây, ông bị quốc vương Kho-tan lưu lại bảy tháng để giảng kinh cho dân bản xứ nghe. Thừa dịp ấy, Huyền-trang cho người qua các nước Kiếp-sa, Quật-chi để tìm sao chép những bộ kinh đã mất khi đắm thuyền tại sông Tín-độ. Các thớt tượng của Giới-Nhật-Vương tặng, đã đau chết, nên lại phải chọn lừa ngựa thêm để thay vào. Mặt khác, ông lại nhờ thương đội nước Kho-tan may giúp một phong thư về Trường-an để xin phép triều đình cho nhập cảnh (vì lúc trước Huyền-Trang đã vi-lịnh trốn đi.) Đường-Thái-Tông được thư cả mừng, chẳng những xá tội, chuẩn nhận cho Huyền-Trang về nước, mà còn sai sứ giả qua các nước Huyền-Trang sẽ về ngang, yêu cầu họ giúp đỡ phu, mã và mọi sự dễ dàng cho ông.

Ngày 24 tháng giêng năm 645 sau k.n. (năm Trinh-Quang thứ 19), Huyền-Trang về đến Trường-An. Vua Đường ủy nhiệm cho các quan Hữu-Bộc-Xạ Phòng-Huyền-Linh, Hữu-Vũ-Hầu Đại-Tướng-quân Hầu-Mạc, cùng Ung-Châu huyện lệnh và

Trường-An huyện lệnh tổ chức cuộc tiếp đón rất trọng thể. Hàng vạn dân chúng ra đường hoan hô nồng nhiệt.

Tính ra, Huyền-Trang đã đời Trung-quốc đến 17 năm, (hai năm đi, hai năm về, 13 năm lưu học) đi trên năm vạn dặm đường, qua 128 quốc gia lớn nhỏ. Ông đã mang về được :

- một trăm năm chục Xá-lợi-tử.
- hai tượng Phật gỗ đàn tô kim, cao 3 th. 3 tấc và 3 th. 4.
- một tượng Phật gỗ đàn tô ngân, cao 4 th.
- ba tượng Phật bằng đàn hương :
 một cao 3 th. 50.
 — — 2 th. 90.
 — — 2 th. 30.
- 657 bộ kinh, chia làm 520 hiệp.



Huyền-Trang nghe Đường-Thái-Tông sắp đi đánh Liêu-Đông sợ đi chậm sẽ không kịp gấp rút về cho kịp. Tháng giêng năm 643 thì đến Tây-kinh, vào yết kiến vua ở cung Phụng-Lâu, thành Lạc-Dương. Vua tiếp đãi rất hậu, và hỏi :

— Khi nhà sư ra đi, sao không báo cho biết ?

Huyền-Trang tâu rằng :

— Trước khi thân ra đi, có đôi ba lần tâu xin, chỉ vì lòng thành nhỏ mọn không đạt tới, nên chẳng được chuẩn y. Song cái lòng mộ đạo khôn xiết, nên tự lèn đi, cái tội tự chuyên ấy rất lấy làm sợ hãi.

Vua lại hỏi những việc ngoài cõi Tây-Vực, từ Tuyết-Lĩnh trở về phía Tây cho đến cõi Ấp-Độ, Huyền-Trang đều trả lời

trôi chảy. Vua khuyên ra làm quan, nhưng Huyền-Trang khéo léo chối từ. Khi vua đi đánh Liêu - Đông, cũng muốn đem Huyền-Trang theo, ông cũng thối thác, chỉ nguyện một lòng theo Phật đến cùng.



Công cuộc dịch kinh.

Tháng ba năm 645, đúng ngày mồng một, Huyền-Trang về chùa Hoằng-Phước-Tự (Trường-An) để bắt đầu công cuộc dịch kinh đại qui mô. Để tiến hành việc dịch thuật được chu đáo, ông còn thỉnh thêm nhiều vị cao tăng, học giả đến giúp sức, tổ chức thành một ban phiên dịch gồm các bộ phận :

1.— *Dịch chủ* : tức những người đóng trò chủ yếu, phải lão thông cả hai thứ tiếng Trung-Hoa và tiếng Phạn, hiểu rõ nghĩa lý kinh điển. Phàm gặp các chỗ nghi vấn, phải có đủ khả năng phán đoán.

2.— *Chứng nghĩa* : giúp cho các dịch chủ ; có bốn phận đọc lại hết các bản dịch xong, đem đối chiếu với bản chữ Phạn. Nếu có chỗ nào nghi vấn hay sai lạc, phải bàn bạc với các dịch chủ để sửa chữa cho ổn thỏa.

3.— *Chứng văn* : khi dịch chủ đọc bản Phạn văn, phải dò xem bản dịch Hoa văn có chỗ nào nghe không sát với nguyên bản chăng ?

4.— *Thư tự* : chép những chữ âm của Phạn tự ra Hoa văn.

5.— *Bút thụ* : chép nghĩa từ chữ Phạn ra chữ Hoa.

6.— *Chuốc văn* : xét về văn pháp trong các bản dịch.

7.— *Tham dịch* : lại đem cả hai bản nguyên văn và dịch văn so sánh coi đã thật đúng chưa ?

8.— *Phán định* : xem về phần xếp câu, xếp đoạn, chương, tiết trong bản dịch để đừng sai với nguyên văn và hợp với văn thể Trung-Hoa.

9.— *Nhuận văn* : để gọt cho được trơn bết điều luyện.

10.— *Phạn bội* : coi việc phiên âm chữ Phạn cho đúng.

Trước đây một ngàn ba trăm năm mà đã tổ chức được như thế, Huyền-Trang quả là một người có óc tổ chức rất khoa học.

Việc phiên dịch kinh Phật ra chữ Trung-Hoa đã bắt đầu từ đời Đông-Hán, nhưng từ đấy cho đến đời Đường, công việc phiên dịch đều do người ngoại quốc đảm nhận.

Đời Đông-Hán, hai nhà sư Thiên-trúc qua Trung-quốc, là Ca-Điệp Ma-Đẳng và Trúc-Pháp-Lan, đã dịch ra được 24 chương (chưa rõ là kinh nào). Rồi từ đấy, băng đi một thời kỳ dài, mãi đến đời Đông-Tấn và đời Tùy, mới có một vị Tì-Khưu nước Qui-Từ là Cưu-Ma-La-Thập tổ chức một ban phiên dịch và dịch được khá nhiều kinh điển. Cưu-Ma-La-Thập giỏi cả tiếng Phạn lẫn chữ Trung-Hoa ông dịch miệng cho người khác chép, và rất chú trọng dịch nghĩa nên lời văn khá lưu loát.

Tuy nhiên, vì những người phiên dịch trước không phải người Trung-Hoa, nên dù sao việc phiên dịch cũng không được hoàn hảo lắm.

Huyền-Trang là người Trung-Hoa, ở Ấn-Độ lâu năm, việc phiên dịch lại được

tổ chức qui mô và hoàn bị, cho nên việc dịch thuật so với trước chu đáo hơn nhiều.

Bấy giờ, vua Đường lại yêu cầu ông đem việc đi Tây-Vực chép lại thành sách. Huyền-Trang vâng chỉ và mùa thu năm sau, bắt đầu viết bộ « Đại-đường-Tây-Vực-Ký », gồm 12 quyển, ghi lại đầy đủ cuộc du hành 17 năm, với tất cả tình hình địa lý, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, phong tục, tập quán, v.v... của 128 nước mà ông đã đi qua hoặc trú ngụ. Bộ sách này chẳng những là một bộ du ký tỉ mỉ, mà còn có thể coi là một bộ sách địa lý, và lịch sử của các nước Ấn-độ và Trung-Á. Những tài liệu trong bộ Tây-Vực-Ký đã giúp ích lớn lao cho các nhà khảo cổ Ấn-độ sau này. Các học giả Ấn-độ đã nhờ rất nhiều các tài liệu trong sách ấy để chỉnh lý những điều còn mơ hồ trong lịch sử và địa lý Ấn-độ hồi thế kỷ thứ VII. Hiện nay, bộ du ký này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Nhật, Đức...

Đường-Thái-Tông còn yêu cầu ông dịch bộ Đạo-đức-kinh ra chữ Phạn để giới thiệu đạo Lão với người Ấn. Tuy nhiên, có ý nghĩa lớn lao hơn cả có lẽ là việc phiên dịch bộ « Đại-thừa khởi-tín-luận » trở lại chữ Phạn. Nguyên bản Phạn-tự của bộ kinh này ở Ấn-độ đã lạc mất từ lâu, nhưng bản dịch Hán-văn vẫn còn tại Trung-quốc. Dem bộ kinh này dịch trở lại Phạn-tự, phải chăng là một cách trả ơn thanh cao của Huyền-Trang đối với một nước đã nuôi dạy mình hơn 13 năm trường?



Khởi đầu từ trung tuần tháng 5 năm 645 đến cuối năm thì đã dịch xong bộ

Đại-bồ-tát-tạng-kinh và Phật-địa-kinh. Qua tháng năm năm 648 (Trinh-quang thứ 22), Huyền-Trang dịch xong tất cả 9 loại kinh. Tháng 6, ông đến yết kiến Đường-Thái-Tông tại Ngọc-Hoa-Cung, và dâng các bộ kinh dịch xong lên vua ngự lãm. Vua Đường bôn thân ngự chế bài tựa « Đại-Đường Tam-Tạng thánh giáo tự » và hạ chỉ sai hòa thượng Hoài-Nhân học theo thư pháp Vương-Hi-Chi chép ra và khắc trên bia đá. Riêng nhà đại thư pháp Chử-Toại-Lương cũng phụng chỉ sao thành hai bản, một khắc tại Nhạn-Tháp của Từ-Ân-Tự, và một tại Đồng-Châu. Hiện hai bia đá ấy vẫn còn.

Tháng 10 năm 648, Hoàng-thái-tử Lý-Trị cho xây dựng chùa Từ-Ân tại Trường-An để thờ mẫu thân, lại đặc biệt cho xây một dịch kinh viện, thỉnh Huyền-Trang về đó để tiếp tục công việc dịch thuật. Từ đó, ban Phiên dịch dời về chùa Từ-Ân. Huyền-Trang thấy sự sống của mình chỉ có hạn, mà kinh điển lại quá nhiều, e dĩ h không kịp, nên ngày đêm làm việc không hết mõi, không bỏ phí một giờ phút nào.

Ban đêm, đến canh ba mới ngưng bút, nhưng vừa trở canh năm thì ông đã thức dậy, chuẩn bị cho ngày sắp tới. Ngoài việc dịch thuật, còn phải trả lời cho tăng tử và học giả các nơi đến thỉnh giáo. Tối lại phải giảng kinh cho đồ đệ.

Năm năm sau, Huyền-Trang đã dịch được thêm hơn 10 bộ kinh nữa.

Nhưng từ đấy trở đi, do ảnh hưởng của những năm tây-du cực khổ và những năm phiên dịch, giảng kinh cần cù, ông cứ bệnh hoạn liên miên. Tuy vậy, ông vẫn không hề xao lãng công việc. Năm 65 tuổi, ông bắt đầu dịch bộ kinh lớn nhất và khó

nhất: bộ Đại-Bàn-Nhược Kinh. Nguyên bản chữ Phạn có đến hai mươi vạn trang, tức 60 vạn chữ. Các đồ đệ thấy kinh quá dài, khuyên ông nên dịch tóm lại, nhưng ông cho rằng trong việc dịch thuật, không thể vì ít nhiều mà cầu thả để làm tổn hại đến nguyên-ý. Ông chủ-trương phải dịch sát, không bớt một chữ. Từ khi ở Ấn-Độ, ông đã sưu tập được đến ba bản « Đại-Bàn-Nhược Kinh » khác nhau, nên khi phiên dịch, gặp chỗ nghi-vấn, ông đem cả ba bản ra so sánh kỹ lưỡng rồi mới hạ bút. Tháng 11 năm 663 (tức năm Long-Sóc thứ ba đời Đường-Cao-Tông), ông dịch xong được sáu trăm quyển, bấy giờ ông đã 68 tuổi.

Trưa ngày mùng năm tháng 2 năm 664 Huyền-Trang gác bút nghìn thu vĩnh biệt cõi đời tại chùa Ngọc-Hoa, thọ 69 tuổi. Ông đã dịch được tất cả 75 bộ kinh, gồm 1.335 quyển, và để lại cho đời một bộ « Đại-Đường Tây-Vực Ký », một bản dịch « Đạo Đức Kinh » và một bản « tái dịch, Đại Thừa Khởi Tín Luận » từ chữ Hán ra chữ Phạn.

Ngày 14 tháng 4, linh cữu Huyền-Trang được an táng tại Bạch Lộc-Nguyên. Ngày cử hành tang lễ, có đến 1 triệu người của kinh đô Trường-An và các tỉnh từ hằng trăm dặm đường đến tiễn đưa

ông về nơi Cực-Lạc. Và sau đó, có đến ba vạn người đến cất nhà cư tang gần phải mộ.



Để thay kết luận

Huyền-Trang không những là một nhà sư đạo đức, mà còn là một nhà du thám vĩ đại, một học giả uyên bác, một nhà văn học, sử học, địa lý học trứ danh, một nhà ngôn ngữ học xuất chúng và cuối cùng, một nhà phiên dịch kỳ tài.

Ông đã góp công lớn lao vào công cuộc truyền bá đạo Phật ở Trung-Hoa và các nước Viễn-Đông. Riêng đối với vấn đề liên lạc văn hóa giữa Trung-Hoa và Ấn-Độ, Huyền-Trang cũng có thể được kể là một trong những kẻ nối sợi dây đầu tiên.

Và chuyến đi hằng chục ngàn dặm đường cũng có thể kể là chuyến đi bộ đầu tiên dài nhất, lâu nhất, gian lao nhất của loài người.

Với bao nhiêu kỳ công đó, Huyền-Trang quả xứng đáng là một trong những vĩ nhân thế giới.

Các nước Đông, Tây đã đua nhau nghiên cứu thân thể và chuyến du hành lịch sử của ông, cùng dịch tác phẩm của ông ra nhiều thứ tiếng, cũng là hợp lý vậy !.

TRẦN-HÀ

- ★ Có biết người trong một tập-thể mới biết rõ tinh-thần của tập-thể ấy cao thấp thế nào, và lâm thời mới biết có thể đòi hỏi họ hy-sinh tới mức-độ nào thì không gây ra hoang-mang, hỗn-loạn.
- ★ Muốn gây được ảnh-hưởng tốt nơi người mình chỉ-huy, ta phải sáng suốt đoán được nhu-cầu, năng-lực, khuynh-hướng, tính-tình, phản-ứng của họ. Biết lòng người, chưa đủ, còn phải có bản - năng đoán được những gì xảy ra trong nội - tâm họ nữa.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE
« SAIGON — GARAGE »
Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N^o
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «**MICHELIN**»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « **LLOYD TRIESTINO** »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

SỰ BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

★ PHẠM-HOÀNG-HỌ

- Samac chiếm hiện nay một phần tư diện tích các lục địa nghĩa là 32 triệu cây số vuông, và samac tràn lan khắp cùng với một tổ lực như ngựa sắt.
- Nếu ngẫu biến, do căn bản của kỹ nghệ nguyên tử gây ra, giáng trong khoảng sinh tồn của loài người, thì mai đây, sinh con ra, ta không thể chắc rằng nó sẽ khỏi sút môi, cảm điếc hay ngu độn.
- Theo đà hiện tại người ta tính rằng cứ đồ đồng mỗi năm, loài người lại làm tiêu diệt một loài chim hay một loài có vú. Tiêu diệt một loài, tội nặng như sát nhân vậy.

TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI

(Tiếp theo B. K. số 59)

Samac bành trướng

Đất thoái hóa, mòn và bị chõ ra biển, lẫn lộn các lục địa chỉ phô ra những diện tích đầy đá lồi lõm, hay đất cát nghèo nàn.

Nhiều dân tộc đã nếm từ lâu kết quả khốc hại của các hiện tượng ấy.

Từ thượng cổ, nước Tàu đã phá rừng của họ, vì thế nên hiện họ chỉ làm ruộng ở các thung lũng nhỏ hẹp; các nơi này đến mùa mưa thì bị lụt to, đến mùa nắng thì bị hạn khốc liệt; quanh các thung lũng ấy là núi trơ trọi không còn một cây, thiên nhiên kiệt quệ không còn sản xuất được một tí gì nữa cả, trừ vài cọng cỏ xoxác cho dê cừu ăn. (M. Ferrand, pt. 1e, 7)

Nếu ta bỏ phương diện địa phương sang phương diện hoàn cầu thì những cảnh ở tầm mắt ta không khỏi làm cho ta kinh khủng: Samac tràn lan khắp cùng với một tổ lực như ngựa sắt.

Samac chiếm hiện tại một phần tư diện tích các lục địa nghĩa là 32 triệu cây số vuông (nên nhớ rằng lục địa chỉ choán có một phần tư diện tích địa cầu).

Từ xưa, thường chúng ta tưởng samac là một tình trạng không thể tránh được và không đáng lo. Ta cho rằng nó do tình cảnh đất đai và khí hậu: đất xa biển quá nên mây không đến được v.v...

Nhưng thật ra samac chỉ do một phần hoàn cảnh tự nhiên. Một phần nó là hậu quả của loài người. Và vì ảnh hưởng của loài người không tốt đẹp mà hiện nó cứ bành trướng ở Á châu, Phi châu, Madagascar...

Các sự tìm tòi của Pons và Quezel (1956) chứng minh rằng nhiều nơi ở Phi châu, nay do cát phủ, mà cách đây 5000 năm vẫn còn là rừng dày. Thật thế, ở các nơi ấy hai ông tìm ra được đất mùn (humus), có đất mùn tức là phải có rừng dày để sanh nó; trong đất mùn có các

phấn hoa của các Thông, Tùng, Giẻ, Cedrus, Pistacia, Juglans... mà hiện nay không còn ở quanh đó nữa. Quezel tính ra rằng trong vòng 5000 năm, samac ở vùng khảo cứu đã lan rộng ra ít nhất là một ngàn cây số ngàn !

Sự samac xâm lấn đất hứudụng như thể hiện nay vẫn còn tiếp tục. Các rừng quanh samac đang ở tình trạng nguy ngập : chúng không tiến hóa thành rừng được, mà không thể nào không biến mất để nhường chỗ cho samac.

Ví như các rừng hoang nguyên (forêt-steppe) với *Tamarix articulata*, với *Acacia*, các loại rừng đó hiện nay không tự nhiên bành trướng được nữa. Mà chúng chỉ chờ chết. Mà khi chết thì samac đến, tiêu diệt thêm của nhân loại một diện tích sinh tồn. Sự chết ấy xảy ra rất mau vì các cây của các loại rừng đó bị loài người đốn từ lúc non, để làm củi hay để cho dê, lạc đà ăn.

Các đồng cỏ vùm mầu *Stipa tenacissima* (giống như tranh) mà xưa là một nguồn lợi cho xứ Phi, nay chỉ còn rải rác ở vài nơi, và chẳng bao lâu chỉ còn là một kỷ niệm êm đẹp đáng tiếc trong ký ức loài người.

Sự samac hóa là do mặt đất bị mất cây cỏ, hay nói một cách bóng bẩy, khi nó bị mất « tấm thảm xanh » đi. Chúng ta đã biết cây cỏ có tính cách giữ nước lại. Một vùng mất cây cỏ, khi hậu địa phương sẽ khô đi, mặc dù mỗi năm cũng mưa bấy nhiêu nước.

Nhưng hiện tại « tấm thảm xanh », nhất là rừng, càng ngày càng bắt buộc phải thu hẹp.

Vì số nhân khẩu tăng, tự nhiên diện tích trồng trọt phải tăng. Lẽ tất nhiên là chỉ có

rừng là giảm, vì đất của chúng thành lập lâu đời có phân, đất tốt hơn đất của hoang nguyên (steppe) hay samac.

Loài người thật ra không bao giờ phá thiên nhiên vì ác ý cả. Loài người cần thêm nhiều đất để cất nhà, xây thành, lập phi trường, tăng nhiều đồng nhiều ruộng để cấy lúa, nhiều vườn để trồng cây có quả hay dùng trong kỹ nghệ, nhiều đồng cỏ để nuôi thú v...v...

Nhưng không sớm thì muộn, phần đông các đất khai khẩn ấy biến thành vùng không dùng được vì loài người không biết duy dưỡng. Ông Ferrand cho ví dụ miền Nam xứ Sénégal, cách đây 50 năm vẫn còn đầy rừng rậm, mà nay nghèo như samac vì sự khai thác không có phương pháp của dân chúng. Lắm lần sau khi bắn một con chim, họ phải đốn cả một cây còi thụ để cho chim rơi xuống ! Cũng ở Phíchâu, ở vùng Haute Volta, người ta phá rừng để trồng bông, song sau 5 năm họ bỏ đi và đốt rừng khác : kết quả là cách đây gần 10 năm đã sinh ra nạn đói lớn. Ở nước ta, đồng bào miền thượng luôn luôn đốt rừng để trồng lúa, bắp ; sau mùa ấy họ bỏ đi, kiếm rừng khác ; vì cách trồng trọt ấy mà lần lần rừng ta bị đốt cả !

Ngoài sự cần đất để trồng trọt, càng ngày nhân loại càng cần đến gỗ. Theo thống kê của F.A.O. thì dân tộc càng văn minh lại càng dùng nhiều gỗ, nhất là gỗ dùng làm bàn ghế, làm giấy (Ấndộ : 0.035 m³ gỗ mỗi người ; Pháp : 1 m³ gỗ mỗi người ; Mỹ : 2 m³ ; Phần lan : 5 m³) (Phức trình I a, 4).

Hiện tại nhân loại « ăn » vào 1500 triệu thước khối gỗ mỗi năm !

Thực là nguy hại ở các chỗ khai phá này. Thường ở nhiều vùng nông người ta tin-

tường ở sự tái lập mạnh mẽ, maule của rừng rậm nên khai phá một cách mù quáng không chừng mực. Song nếu rừng có tái sinh cũng chỉ cho ra gỗ không quý vì đó là loại cây mọc mau. Nhất là sau khi bị phá, rừng có thể lùi bước luôn, và nơi ấy ta có những vùng lệt lết cây cỏ như hoang nguyên; rồi từ đây lần lần ta đi đến một vùng đất chết, samac...



Khí hậu và không khí thay đổi

Các sự biến cải ấy không phải không có ảnh hưởng vào khí hậu tổng quát của địa cầu. Ở các vùng lạnh, trong vòng vài chục năm gần đây, người ta thấy nhiệt độ lên cao nhiều và nhiều nơi xưa giá băng hằng niên, nay không có nước đá nữa. Ở Trung Âu nhiệt độ cũng lên cao hơn thường đến 1-2° và về mùa, thì mặc dù cùng một số nước như cũ, nhưng mưa không đều nữa, mưa dồn lại một lúc, thành ra mưa rất to và vì thế ít thấm vào đất, soi đất nhiều và mùa mưa rất ngắn, khí hậu khô đi (E. Ebers, 1952, p. 303).

Năm Địa cầu lý học cho biết rằng số thán khí của không khí tăng lên. Hiện tượng tăng gia ấy là một nguyên nhân về sự tăng gia nhiệt độ của khí hậu. Ta không khỏi nghĩ rằng sự tăng gia ấy là do cây cỏ thoái lui trên mặt địa cầu gây ra một phần nào.

Thêm vào những thay đổi nguy hại trên, văn minh hiện tại còn đem lại những điều mới. Xưa thiên nhiên ít bị xáo động đến một cách nguy hiểm như ngày nay. Kỹ nghệ ngày nay càng ngày càng nẩy nở. Máy móc luôn luôn thải ra cặn bã như :

— dầu cặn.

— các chất cặn bã của các kỹ nghệ hóa học : muối, kim khí.

Các chất này đầu độc nước và gây nhiều sự biến đổi ở thủy lợi. (cá)

Trong vòng vài năm nay kỹ nghệ nguyên tử bắt đầu hoạt động. Các cặn bã của nó còn nguy hiểm hơn các cặn bã trên nữa. Chúng rất độc mặc dù với nồng độ vô cùng thấp bé. Nguyên tử phóng xạ của các cặn bã ấy trà trộn vào thức ăn, vào nước, vào không khí, vào bụi bặm mà tằm vào cơ thể. Nơi đây chúng tác dụng đến tế bào, gây ra nhiều sự biến cải : phát sinh ra nhiều ung thư, nhiều ngảu biến (mutation). Ngảu biến xảy ra bất ngờ và không có phương hướng : chuột sanh ra chuột trắng, mắt đỏ ; hoa đổi màu, trái trở nên to hơn hoặc nhỏ hơn v.v... Ở loài người cũng có ngảu biến như thế. Thường thường các ngảu biến làm cho sinh vật yếu ớt, bệnh hoạn, lắm khi chết non chết yếu, và trong một ngàn ngảu biến ít nhất 990 là ngảu biến có hại như thế. Phóng xạ chất làm tăng ngảu biến rất nhiều. Nếu nó tăng gia trong khoảng sinh tồn của loài người, thì mai này sinh con ra, ta không chắc rằng nó sẽ khỏi sút mũi, tay sáu ngón, câm điếc, ngu độn. Gần đây, giáo sư Pavling (giải Nobel) cho hay rằng các thí nghiệm nguyên tử vừa rồi sẽ làm cho 50.000 người Mỹ chết vì ung thư và 23.000 trẻ sắp sanh sẽ bị ngu độn ! Trong thiên nhiên các sinh vật yếu ớt như thế bị hiện tượng đào thải thiên nhiên loại ra. Ở loài người nhờ tổ chức xã hội, và tấn triển của y học hiện tại, các sinh vật yếu ớt ấy được tồn tại cả.

Bởi thế, tăng ngảu biến tức là tăng tật nguyên nguy hiểm. Bạn có thể nói rằng lâu lâu ngảu biến cũng cho ra những kỳ tài, song một Newton, một Einstein làm gì với một đám người ngu độn ?

**Quân bình thiên nhiên
đã bị đánh đổ**

« Vào thế kỷ thứ ba, các loài có vú thay thế các loài bò sát. Tương lai của chúng thực sáng lạn: Với các loài có vú biết nuôi con và cho bú, một quan niệm mới, lạ xuất hiện trên địa cầu: sự trông nom, sự triu mến con và tình thương (tendresse) nảy sinh. Nó báo hiệu loài người. Và loài người sẽ xuất hiện, vì nó không thể hiện ra trước hơn hoặc sau hơn.

Bắt đầu từ đây quả địa cầu bị xáo lộn... » Đó là một đoạn của chương đầu quyển « Sự phá hoại và bảo vệ Thiên nhiên » của giáo sư Heim.

Bởi thế sự xáo lộn ấy có từ khi có loài người. Song không lúc nào nó quá mạnh bạo, hơn lúc này.

Sự mạnh bạo ấy đáng sợ.

Sinh vật ở trên mặt đất luôn luôn tương thuộc lẫn nhau. Ví dụ như cọp sống nhờ thú ăn cỏ, (nai, hươu...), thú này sinh sản tùy cỏ nhiều ít, cỏ tùy đất và khí hậu, khí hậu tùy cây cỏ v.v... Như vậy các sinh vật ấy tùy thuộc lẫn nhau. Bình thường mỗi một mẫu rừng nuôi được bao nhiêu hươu, nai; bao nhiêu hươu, nai ấy nuôi được bao nhiêu cọp...

Bởi vậy nảy sinh ra giữa sinh vật của một nơi, một thể quân bình. Trong phương trình của quân bình ấy, nếu ta làm thay đổi một phần tử là quân bình ấy đổ sang một quân bình mới, hay đổ luôn! Nếu trong một khoảnh rừng ta thả rất nhiều cọp, cọp sẽ làm cho hươu nai biến lẫn đi vì sản phẩm không kịp nữa. Hươu nai hiếm đi là cọp sẽ không có thức ăn, ốm yếu bệnh hoạn chết dần cho đến khi số cọp bằng số cọp xưa, khi còn quân bình. Vì thế khi

ta sửa đổi một yếu tố, sự quân bình bị đổ sụp và chỉ phục hồi sau một thời gian. Sự quân bình ấy có thể bị đổ luôn. Nếu một bệnh truyền nhiễm tràn vào khu rừng nào mà giết hươu nai; các thú này sẽ mất, và cọp ở khu rừng đó sẽ phải đi nơi khác.

Khoa khảo cứu sự quân bình ấy, nghĩa là khảo cứu tác dụng của một sinh vật vào ngoại cảnh và ngược lại, gọi là sinh thái học (écologie). Vì các sự quan hệ mà ta thấy nên khoa khảo cứu chỗ ở của sinh vật ấy càng ngày càng bành trướng.

Loài người cũng là một sinh vật. Lẽ tất nhiên con người không sống cô lập, mà hợp với ngoại cảnh với thiên nhiên thành một khối hỗn hợp chắc: sinh vật ngoại cảnh (complexe vivant milieu của Rabaud).

Các giây liên hệ giữa loài người và thiên nhiên chẳng chặt phức tạp không thể tả. Các liên hệ ấy vừa vật chất vừa tinh thần. Loài người tác dụng trực tiếp vào ngoại cảnh (phá rừng, sửa đổi thiên nhiên, giết thú), ngoại cảnh tác dụng vào loài người bằng vật chất (mất mùa, bệnh truyền nhiễm, khí hậu) bằng tinh thần. Cảnh đẹp, không khí yên tĩnh, « bầu không khí » vui vẻ là làm tăng gia sức hoạt động của ta.

Các tác dụng của ngoại cảnh vào ta, hiện ta chưa biết rõ gì cả. Song ta đã làm thay đổi ngoại cảnh ấy mà không lo một chút gì về hậu quả.

Ngoài việc ta làm thay đổi đất đai, rừng, ta còn làm hại động vật và thực vật bao quanh mình.

Diện tích « tấm thảm xanh » lùi mau lẹ tất nhiên là làm cho nhiều loài cây dập tắt theo. Các cây to nhất thế giới *Sequoia sempervirens* và *gigantea* hiện không bành trướng tự nhiên nữa. Cây bách hương *Cedrus*

Libani cũng thế. Biết bao loài đã biến mất: *Carduus auroscopicus*, *Iberis auroscica*...

Ngoài ra, cây cỏ hết dần vì nhân loại sau giặc kiến thiết rất mạnh phải cần dùng nhiều gỗ.

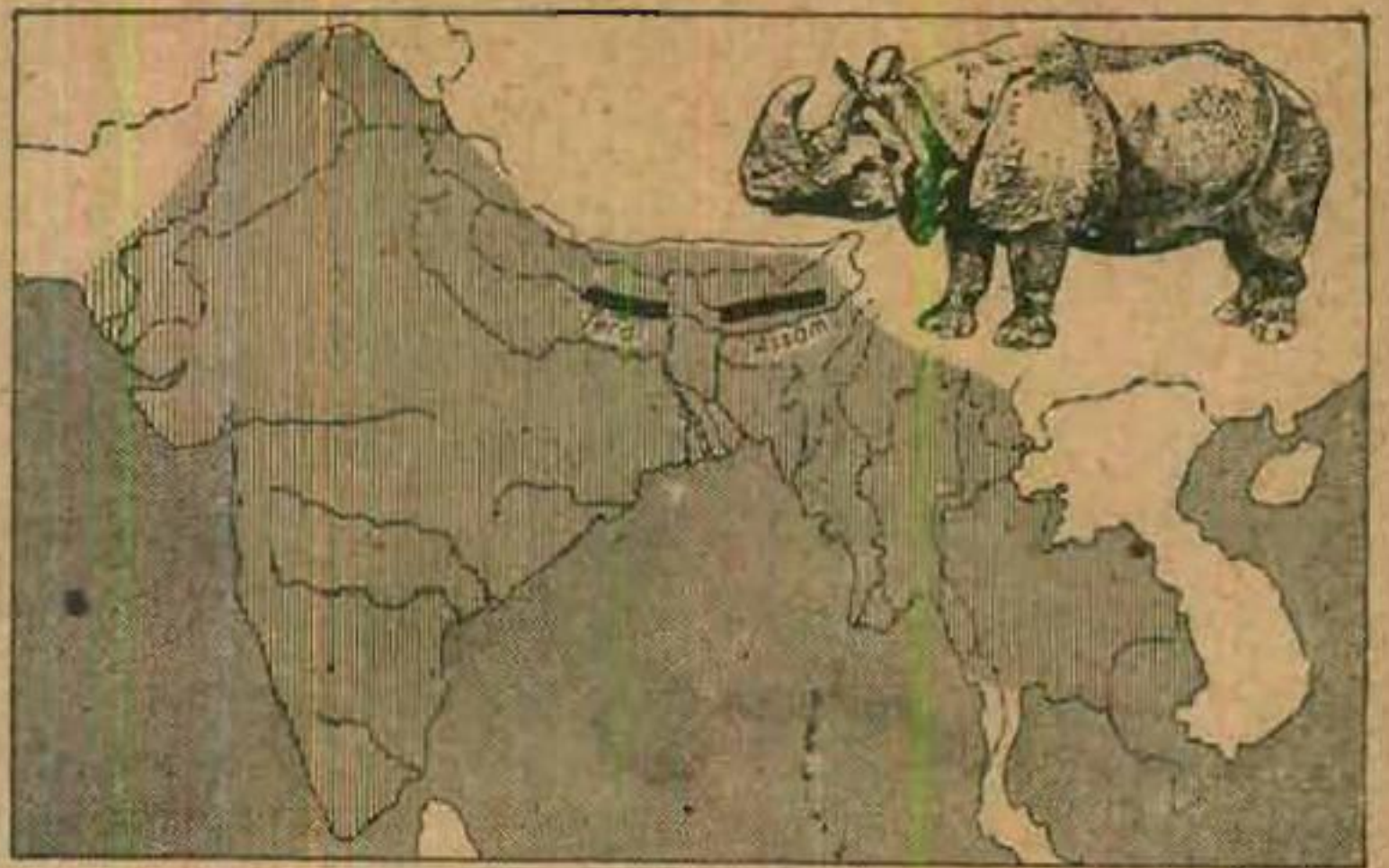
Các nhà trồng bông đào các cây lạ để trồng, để bán.

Sau rốt các người chơi hoa ham tìm kiếm các loại cây dễ sụt tập: Cây càng hiếm chừng nào càng quý chừng này! Nhiều loài lan giá bán đến 100.000 đồng một cây!

Hai điều sau đều có ở nước ta đối với phong lan. Hiện tại phong trào chơi phong lan đã giảm bớt; đó là một điều tốt cho nước ta.

Vì dân ta không biết chơi lan; khi bông đã tàn thì họ bỏ lan chớ không trồng lại để cho chúng nảy nở thêm. Nhiều vùng xưa chứa rất nhiều lan, và lắm lan mới cho khoa học, nay không còn nữa.

Động vật cũng bị một số phận như thế. Khi người ta đến xâm chiếm Tân Tây Lan thì vài năm sau họ đã làm tiêu diệt chim *Dinornis ingens* một trong những chim không bay và to nhất (cao 3.50m). Chim *Aepyornis* ở Madagascar cũng thế. Sự săn cá ông đã làm tiêu diệt cá ông *Hydrodamalis* (Rhytine) tìm ra chỉ được 20 năm trước mà thôi. Những bò *Bison bison* xưa sống từng bầy to ở những đồng Bắc Mỹ, nay chỉ còn có một vài con ở trong vườn thú. Con tây ngưu xưa rất nhiều ở Ấn và Việt-nam; nay chỉ còn lẻ tẻ vài con đó đây, chỉ vì người Trung-hoa tin một cách mù quáng



HÌNH 4.— Con tây xưa bành trướng rộng và nhiều, nay chỉ còn lẻ tẻ và được bảo vệ ở Terai và Assam

rằng nó rất dở (cả luôn phần 1!) (hình 4). Con trúc (Pagolin) *Manis javanica* cũng thế; đó là một con vật có ích, ăn côn trùng, mình có đầy vảy, miệng không răng. Người ta săn nó để lấy vảy và làm thuốc; hiện nó rất hiếm.

Theo đà hiện tại, người ta tính rằng đồng mỗi năm loài người tiêu diệt một loài chim hay một loài có vú.

Sự tiêu diệt một loài tội lớn cũng như sát nhân; cũng như người là một loài, một tuyệt phẩm của thiên nhiên mà một khi mất thì không bao giờ hiện lại được. Giết một sinh vật của một loài hiếm, lỗi không khác nào như ta bôi lọ một bức tranh đẹp, hay làm đổ một thắng cảnh thiên nhiên. Ấy là của báu của nhân loại.

Nhiều thú có thể giúp việc cho ta không kém trâu bò, nếu ta biết nuôi chúng (ví dụ như voi). Đến cả các thú mà hiện nay ta cho rằng vô ích hay có hại. Ai cũng sợ Sấu cá và muốn tiêu diệt nó. Khảo cứu kỹ người ta thấy rằng nó rất có lợi. Sấu cá con ăn côn trùng, cua, cóc, ốc, cá ăn thịt, rắn và rùa. Phần đông các sinh vật này có

hại cho mùa màng ta. Phần chúng đem phân vào nước sông, làm tăng phì nhiêu sinh vật và do đó cá tăng... Nhờ có Sấu cá mà nhiều sông ở Mỹ không có cá ăn thịt ghê tởm Pirania; cá này, hẳn các bạn đã thấy ở chiếu bóng, ăn thịt một con bò hay một người lội trong chồclát!

Các con diều con chồn v. v .. mà ta bắn hay săn thường cũng thế. Chồn săn chuột và vì thế bảo vệ mùa màng ta.

Con beo (báo) chúng ta cũng rất ghét vì nó có thể ăn thịt ta, nên sự săn nó không ai ngăn cản cả. Và sự săn ấy rất thịnh hành vì da beo rất quý, để làm áo lạnh cho các bà ở Âu-Mỹ. Vì thế nên số beo ở Phíchâu giảm rất mau. Song đồng thời số khỉ babouin và heo rừng ở vùng ấy giatăng vô số và tỵdo phá hoại mùa màng. Sự tồn thất cao hơn số tiền bán da beo gấp bội và từ 1953 con beo được bảo vệ.

Sau rốt sự làm dập tắt một loại là n mất cho nhân loại một cơ hội để nầy nở sự hiểu biết của họ. Loài ấy mất, biết đâu là một bằng cớ vô giá cho một thuyết quan hệ của trí thức ta sẽ bị biến theo một cách vĩnh viễn. Sự tìm ra được con người khỉ ở Java đã làm cho các quanniệm tự cổ chí kim của chúng ta về nguồn gốc loài người thay đổi cả (R. Heim) (xem Phạm-Hoàng-Hộ, Bách Khoa các số 25-26, 27 và 28). Những hủ như cá Coelacanth, chim bò sát-có vú Ornithorhynque là những tài liệu vô cùng quý mà có lẽ hiện nay ta chưa đánh giá đúng (R. Flasseon, l'homme contre l'animal, p. 83).

Giết một loài, tức là cắt mất một «phần» của óc loài người.

Sự tiêu diệt một loài là một điều đáng tiếc cho tương lai của nhân loại vì nhiều lý do khác nữa.

Nhiều cây cỏ vô dụng hiện tại biết đâu nay mai lại không cho ta một thứ thuốc quý.

Nếu cách đây cỡ 10.000 năm, các bộ lạc loài người vào lúc mà thông minh bắt đầu nầy nở, vì một sự lợi ích gì, tiêu diệt một loài hòa bản nhỏ nhỏ mang những gié lúa hay lúa mì quí báu, thì nay nhân loại sẽ ra sao? Nếu cách đây vài mươi năm loài người đã tìm ra một thuốc có thể trừ tiêu cả các mốcmèo làm hư quần áo, thức ăn của họ, thì nay ta làm sao có các thuốc quý như các chất *kháng sinh* (antibiotique)?

Hiện ta chở khắp cùng những hòa bản, những cây thuốc loài đậu để trồng để giữ đất hay bón phân, cây mà cách đây không bao lâu ta cho rằng vô ích.

Nhiều cây hay thú vô dụng hay có hại hiện tại, có thể giúp cho nhân loại những điều vô giá nay mai. Người ta nhận thấy rằng bệnh bại trẻ em (poliomyelite) vô cùng nguy hại, được khàocứu dễ dàng nơi một vài loài khỉ và chính loài khỉ này giúp các nhà thông thái chế thuốc ngừa bệnh ấy. Xem lại người ta thấy rằng loài khỉ ấy đã gần tắt ở Phíchâu vì bị săn không chừng độ. May thay chúng chưa tắt hẳn! Biết bao trẻ em đã cứu được nhờ chúng.

Vì chúng ta ở trong một sự quân bằng với thiên nhiên như đã trình bày, các tác dụng của thiên nhiên vào ta, chúng ta chưa biết gì cả. Chưa rõ hết mà hiện nay ta đang làm thay đổi vũ trụ: biết đâu sự thay đổi ấy lại không tàn khốc cho ta. Bây giờ thì chúng chưa đến mức nguy hại, nhưng nếu đến mức, chừng ấy làm thế nào chúng ta chống lại cho kịp?

Thiên nhiên không phải chỉ cho ta ăn mà thôi. Nó còn cho ta các nguồn hứng cần thiết cho đời sống tinh thần. Những cảnh đẹp của thiên nhiên đã từng làm các nhà văn hào hứng tạo ra những tuyệt tác bất hủ cho nhân loại. (Tiếc thay dân ta còn ưa làm đơ thiên nhiên bằng cách vẽ hay khắc chữ vào cây, đá, hay xà rác ; người có học nên tránh làm như thế). Thiên nhiên đã giúp cho Beethoven tạo ra những trường nhạc mà nay còn ai là không nhìn nhận là kho tàng vô giá, sản phẩm quý nhất của trí khôn, cảm xúc của loài người ?

Nhất là với đời sống cơ khí hóa hiện nay luôn luôn làm cho người làm việc hàng ngày mê mết về tinh thần lẫn vật chất, với sự nhàm của công việc, tiếng động điếc tai của máy, bụi bặm của châu thành. Trong trường hợp ấy sự yên tĩnh của rừng thẳm, tiếng hót líu lo của chim, vẻ đẹp tự nhiên của một cây phách hoa, dáng dễ thương của con hươu, sự hùng vĩ của một thác nước là những món ăn tinh thần cần thiết.

Loài người sẽ là gì ? Nếu trọn ngày ở trong sở xưởng, ra về chỉ biết những tiếng động của đô thành, chúa nhật chỉ gặp đồng khô cỏ cháy hay những khoảnh đất trống trải tận chân trời, một bức vẽ nhàm và vô vị ! người chỉ còn là một cái máy làm việc. Không còn một sản xuất gì về tinh thần, có thể thực hiện ra được nữa.

Mà đặc điểm của loài người là chí. Tinh túy của loài người là gì ? Là những sản phẩm tinh thần mà óc họ, tinh túy của 2000 triệu năm sinh vật tiến hóa, tạo ra.

Loài người cần có thiên nhiên, vì người là một sinh vật như muôn sinh vật khác.

Nhiều triệu chứng tỏ ra rằng đời sống cơ khí hóa cực độ đang làm hại loài người. Sự gia tăng các bệnh thần kinh, các sự sát nhân, sự dư máu ở các nước có tiếng là văn minh nhất, là những triệu chứng hiển hiện và đáng làm cho ta suy nghĩ nhất.

(còn tiếp)

PHẠM-HOÀNG-HỘ

★ Muốn đánh giá người cho đúng mức, kẻ điều khiển phải tập thói quen xử với người cho có độ lượng, vì tính xấu thường bao giờ cũng dễ nhận ra hơn là tính tốt. Vả chăng tầm quan trọng của tính xấu rất khó ước lượng cho được thật đúng, nhất là nhiều khi tính xấu lại do bởi tính tốt mà ra (như người chậm trễ là do bởi cẩn-thận) và là đối-lực của tính này (như người lạnh lẽo thì hay đâm ra hấp-tấp).

★ Dưa ngọt thì cuống đắng, trong thiên-hạ không có gì là đẹp toàn.

(Mạnh-Tử)

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ

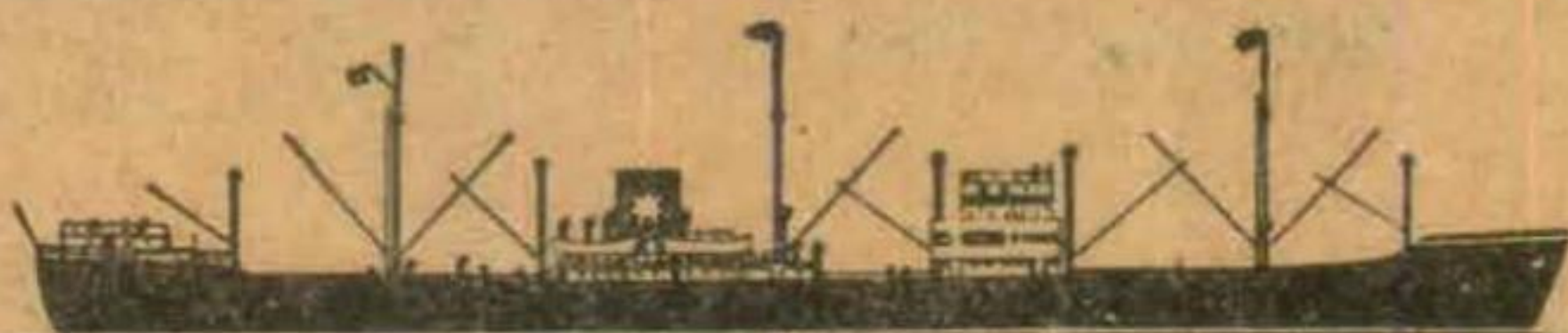
SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller
8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20.338 - 39 - 40

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-VĂN-XUÂN



★
« **M** U A đêm cuối năm » gồm bốn truyện ngắn : Mưa đêm cuối năm — Lỡ làng — Kề trong đêm khuya — Băn khoăn.

Bốn truyện này có đề - tài khác nhau, nhưng nhờ vào quan-niệm thống-nhất của tác giả về cuộc đời, về hành-động, về suy tư và nhất là nhờ vào kỹ - thuật diễn đạt khá tinh luyện và có bản sắc riêng biệt nên chúng như gắn liền nhau, có thể cho ta thấy rõ con người và nghệ-thuật viết truyện ngắn của Võ-Phiến.

Võ-Phiến : nhà văn chống Cộng ?

Tôi không giấu là người rất hâm mộ câu sau này của A. Gide « Nếu người ta viết ít đi, ta sẽ thích viết hơn ». Nhưng không phải vì thế mà tôi đem nó áp-dụng tìm hiểu người khác. Nhất là ở Võ-Phiến, nếu ông

Tên sách : Mưa đêm cuối năm
Tác giả : Võ-Phiến
Nhà xuất bản : Tự Do

là một nhà văn chống Cộng, tôi càng hết sức hoan nghênh. Vì, đọc tác-phẩm ông, tôi biết chắc chắn không phải ông chỉ hiểu Cộng bằng lý-thuyết mà còn hơn nữa bằng kinh-nghiệm : cả sự quẩn quại, cả sự vùng dậy của con người ! Trong cái thời mà bao nhiêu kẻ — tôi không nói những người có thiện-chí khả-kính — lợi-dụng chính-sách Tổ cộng để làm nấc thang danh-lợi để viết những thứ văn, thứ sách mà Tú-Xương đã thẳng thắn gào lên :

« Văn chương liều lĩnh dăm ăn xoi », để gì chúng ta gặp được, những người lên đường với những hành-lý, với tấm lòng quý báu ấy.

Ngay trong truyện « Lỡ-làng », tôi có thể nghĩ anh Thông trong truyện phải là tác-giả. Thông đã biết Cộng-sản đến thế nào ? Trang 38, 39, tác-giả cho ta sống với những hình ảnh vô cùng linh-dộng và sâu-sắc về con người, nguyên là cán-bộ đảng, phục-vụ vô điều-kiện ở các làng thượng du, « đóng khổ, ăn dơ, sống lùi lại vạt mười thế kỷ ». Thế nhưng con người ấy khi xuống đồng bằng, y không còn cái tâm hồn đơn giản ấy, bắt đầu

« muốn có ý-kiến riêng, đối với chủ trương của những người lãnh đạo ». Sự biến đổi mỗi ngày một thấy rõ, cho đến ngày y « cùng với một số bạn bè họp lại trong một tờ-chức, sắp sửa hành-động phản-đối thì bị phát-giác ». Rồi thì kẻ chịu tù tội kẻ chịu hành-hình. Làm sao ta có thể quên được cái cảnh mà người tù tù — Thành — lúi húi lấy cái lông nhím khắc tên vào cái quạt máy để trao gửi kỷ-niệm tối-hậu cho bạn là Thông ?

Trong truyện mở đầu « Mưa đến cuối năm » ta thấy tác-giả còn muốn đi sâu vào sinh-hoạt của những cán-bộ cao-cấp của C.S, và nhiều chỗ, tác-giả tỏ ra am-trường về lý-thuyết, về chủ-trương chính-sách, về hoạt-động. Lời biện-luận khá dài dòng của chàng « thanh-niên » trong truyện nói với ông « đại-diện » có thể ta không hoàn-toàn đồng-ý, nhưng không thể không nhìn-nhận đó là những ý-kiến phải thoát ra từ sự hiểu biết rộng rãi và cụ-thể vì phe đối-lập. Cuối cùng, trong truyện « Băn-khoăn », những lời nói ít ỏi của Hạc và Loan, những ý nghĩ vụn của Hiệu về các chủ-trương của Cộng-sản, về sự suy gẫm của các nạn-nhân chế-độ ấy khi nó theo lực-lượng kéo sang khu vực khác, cũng đủ để cho ta biết tác-giả đã sống, băn-khoăn rất nhiều với các khía cạnh phức-tạp nhất của vấn-đề Cộng-sản.

Toàn-thể tập truyện — trừ « Kề trong đêm khuya », — còn ở đâu cũng phảng-phất cái không-khí Cộng-sản, chống Cộng-sản. Thế nhưng chúng ta tự hỏi : Võ-Phiến có phải nhà văn chống Cộng không ? nghĩa là mục-đích của Võ-Phiến có phải là chống Cộng qua các truyện ngắn của ông ? hay ít ra, chống Cộng có phải là điềm chính-yếu

trong văn-phẩm Võ-Phiến ? thì tôi đáp rằng : không hẳn (1).

Bởi vì, tôi có cảm-tưởng rõ-rệt ông không đặt Cộng-sản làm đối-tượng tối-yếu trong việc sáng-tác. — Lẽ tất-nhiên là tôi không nói trong cuộc đời cũng thế. — Điều này có vẻ hơi phức-tạp trong tâm hồn nghệ-sĩ. Song những ai muốn tìm hiểu một con người qua sáng-tác-phẩm sẽ có thể nhận thấy dễ dàng ! Cộng-sản đối với ông chỉ là vấn-đề hoàn-cảnh ; ông không thể thoát khỏi hoàn-cảnh, thời-đại, hơn thế, ông còn là nạn-nhân, là kẻ chống đối lại chế-độ ấy trong cuộc đời, nếu đương nhiên ông đề-cập đến Cộng-sản trong văn-chương cũng như đương-nhiên chống đối nó bằng văn-chương. Nhưng cái mục-đích chính, mà con người nghệ-sĩ nơi ông muốn tìm đến, lại là :

Suy tư và phân-tích, tâm-lý.

« Truyện mưa đêm cuối năm » tả lại một tình-ủy-viên của Việt-cộng ở núi mấy năm, lén-lút về hoạt-động công-tác ở một vùng gần biên giới thượng, bị theo dõi và bị bắt. Trong truyện này, tác-giả thể hiện những suy-tư và phân-tích tâm-lý. Lung và Ngọc, những cán bộ ở núi cao lâu ngày, sống trong hang đá với các cây rừng, thú vật, sinh-lý bị dồn ép đến cực độ. Bây giờ Lung được về xuôi, nên ngoài việc giải quyết công-tác, y còn muốn được giải quyết những đòi-hỏi... của « con người ». Y bị theo dõi, bị cạm bẫy rồi bị bắt. Lên ngồi trên một căn gác, y có dịp nghe một thanh-niên ở phòng bên kia lý-luận về sự sai

(1) Có người sẽ bảo : Mục-đích của Võ-Phiến là chống Cộng một cách tinh-ví, khôn khéo có nghệ-thuật. Tôi nghĩ rằng đó là một câu chuyện khác.

lầm của chủ - nghĩa Cộng - sản, gần như không đếm xỉa gì đến Lung, đến các đồng-chí sắp « hóa ra khí » của y trên núi và đề cuối cùng, Lung có dịp đối-diện với những tư-tưởng của chính mình.

Đây là một truyện Vô-Phiến đã kích Cộng - sản mạnh mẽ, quyết liệt. Bởi vì, trong truyện, ta thấy sự cam bẫy một tỉnh ủy-viên, ta thấy có dịp đề chàng thanh-niên phát-biểu những ý-kiến phản-đối Cộng-sản khôn khéo, ta thấy người tỉnh-ủy-viên có dịp kiểm-soát tư-tưởng hành-động của mình cũng như hệ-thống tổ-chức đang bị tiêu-tàn. Nhưng cái cảm-giác gì còn lại nơi ta, nếu không phải những cảm-giác về cuộc sống khao-khát ái-ân của Ngọc ở núi, cảm-giác chờ đợi đề thỏa-mãn nhu-cầu sinh-lý của Lung lúc về miền Xuôi ? Những trang đầu của « Mưa đêm cuối năm » diễn-tả sinh-hoạt và những câu trò chuyện giữa hai Cán-bộ « hạng bự » ở tỉnh của Cộng-sản thật ra không cho ta thấy gì khác hơn là tâm-sự của những người đang khao-khát ái-ân, khao-khát đến cái mức độ mà anh chàng Ngọc không chỉ diễn-tả bằng ý-thức mà cả vô-thức. Đành là họ còn trẻ, họ bị dồn ép và dĩ-nhiên họ thêm đàn bà, nhưng nếu ông Vô-phiến chỉ thiên « chống Cộng » thì ở những trang này, ông đã không phải mượn lời Ngọc để nói nhiều, nhiều đến thế về những khát-vọng ái-tình một cách tình-tế, xác-dáng mà đồng-thời cũng làm mờ hết các hoạt-động người ta cần thấy với các cán-bộ Đảng khá quan-trọng này.

Ở truyện « Lỡ làng », sự phân-tích tâm-lý sự suy-tư càng rõ ràng thêm. Đây là câu chuyện của chị Lai, một thiếu-nữ trẻ lấy một ông thanh-tra già, rồi lại yêu con trai ông... Thông là đứa bé con (mà cậu cũng đã muốn chơi trèo) khi gặp chị

Lai trong cảnh ấy, đề rồi qua nhiều năm, sau chiến-tranh gặp lại thì cả hai hoàn-toàn thay đổi. Cậu bé Thông đã thành một người sống lẩn-lóc và ngập uất-hận với Cộng-sản, đang dẫn bốn ông già đi tìm « cái trụ-sở chiêu-đãi những người thiện-chí chống Cộng ». Còn chị Lai thì một thân một mình sống với cha mẹ đã già lắm, mù, có bệnh lâm-cầm, cãi nhau suốt ngày. Đề rồi thêm những ông già thiện-chí kia cũng hăng-hái một cách... lâm-cầm không kém, chuyên bàn những chuyện chống Cộng. Họ họp nhau, đúng như cảnh một quốc-gia khá già nua và... lâm-cầm, kể cả những người đầy thiện-chí. Rồi ít lâu sau, Thông tìm được việc làm, yên thân. Các ông già kia cũng yên thân và hầu hết quên dần việc chống Cộng, việc mà mới đây họ vô cùng hăm hở. Rồi chị Lai cũng lấy được một người chồng đề yên thân nốt... Sóng yên gió lặng đề rồi Thông « rút một liều thuốc, lấy cái bật lửa, dừng lại bên một trụ đèn điện đốt thuốc. Khi y đập nắp bật lửa, mắt y thoáng ngừng lại ở cái tên ký của Thành (1) khắc làm kỷ-niệm đã mờ đi mất nhiều nét. Y mân-mé cái nắp bật lửa trên tay và nghe từ xa dội về một tiếng sóng mơ-hồ »... và « những xôn-xao trên một mặt bể nào đó dội về lòng y càng ngày càng lùi xa tít mù, nhưng vẫn cứ dợn về lòng y những âm vang ì-ầm buồn thảm, Tiếng xôn-xao mà mỗi lúc nghe như mỗi thành nhịp nhàn, êm dềm, tựa hồ hơi thở đều đặn an hòa của một người nằm ngủ ngon lành... »

« Lỡ làng » ? Ai ? Chị Lai ? Thông ? Bốn ông già thiện chí ? Tất cả. Đây, nói

(1) Người từ tù có nhắc trên kia (ghi chú của N.V.X.)

cho đúng, chỉ là một cái truyện ngắn nghiên-cứu, phân-tích sự biến-chuyển một cách khá tài tình tâm-lý của những người xáo-xục với cuộc đời dồn theo thời-gian, đi dần về quên lãng. Chị Lai quên Thi, Thông và bốn ông già quên mối xung đột quyết liệt với Cộng-sản để đi vào « an phận thủ-thường ».

Truyện thứ ba « *Kề trong đêm khuya* » hoàn-toàn không còn dấu vết chính-trị. Nó chỉ có ý phân-tích tâm-lý một thanh-niên có tính « sượng sùng, giữ ý, rụt-rè » như Thúy-Kiều mới biết Kim-Trọng khi Thiện biết một thiếu-nữ tên là C. chàng tha-thiết, nồng-nàn, đắm-đuối yêu nàng. Một thứ tình yêu vừa lý-tưởng vừa xen lẫn nhục-dục, bị dồn ép (lại dồn ép !), một thứ tình yêu xây dựng trên ảo-giác, trên tưởng-tượng, trên khát-vọng. Tác-giả vừa có thể tình tế hết sức khi quan-sát một cánh cửa buồng sáng đã khép dề. « *Dần dần chú ý đến vài dấu xao - động, những cái bóng đen rung-rinh hoặc lướt nhanh trên những làn sóng qua khe cửa. C. Chính C. đang cử-động ! Tôi vẫn còn đoán được một chút nào về sự sống của C.* » Và cũng cố cái nhìn trần-tráo, sỗ-sàng của kẻ khát-khao : « *Cô ta mặc áo lụa trắng, gló nhẹ nhàng ấn vạt áo vào khoảng giữa hai chân, in nổi cái bụng và hai bắp đùi tròn, rắn chắc, khỏe-mạnh.* »

Thiện yêu trong căm-lặng, thăm-thiết, một mình mình biết, mình hay. Cho đến bằng đi hai năm sau, chàng mới được tin C. khi C. yêu bạn chàng. Chàng vẫn đắm-đuối và tuyệt-vọng đau khổ vì C. Rồi C. bị tình phụ. Rồi C. tự tử. Phần tự tử có lẽ chỉ để thêm ý « *đắng - cay hấp dẫn của cuộc đời* ». Nó không cần lắm cho kỹ - thuật viết truyện của tác-giả.

Truyện cuối cùng « *Băn-Khoăn* » tả tâm-trạng của hai người yêu nhau bên một ông già hút thuốc phiện, yếu đuối nhưng cứ sống mãi. Đề rồi họ ra đi, lao mình theo những thứ triết-lý, thứ chính-trị « *rộn ràng, náo nhiệt* » như cho rằng mình sinh ra đời là dĩ nhiên để hăng hái xông đến cái hướng đã được chỉ định đó. « *Bây giờ đảng rõ rồi, đoàn-thề ly tán rồi, lý-luận chỉ đạo sụp đổ rồi, cuộc đời tàn-tạ như sau một đêm tiệc lòng nhẩy múa với hồ-ly* ». Họ dừng lại, mang trong tâm hồn mỗi người những án sát-nhân vô ý-thức hay chỉ ý-thức trong hoàn-cảnh, đề rồi gặp lại nhau bên cạnh vẫn cái ông Trọ Thi không bao giờ chịu chết, như một thứ Quốc-gia ọp ẹp giữa bom đạn, vẫn khỏe hút như tự bao giờ. Họ cố quên hết những lỗi lầm khó tránh được trong thời tao loạn của nhau để nổi lại mối tình xưa. Truyện này ngoài ngụ-ý thăm kín như trong « *Lỡ làng* », tác giả có mục-dịch phân-tích tâm-trạng của Hiệu, một thanh-niên đã theo kháng-chiến và đã « *bị thứ lý-luận chặt-chẽ, quyết đoán theo một chiều đó giắt dẫn đến những hành-động mà bây giờ Hiệu không còn hiểu nổi* » và tâm-trạng của Loan đã sống : « *Một cảnh sống tung-bừng mà hỗn-loạn, lẫn lộn những mê say thiết tha cao cả với những tội lỗi buồn thảm gớm ghiếc* ». Họ cần quên hết đề chấp nổi lại mối tình đã rạn vỡ với người cũ cũng như với dĩ-vãng hiện thành xương, thành thịt.

Nói chung « *chống Cộng* » trong truyện của ông Vô-Phiến chỉ có « giá-trị lịch-sử » của những nhà viết lịch-sử tiểu-thuyết chủ-trương : « *Lịch-sử chỉ là cái đỉnh để tôi treo những bức họa của tôi* ».

Vô-Phiến là con người đã sống nhiều với Cộng-sản nên trong nội-dung của ông,

cái phần « chống Cộng » giữ một địa-vị quan-trọng, nó đã len vào nền-nếp tư-tưởng, sinh-hoạt. Nhưng nó cũng chỉ như cái mới, cái cũ trong « Đôi bạn » của ông Nhất-Linh — tôi không nói trong « Đoạn-tuyệt » — sự phản-đối đời sống cũ thuộc phần ý-thức thời-dại của tác-phẩm. Con người nghệ-sĩ nơi ông lại muốn đi vào những băn-khoăn, những thắc mắc, xôn-xao về các vấn-đề gần gũi phần nghệ-thuật đơn-thuần, những vấn-đề về tâm-lý, về tình-cảm có tính cách vĩnh-cửu của con người. Ông đã khéo hòa-hợp tính-cách nhất-thời của thời-dại với tính-cách vĩnh-cửu của con người để cấu-tạo những truyện ngắn mà tính-cách nhất-trí thấy rất rõ ràng, kỹ-thuật diễn-tả nói chung đã có một đường lối vững chắc, trưởng-thành trong một không-khí thành-thực mà mạnh mẽ, giản-dị mà không thiếu sâu sắc, nghiêm-trang xen lẫn hài-hước. Phần trào-phúng của ông nhiều chỗ thật tinh-tế, nhiều chỗ ở ngoài sự hiện-diện của từ-ngữ và cách hành-văn.

Lối phân tích tâm-lý, tình-cảm, ông hình như có bị ảnh-hưởng của văn-hào Đức Stéfán Zweig, nhất là với cuốn tiểu-thuyết tiếng tăm của nhà văn này, cuốn « 24 giờ của một người thiếu-phụ » mà ông có dịch và có quảng-cáo trên một quyền sách do ông đứng chủ-trương nhà xuất-bản. Ai đã đọc truyện trên chắc không quên « những bàn tay » cở giàn, bạc lặn đã được tả một cách tuyệt-luận. Vô-Phiến có lẽ đã bị ám-ảnh vì những bàn tay ấy phần nào, nên trong các truyện ngắn, ta lại cứ thấy hình-ảnh những bàn tay... Tôi thử trích lại các đoạn tả, trình-bày ra đây để chúng ta cùng tán thưởng cái lối quan-sát, lối diễn đạt của tác-giả,

đồng-thời, cả cái tài tiêu-hóa — nếu có — đã đến độ tinh-vi của ông

« Quá nửa đêm, Lung mơ-màng thức giấc, thấy như có cảm-giác được mơn man tập trung trên một cánh tay phải. Cuối cùng y tỉnh-táo hẳn, mở lim dim hai mắt trong bóng tối, và thấy Ngọc đã vào nằm bên y không biết từ lúc nào. Anh ta đang dùng tay trái nâng niu đỡ cánh tay phải của y lên. Còn tay phải của Ngọc thì vuốt ve nhẹ nhàng trên tay y, xoa lên, xoa xuống rất âu-yếm mơn trớn. Y không kịp ngượng, nhìn theo cái cử chỉ kỳ-dĩ ấy, như chờ đợi một kết cuộc lạ lùng. Y chăm chú theo dõi cái bàn tay phải của Ngọc úp xuống, lum lum ôm lấy cánh tay y, lướt phớt qua trên da thịt y, ấm ấm. Ba phút rồi, Ngọc vẫn cứ tiếp tục một cử động ấy... Trong cảm-giác lơ-mơ trước giấc ngủ, y vẫn còn nghe bàn tay của Ngọc lướt nhẹ trên cánh tay y. (Trang 7-8)

Đó là « hoạt-động » của kẻ bị dồn ép đang tưởng được hưởng cảnh [« Em ban hạnh-phúc chứa đầy tay » trong thơ Huy Cận]. (Trang 30), ta gặp ông Thanh-tra già « đưa bàn tay mặt lên ấp vào cổ chị Lai, mân mê và luồn những ngón tay của ông ta vào mớ tóc rất tốt rất đen của chị. » Sau đó là « trò khi » của cái bàn tay rồn đến cánh tay mặt. (Trang 58), tả bàn tay mà cũng là tâm-trạng của một người đàn ông lạ : « Tôi có cảm-tưởng đang siết một bàn tay nhỏ bằng nửa bàn tay vừa trông thấy. Tay anh ta mềm nhéo, ấm hăm hăm, và ướt đầm dấp. Có lẽ anh ta cũng có ý-thức về sự khác thường của bàn tay mình nên rút tay ra rất nhanh ». Và cũng bàn tay ấy, ở trang 78, nó cho ta những cảm-giác bất ngờ của một tâm-hồn cả thẹn : « Làn da trắng lóa lóa làm tôi choáng váng.

Lúc ôm choàng quanh người cô ta, bàn tay tôi úp lên bụng nóng nóng của cô ta, tôi then thừng cảm thấy tay tôi lạnh cóng đi vì một xúc-dộng lố-bịch ». Truyện « Băn Khoản », có thể nói cách khác, là mối tình của những bàn tay qua các thời kỳ khác nhau. Khi còn trong trắng đầy tin tưởng (trang 88), cho đến khi đã chán chường đối với cuộc đời (trang 99), đề rồi vui trong sự chấp nối sau cùng : « Loan thăm ôn lại sự tiếp xúc của các bàn tay qua những giai đoạn của tình yêu hai người, từ sự thăm dò rụt rè đầu tiên cho đến khi siết chặt tay nhau, khi nâng lên hăng hờ ; khi vuốt ve thân mật bấy giờ... »



Cái thừa và cái thiếu

Nhân-vật trong tập « Mưa đêm cuối năm » không có nhiều tích-cực tính. Đó có lẽ do tại tâm hồn trầm ngâm, nặng suy tư, nặng phân tích kém hoạt-dộng của tác-giả tạo ra. Tác-giả muốn vẽ những con người rất thật, nhưng chỉ thật về khía cạnh thụ động cho nên không trình-bày được sự thật về cuộc sống toàn-diện. Không kể nhân-vật trong « Băn Khoản » (Hiệu) « Kể trong đêm khuya », (Thiện) họ có lý-do để trầm ngâm, tiêu-cực, chứ Thông, và Lung trong « Lố làng » và « Mưa đêm cuối năm » thì sao cũng có tâm-trạng ấy ? Thông là một chiến sĩ tự-do, đã quần-quại, đã đấu tranh với Cộng-sản trong thời khó khăn nhất để bây giờ trở thành cầu an nhất. Đành là tác-giả có thể muốn có tác dụng ngược, hoặc không muốn cấu tạo con người « điển hình » nhưng có phải đó là thực-trạng chung chung ? Còn Lung, Ngọc những kẻ là tình ủy-viên là cán bộ cấp tỉnh C. S. — đáng lẽ là những người ít ra cũng phải có bề

ngoài, có dáng dấp hành-dộng hơn suy tư — cũng trở nên trầm ngâm thụ - động. Ta không đồng-ý với C. S. nhưng không thể phủ nhận phương-pháp chọn người lãnh đạo hay cán bộ căn cứ trên công-tác bảo đảm, trình-độ tư-tưởng cũng như ham hoạt-dộng của họ.

Chính cái tâm-hồn trầm-lặng, nặng miên mang suy nghĩ phản chiếu trong tác-phẩm đã làm ông tiến-bộ nhanh chóng lạ thường về sự già dặn nội dung, nhất là kỹ-thuật. Trước đây bốn năm, khi Hội Văn-ngệ miền Trung họp đề thảo-luận về một tác-phẩm ngắn của một văn tài mới, có thể tiêu-biểu cho thời đại, hội đã chọn Võ-Phiến. Tôi được cái vinh dự chủ-tọa buổi họp và tôi chú-ý ngay đến những nhận xét tình tế, lối văn gọn gàng, linh-dộng, lối sống phong-phú khả dĩ đủ sức lên đường của một tài năng có đủ phong-nhụy của anh-hoa, và tuổi trẻ của hứa hẹn. Tôi đã thành-tâm khen-ngợi và khuyến-khích cũng như hết lòng mong đợi. Đùng một cái, Võ-Phiến đến với *Mưa đêm cuối năm*. Tôi như gặp một người khác, lớn hẳn đi, hơi lạ, có một lối viết chứng tỏ một tài năng đã tự vạch cho mình một chỗ đứng trong văn-giới. Tôi ngạc-nhiên và thầm nghĩ đến bao nhiêu công-phu ông đã bỏ ra trong những tháng năm tu-luyện...

Nhưng nếu tôi mừng thì tôi cũng đâm ra lo lắng. Võ-Phiến nhanh-chóng đi vào sự trưởng-thành đã vô-tình bỏ rơi lại phía sau bao nhiêu những cái bỡ - ngỡ, ngây - thơ, cái chưa thành, chưa đọng, cái xôn-xao, nô-nức có thể vô-ích đối với cuộc đời mà nhiều lúc trở nên cần-thiết đối với nhà văn.

Trong sự phân-tích, suy-tư, trào-phúng, trong quan-sát, liên-hệ, ông tỏ ra chu-

dáo, tình-tế mực thước có thể làm cho lớp văn-hữu lớn tuổi của ông ham thích, bao nhiêu thì đám-dông — vô số — độc-giả trẻ tuổi chủ cuộc đời lớn tiếng đòi hỏi ở nhà văn, nhất là nhà văn của thế-hệ họ, những cái gì (cái gì nhỉ ?) thay cho sự lạng lẽ, âm-thầm suy-tưởng, những cái gì thật gần gũi họ, xuất-phát ra từ họ với tất cả xôn-xao, ước-vọng, căm-thù, tin-tưởng, yêu-đương... Bài học lớn lao Zweig để lại cho nhân-loại không phải chỉ có chỗ tình-tế ở phân-tích tâm-lý mà là sự say mê của chính ông. Một sự say mê, khao-khát nồng-nàn với hết cả sức đốt cháy các giác-quan của kẻ muốn truyền-dạt sức sống, tình - yêu cho nhân - loại và cuối cùng, đã dám lấy cả sinh mạng quý báu

của mình để chứng-minh cho sự khao-khát Hòa-bình vô giá của Con người.



Người ta cầu cho một nhà văn chóng trưởng-thành. Còn tôi, tôi lại mong Vô-Phiến đừng vội bước đến một chỗ ngồi. Ông hãy lùi trở lại, hăm hở đi vào đám đông, bận áo ca-rô, miệng huýt sáo với một tấm lòng chỉ cần rung động, một khối óc chỉ cần tưởng-tượng...

Ngoài ra, tôi tưởng còn một điều nên đề-nghị với nhà xuất-bản Tự-Do : đối với một số sáng-tác-phẩm, tưởng nên mặc cho nó một bộ áo trẻ trung, hấp dẫn để độc-giả ham thích hơn là bộ đồng-phục chỉ riêng khả-ái đối với những tác-phẩm thuộc loại nghị-luận, khảo-cứu nghiêm-trang.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

- ★ Người không có bản-năng đoán biết được những sự xảy ra trong nội-tâm của một người làm việc dưới quyền, có thể là một thiên-tài ở phương-diện nào khác, chứ quyết không thể là một kẻ lãnh-đạo giỏi.
- ★ Người có điều bất-mãn không nhất-thiết muốn được thỏa mãn : họ chỉ cần được có người chăm chú nghe họ, và quyết-định cho họ, dù quyết-định hay hay dở mặc lòng.

Không sợ sự thật

Trước đây người ta thường trách Giáo hội Công giáo hay che đậy những sự thực bỉ ổi cất giấu trong thư viện bí mật của Vatican, nhất là những sự thực về hành vi bất hảo, bất chính của các vị Giáo tông như Jean XII, Boniface VII, Alexandre VI... Kịp tới khi Đức Giáo tông Pie XI tức vị, ngài bèn hạ lệnh cho mở rộng cửa thư viện ra để đón rước bất luận nhà học giả nào muốn tra cứu tường tận sự thật về bất luận vị Giáo tông nào, miễn là về sau đừng xuyên tạc sự thật. Ngài nói : « Tôn giáo chúng tôi không sợ sự thật và không có gì cần phải che đậy. »

ĐƯỜNG THI DỊCH GIẢI

Tổng Ky-vô-Tiêm lạc đệ hoàn hương Tiên Ky-vô-Tiêm hồng thi về làng

Nguyên Hán-văn của Vương-Duy

Dịch Việt-văn của Á-Nam

Thánh đạt vô ần-giả,
Anh linh tận lai quy,
Toại linh Đồng-san khách,
Bất đắc cố thái vi,
Ký chí kim môn viễn,
Thục vấn ngô đạo phi ?
Giang-Hoài độ hàn-thực,
Kinh-Lạc phùng xuân-y ;
Trì từu Trường-an đạo,
Đồng tâm dữ ngã vi,
Hành đương phù quế trạo,
Vị kỷ phạt kính phi,
Viễn thụ đối hành khách,
Cô thành đương lạc huy.
Ngô mưu thích bất dụng,
Vật vị tri âm hi...

Đời thánh không người ần,
Tài giỏi đều theo về.
Khiến bạn Đồng-san đó,
Không thể hái rau vi.
Cửa vàng xa đã tới,
Đạo ta ai dám chê ?
Đất Hoài tết hàn-thực,
Kinh-Lạc may xuân-y.
Lối Trường-an đặt rượu,
Bạn đồng-tâm chia lìa.
Sẽ khua chèo quế nọ,
Rồi mở cổng tre kia.
Cây xa, chân khách lần,
Thành tro bóng xế che.
Mưu ta chợt không đất,
Chớ tưởng không người nghe.

Phần chú giải của Á-Nam :

Ky-Vô-Tiêm là một nhà văn học có tiếng, tài năng không kém Vương-Duy, song vì thi cử lận đật mãi sau mới đỗ. Năm đó Vương-Duy đã làm quan ở Lạc-kinh, gặp Ky-Vô-Tiêm vào kinh thi bị rớt, buồn bã ra về, nên Vương-Duy làm bài bài này tiễn chân, cũng là ngụ ý an ủi cùng bạn làng văn :

Sống gặp thời-đại thánh-minh như hiện nay, thi trong quốc-gia không khi nào còn có người ần-dật ; vì bao nhiêu những bậc có trí có tài cũng đều vui vẻ xông ra để giúp công cuộc trị-an trong nước.

Cho tới ngay những hạng xử sĩ ở mạn Đồng-san, vốn xưa nay không thiết việc đời mà ngày nay cũng phải sẵn ra để vì quốc-gia gom tài góp sức, không ai chịu bó tay lên núi Thú-dương hái rau tự sống, để lánh cuộc đời, như bọn Bá-Dy, Thúc-Tề là hai con vua Cỗ-Trúc đã không hợp-tác với vua nhà Châu khi trước.

Ngay như bác đây đã không quản đường xa, lần mò về tới nơi cửa vàng để ứng thí thì dám chắc rằng không còn ai có thể chê bọn chúng tôi là vô đạo nữa.

Trong thời gian bác vào dự thi, đã hưởng tết hàn-thực ở đất Giang-hoài là nơi qua đó, rồi kể tới kinh đô lại gặp ngay cái lúc mà người ta sắm sửa may những đồ mặc mùa xuân.

Ngày nay, bác bị thi hồng ra về, tôi đây đặt tiệc ở giữa đất Trường-an để đưa tiễn bác, vì bác với tôi vốn là đồng tình đồng đạo mà nay lại bị xa nhau.

Rồi đây bác sẽ xuống thuyền, thuận buồm xuôi gió và chỉ trong mấy bữa thì đã tới quê nhà mà gõ cửa để về yên nghỉ.

Trong khi bác ra đi, tôi tiễn chân bác, với trông chỉ thấy những dãy cây lần lữa che khuất và chiếc thành tro troi chỉ còn ánh nhạt buổi chiều xa rồi.

Duy có điều trong lòng anh em, xin nhắc cùng bác là, lần này bác tuy thi rớt, đó chẳng qua cũng chỉ mưu trí của mình lỡ bị một khi không được đất lựa với đời, nhưng chân chân rồi không bao lâu sẽ lại có phen được người mời ra gánh vác giang-san để cùng góp gom tài sức mà làm cho vẻ vang đất nước san này. Vậy bác chớ nên mang lòng thất vọng mà vội cho là người đời không ai hiểu biết được ta...

TRẢ LỜI CUỘC

PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ III. — Bà TÙNG - LONG ★

TÊN thật : Lê-Thị-Bạch-Vân. Sinh năm 1913 ở Đà-nẵng. Nhà giáo, nhà báo, nhà văn. Năm 1935, chủ trương tuần báo « Tân-thời ». Từ 1952, đăng bài, truyện và tiểu-thuyết ở các báo « Sài-gòn mới », « Phụ-nữ diễn đàn » « Văn-nghệ tiên-phong », « Chị cùng em », « Nhân-loại », « Phụ-nữ ngày mai »...

Hiện là cây bút phụ-nữ viết rất đều, có tác-phẩm in nhiều nhất và có nhiều độc-giả trong giới nữ lưu.

Đã xuất bản. — *Tình duyên* (1955). *Lầu tình mộng* (1956). *Giang san nhà chồng* (1956). *Bóng người xưa* (1956). *Ái tình và danh dự* (1957). *Nhị-Lan* (1957). *Chùa Tiên Chúa Bạc* (1957). *Hoa Ti Muội* (1957). *Còn vương tơ lòng* (1957). *Vợ lớn vợ bé* (1957). *Tình và nghĩa* (1958). *Người vợ hiền* (1958). *Mẹ chồng nàng dâu* (1958). *Tình oan đấm* (1958).

Về loại nhi đồng — *Mẹ hiền con thảo* (1955). *Viên ngọc quý* (1956). *Ngày mai tươi sáng* (1956). *Hai trẻ đánh giày* (1957). *Tấm lòng bác ái* (1957).

Tôi xin trả lời về cuộc phỏng-vấn của quý báo :

Về câu hỏi I, II :

Tôi không bao giờ quên được câu chuyện :

« Sống chết mặc bây ! » của *Phạm-Duy-Tồn* (1) mà tôi đã được đọc khi còn đi học. Câu chuyện ấy gây cho tôi một ý-thức muốn làm một nhà văn.

Từ ấy đến nay, cũng có vài truyện ngắn

(1) Đăng trong tạp-chi « Nam-Phong », số 18, tháng 12 năm 1918. Dương-Quảng-Hàm có trích đăng trong « Quốc-văn trích-diễm ».

(Lời chú của Nguyễn-Ngư-Í)

rất hay mà tôi đã đọc ở nhóm Tự-Lực Văn-Đoàn hay của Nguyễn-Công-Hoan, nhưng tôi vẫn nhận thấy *Sống chết mặc bây !* là hay hơn cả.

Phạm - Duy - Tồn đã mở một kỷ-nguyên mới về lối văn gọn gàng, tươi sáng và linh-hoạt, không sáo, không rườm-rà và mài giũa như những bài văn xưa.

Về câu hỏi III, IV :

Tôi còn nhớ khi tôi bắt đầu tập đọc tiểu thuyết Pháp, tôi đã đọc bộ « *Sans famille* » (Vô gia-đình) của Hector Malot. Tôi say mê vì bộ tiểu-thuyết này không phải là ít...

Nhưng mở đường cho tôi đi vào con đường văn-ngệ lại là truyện ngắn của *Guy de Maupassant*; tôi không nhớ rõ cái tựa của truyện ngắn ấy, nhưng cốt truyện thì tôi vẫn còn nhớ rõ đến ngày nay...

Trong truyện ấy, *Guy de Maupassant* đã tả « *une pauvre vieille* », một bà già đáng thương hại, hằng ngày ra ngồi trên bãi bờ nhìn mong ra chân trời xa tít, nơi ấy đã là năm mồ chôn chồng bà, rồi con trai bà và giờ đây cháu nội của bà...

Tiếng gió biển thì thầm, những đợt sóng thì nhau đuổi vô bờ vô-tình đâu có

biết cái đau khổ của người đàn bà gần đất xa trời, mà cái sống đã thắt chặt trên bãi biển với cái sống của bọn chài lưới, của những người thủy-thủ...

Cảm thấy bài này hay, tôi đã dịch ra Việt-văn và bài ấy đã được đăng lên báo *Sài-thành*, năm 1934.

Đó là « tác-phẩm » đầu tay của tôi...

Còn trong các nhà văn ngoại-quốc, tôi thích nhất *André Lichtenberger* vì ông ta có một lối văn tươi sáng và những câu văn linh-hoạt, rất ngắn và rất gọn...

★ IV. — BUI-XUÂN-UYÊN

Sanh năm 1922 ở Hà-dông. Dạy học, viết báo, làm thơ, viết văn-phẩm luận, phê-bình, viết truyện ngắn, truyện dài. Sáng lập và giám-đốc nhóm và báo nguyệt-san *Thế-Kỷ* (Hà-nội 1950).

Từ vô Nam thường kí với bút hiệu Hl- Di (là « di-cư cười hi hi »). Xây-dựng tuần báo « Văn-ngệ Tự-do » (1955). Đăng trên nhật-báo « Tự-do » (loại mới), truyện dài *Luyện Máu* (1957 — 1959), đã ghi và gọi làm việc, làm văn-đề.

Tất cả các tác-phẩm hoặc đã đăng báo, hoặc chưa đăng, đều không in thành sách, do một ý riêng của tác-giả.

Trước hết, tôi cần phải xin lỗi vì sẽ không trả lời thẳng những câu hỏi do *Bách-Khoa* đặt ra, bởi lẽ rất đơn giản: tôi không chú ý mấy tới truyện ngắn.

Nếu *Bách-Khoa* cho phép, tôi xin trình bày một vài ý-kiến « lạc đề » của tôi, như sau:

1. — Có lẽ thời-đại của chúng ta là thời đại sống vội vàng, bởi thế trong cái thực-tế ít thì giờ, người ta không thể đọc cái gì dài quá được. Do đó truyện ngắn phát triển mạnh. Kể thế cũng phải, ngồi trong một xã-hội đang chuyển nhịp với một tốc độ bội tăng, và bội tăng cả mọi tiếng náo động, ai còn có thể nhàn nhả lần

từng trang của một cuốn tiểu thuyết dài. (1)

2. — Riêng phần tôi, — miễn thứ nói về cái « tôi đáng ghét » —, tôi vẫn coi truyện ngắn chỉ là những bài tập. Với truyện ngắn, tôi thường tập hoặc diễn-tả một trạng-thái tâm-lý, hoặc áp-dụng một vài kỹ-thuật miêu-tả mới nghĩ ra, hoặc lựa một chuyện-hướng mới cho bút pháp, hoặc ghi lấy một vài cảm hứng dư thừa... Dĩ-nhiên, đây chỉ là chủ quan của tôi, vì nói đến *Truyện*, thì, ôi chao! ôi là truyện

(1) Lý ưng là thế, nhưng ở Âu-Mỹ, năm rồi, tiểu thuyết « *Bác-sĩ Jivago* » của *Pasternak*, dài trên 600 trang, in đi in lại mấy lần mà cũng hết.

đời, truyện ngắn chép làm sao cho hết được. Tôi muốn đặt truyện là tất cả cuộc đời biến-chuyển trong một vũ-trụ quan và một nhân-sinh quan nào đấy, cuộc đời phức-tạp, cuộc đời đáng yêu, đáng ghét, đáng thóa mạ và cũng cả đáng kính, đáng thương.

3.— Người ta có thể bảo tôi :

« Cứ gì phải truyện dài, một truyện ngắn hay còn giá trị hơn là một truyện dài dờ ».

Tôi cũng đồng ý như thế lắm, nhưng sao lại so sánh một cái hay với một cái dở ? Một hòn ngọc chạm chỗ tinh vi, cái đẹp của nó không chối cãi được, nhưng tôi vẫn thích cái đẹp của những *Đế-Thiên Đế-Thích* và những *Kim-tự-tháp*. Vì nó «bự, thiệt là bự» (2), đúng thế !

(2) Đánh răng biên cả gọi cho ta những gì Vô-tận, song một giọt sương cũng có thể chứa cái Vô-cùng.

Trong cái « bự » này, là cả một mãnh-lực sáng tác phi thường, mãnh lực chứng tỏ cái vĩ đại của tinh thần người ở sự điều hòa lý-trí và tình-cảm để chiến thắng vật chất mà hoàn thành tác phẩm nghệ-thuật. Nhưng, tôi lại xin miễn thứ cho các ý kiến riêng thô lậu này, để được chấm hết những câu trả lời rất « lạc đề » của tôi.

T.B.— Kề tôi cũng nên tái bút rằng : Tôi chẳng có ác ý không muốn « xếp hạng » truyện ngắn. Tôi cũng không « xếp hạng » cả truyện dài nữa, cả thơ, cả kịch nữa kia, nghĩa là cả văn-chương, nghệ-thuật nói chung, bởi vì, đối với tôi, chỉ là những phương-tiện để thành tựu con người ở mình, và chỉ có thể thôi.

BÙI-XUÂN-UYÊN

★ V.— Bà XUÂN-NHÃ

Tức bà Bùi-Xuân-UYÊN. Sinh năm 1928 tại Hà-nội. Thuộc gia-đình Công-giáo. Từ gặp Bùi-Xuân-UYÊN, thay đổi tín-ngưỡng và bắt đầu viết.

Là cây bút của ái-tình và hạnh-phúc gia-đình. Khi ở Bắc, kí Nhã-Ái. Vô Nam, đổi bút hiệu : Xuân-Nhã. Đã đăng truyện dài « *Những kẻ oo tội* » (1955) trên nhật-báo « Tự-do » (loại cũ). Đăng dở truyện dài « *Nhờ Giời* » trong kỷ-yếu của Hội Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-châu (1958), ngừng lại vì bệnh.

Tất cả các tác-phạm, do một ý riêng của tác-giả, đều không in thành sách.

Khi *Bùi-Xuân-UYÊN* đã trả lời thì tôi không còn có ý riêng gì nữa, bởi vì chúng tôi cùng chung lập-trường về văn-ngệ, cũng như chúng tôi cùng chung tiền tiêu, cùng chung cái nhà ở, cùng chung lũ con.

Tôi cũng cần tái bút rằng sáng-tác văn-chương đối với tôi chỉ là việc phụ mà người vợ là tôi muốn chiều chồng thì làm. Cho nên tôi lại càng không có ý-kiến gì cả,

mặc dầu tôi thích viết truyện ngắn lắm. Chóng xong, lười được mà ! Còn truyện dài, con quấy khóc, khó viết lắm.

Miễn thứ cho những lời cũng rất « lạc đề » này và Bách-Khoa xét ra có đáng đăng thì đăng.

Bà XUÂN-NHÃ

Ký sau : Tom-ích và
Nguyễn-Đức-Quỳnh

Câu chuyện gió sương

Nhân một đoàn Nhạc kịch
ghé đến đây



Tiếng kèn xô rạo-rực
Bão-tổ xoáy chán trời
Đèn xanh chìm Nhạc biển
Mỗi hương màu hai mươi

Bán một nếp nhà nhỏ
Thế một ngọn lửa hồng
Đi mua nhiều Thơ Nhạc
Và mắt xanh, mắt trong

Say sóng đèn sóng nhạc
Say huyền-hoặc đê-mê
Gác tuổi đời so lệch
Cùng loạn tuổi Trăng thề.

Chiều mua mười năm trước.
Quán trọ lòng tê-tê
Ta đốt thuốc ngui-ngút
Cho cháy hoài si-mê

Đêm lạnh mười năm trước
Nghe lá chạy trên đường
Thương chuyện người trai trẻ
Áo mùa xuân ẩm sương!

Đêm nay trong rạp hát
Nói chuyện mười năm qua
Bàng-hoàng câu ân-ái
Bơ-ngỡ ánh trăng tà!

Quảng-Ngãi

NGUYỄN-PHAN-QUẾ



CHIỀU



Chuông chùa ngân-ngã đổ
Chim lạc-lỡ về xa
Chiều hoen mờ loang-lổ
Trơ trọi một mình ta...

Dặm đường xa heo-hút
Đồng ruộng uá phai dần
Nắng chiều đi cỏi cút
Để run buồn bàng-khuáng...



Gió qua cành run rẩy
Mây kéo về cô-sơn
Khói lam chiều đưa đây
Sao thấy lòng cô-đơn...?



Tôi theo chiều bay bóng
Nghĩa gì chuyện tháng năm
Gió chiều lên lồng lộng.
Đêm xuống dần... tối tăm.

HUY-LỰC

« TÔI ĐÚNG PHIM BÊN ANH »

HAY LÀ

« mang danh kịch sĩ một thời »

(xin xem B. K. từ số 51)

★ TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

MÁY ảnh trên đường rầy, 7, 8 ngọn đèn rọi dài theo lối tôi phải đi, lính gác tù-binh ai đứng chỗ nấy. Tôi đứng gần ông đạo-diễn để ông xem lại hung phục và cây gươm của tôi.

— Ông nhớ một chốc ông đi hơi nhanh một chút, tay trái vịn cây gươm. Người ta chào ông không cần đề ý đến. Cha ! Ai nấy đến đông đủ cả. Chỉ còn thiếu mặt trời.

Mặt trời hôm nay như e-lệ sau làn mây trắng. Trời hè bên Luân-đôn làm sao oi ả được như trời ở Mã-lai. Nhưng ít ra cũng phải có một chút ánh nắng mới được. Trong báo, theo lời bàn của sở khí-tượng thì hôm nay trời không tốt lắm nhưng có thể có nắng mà cũng có thể mưa. Chẳng ai biết trước được thời-tiết bên Anh. Thấy nắng đó, ra khỏi nhà không đem áo mưa thì chắc chắn sẽ phải ướt mình hay phải chịu dụt mưa đầu dổ. Thấy trời âm-u, đem dù theo.

Người Anh rất thích đem dù che mưa thường phải nạn cặp dù kè kè trong

khí mặt trời chói lói như chế nhạo. Mọi người đều trông đợi mặt trời. 9 giờ, 10 giờ. Đám mây đen từ chân trời bay đến. Trời tối sầm.

— Thôi chúng ta chắc phải đợi đến trưa. Bây giờ đã gần 11 giờ rồi. Chúng ta có thể đi uống cà-phê sáng vậy.

Người Anh sáng sớm ăn rất nhiều và thường uống trà. Nhưng lối 11 giờ uống thêm một cử cà-phê (họ gọi là morning coffee cà-phê sáng). Vào nhà hàng, trong lúc cà-phê chưa xuống hẳn, đám mây đen qua khỏi, trời hơi hừng nắng, mọi người tất tả chạy ra chỗ quay. Người nhiếp ảnh hô to : « Cho đèn cháy cả lên đi. » Mọi người đứng tại chỗ của mình. Họ đến đo ánh sáng.

— Ai nấy đã sẵn sàng rồi chớ. Ông David hỏi.

— Sẵn sàng cả.

Coi chừng tập thử một lần nhé. Ai không có phận-sự chi thì xin đứng tránh ra.

Ông Lee đứng sau máy ảnh ra lệnh : « Action ! » Tôi từ công đi vào. Tù binh

mộp sát đề chào. Lính gác đứng thẳng. Tôi đi luôn ra phía sau kho theo lời ông đạo-diễn dẫn. Máy ảnh chạy theo lướt đi trên đường rầy.

— Được lắm. Lần này quay thật nhé ! Hóa-trang ! cho thêm một ít nước trên mình tù binh. Họ phải đổ mồ hôi vì trời nóng lắm. Thật thì trời hơi lạnh.

Mọi việc đã sẵn sàng. Nhưng một đám mây khác đã đến che một phần mặt trời. Người nhiếp ảnh bảo rằng không thể quay được. Phải đo ánh sáng lại, sửa ống kính, nhưng sau khi sửa theo ánh sáng hiện thời, mây bay qua thì phải sửa lại. Đành ngưng lại và đợi. Đợi đến buổi ăn trưa. Ăn trưa xong, đợi đến mãi gần chiều mới có một chút mặt trời để quay một lớp đó. Trên màn ảnh khán giả chỉ thấy tôi đi trong 40 giây mà phải mất cả ngày. Trong lúc đợi mặt trời, hai ông Inkijinoff và T. người Nhật đến chào tôi bằng tiếng Nhật. Tôi trả lời bằng tiếng Nhật rằng tôi không biết nói tiếng Nhật. Họ ngạc nhiên hỏi tôi là người nước nào. Tôi trả lời bằng tiếng Nhật rằng tôi là người Việt-Nam. Rốt cuộc chúng tôi hỏi chuyện nhau bằng tiếng Anh. Hai ông ấy bảo rằng tôi trông giống Nhật lắm và đầu sao tôi cũng bập bẹ được tiếng Nhật chớ mấy anh lính gác thì là người Trung-Hoa, người Mã-Lai, mà lại không giống Nhật. Có lẽ vì thế mà họ không được mấy ông Nhật thật thích lắm. Họ hỏi thăm thân-thể của tôi và điều kiện làm việc. Khi nghe hăng có đề ô-tô cho tôi, họ bảo : « Chúng tôi phải đi tàu hầm. Xa quá và mất thì giờ ».

— Chiều nay, hai ông có muốn về cùng xe với tôi cũng được.

— Thế thì còn gì bằng. Cảm ơn ông lắm.

Thay đồ, gỡ râu, rửa mặt xong, ra đến ngõ, người gác cổng thấy tôi nhắc điện thoại lên gọi :

« Hello ! Xe cho ông Ca... »

Rồi quay lại tôi niềm nở : « Phiền ông đợi một chút. Năm phút nữa xe đến.

Trên đường về, tôi biết thêm rằng hai ông Inkijinoff và T. là người Nhật nhưng sang ở và lập nghiệp bên Anh đã mấy chục năm nay. Ông Inkijinoff có vợ Anh, và con gái đầu lòng của ông đã có chồng. Ông Inkijinoff, chưa lập gia đình mặc dầu tuổi ngoại tứ tuần vì anh ruột ông chết bên này để lại ông ba đứa con cô. Ông thay anh nuôi cháu nên người và hiện giờ hai đứa lớn ông đã dựng vợ gả chồng rồi còn đứa nhỏ đang học tại trường Đại-học Luân-đôn. Tôi mời hai ông ăn chiều với tôi. Ông Inkijinoff cáo từ vì sợ phu-nhân đợi. Còn ông Inkijinoff và tôi đến một hiệu ăn Trung-hoa tại Piccadilly Circus (Pi-ca-di-li Xơ-cốt-xơ) và hẹn ngày mai hai ông đến đi nhờ xe tôi vào phim trường.

Sáng hôm sau, vừa ăn điểm tâm, chuông điện thoại reo : « Chào Đại úy ! Chúng tôi đã đến và đang đợi Đại úy dưới nhà. » Lúc tôi bước xuống, hai ông Inkijinoff và T. đứng dậy cúi đầu chào, Tôi đáp lễ, ông Inkijinoff cười nói : « Hôm qua nói chuyện với ông về nhà lại quên tên ông. Sáng nay lại đây hỏi Đại úy Sugaya không ai biết cả. Chừng nói đến người kịch-sĩ bên Ba-lê sang đây đóng tuồng họ mới biết ông mà gọi điện thoại. »

Trời hôm nay không âm-u như hôm qua. Sau khi hóa trang xong, các kịch-sĩ tề tựu đông đủ. Ông Lee hội mọi người lại và nói : « Hôm nay, chúng ta quay lớp Đại-úy Sugaya tát tai người lính hầu.

Ông đang đi có anh lính hầu chạy theo xin ông ký tên vào một công-văn. Lúc đưa giấy tờ run sợ đánh rơi công-văn. Anh lượm lên trình cho đại-úy. Ông Sugaya ký xong tất anh lính hầu hai lượt. Rồi ông đi về phía tù-binh đang lau xe. Khi ông đi ngang, Jo với Ben mọp đầu chào. Khi đại-úy Sugaya đi xa, thì anh Ben nói với Jo : « Đại-úy Sugaya đây. Đừng chọc ông ta mà khờ. Đại-khái như thế. Các ông nhớ cả chứ ! »

Ông David phụ-tá đạo-diễn hô to : « cho đèn cháy để thử ánh sáng. Ai đứng chỗ này. »

Anh đóng vai lính hầu là người Mã-lai. Tay cầm hai tờ giấy ; anh có vẻ lo. Không biết bị tát tai có đau không. Còn tôi đã không quen đánh ai, lại nghĩ tới mình phải tát anh sinh-viên Mã-lai, vì cần chút tiền túi, vào đóng một vai phụ, đến chịu đòn, mà lòng không vui lắm.

— Ai không có phận-sự, tránh ra ! Bắt đầu tập thử. »

Ông David hô to.

Tôi đi từ phía cổng vào, anh lính hầu chạy theo, đưa hai tờ công-văn đánh rơi. Ký tên xong tôi giả vờ tát tai nhưng không đánh thật, xong rồi tôi đi về phía tù-binh. Ông đạo-diễn gọi tôi :

— Ông Ca ông nhớ rằng hiện giờ ông là đại-úy Sugaya. Không có tội nghiệp ai cả nhé. Lính hầu có đánh rơi giấy thì phải tát tai. Mà tát thật. Bây giờ tập thì tát giả vờ chứ lúc quay phải tát thật mạnh. »

Anh lính hầu đưa tay xoa lên má, tỏ vẻ lo.

— Nhiếp-ảnh sẵn sàng chưa ? Ông phụ-tá đạo-diễn hỏi to.

— Sẵn sàng.

— Kỹ-sư thấu-thanh sẵn sàng chưa ?

— Sẵn sàng.

— Ai đứng chỗ này — Im. Coi chừng quay.

Tiếng máy ảnh quay rờ rờ. Sau khi anh « Klapman » (Cờ-láp-manh) đưa tấm bảng có viết số cảnh đang quay trước máy xong, ông Lee ra lệnh : « Action ! »

Tôi đóng y như lúc tập thử. Nhưng đến lúc tát tai, tôi không đánh mạnh như ông đạo-diễn muốn, ông Lee nói : « Đại-úy Sugaya ! Xin ông tát mạnh một chút nữa. Nếu ông không bằng lòng tát tai thì tôi xin ông đóng vai lính hầu để tôi tát thử cho ông xem. » Ông Lee vừa nói vừa cười.

Anh Klapman (Cờ - láp - manh) hô : Take two. (Quay lần thứ hai. Và lần này, tôi nghiêm sắc mặt, lấy hết thần lực cho hai tát tai này lửa...

— O.K. (Được rồi !) Lần này, đại-úy Sugaya tát tai được lắm, nhưng nhà nhiếp ảnh bảo rằng ánh sáng thiếu tại đám mây mới bay qua. Quay lại. Đám mây ác nghiệt đã bay đến chân trời.

Anh Klapman hô: Take three. (Quay lần thứ ba) Anh lính hầu lại đánh rơi công-văn. Tôi ký tên xong, lại tát tai...

Nhưng anh lính hầu run sợ hơi nhiều, ông đạo-diễn cho rằng không tự nhiên. Phải quay lại.

Take four. (Quay lần thứ tư).

Anh lính hầu đánh rơi công-văn. Lượm lên, đưa cho tôi ký. Bị hai tát tai. Anh hốt hoảng đánh rơi cây viết chì !... Ông Lee ra lệnh : Cắt đi ! Anh nên cẩn thận.

nhé. Đánh rơi công-văn thôi. Chớ đánh rơi viết chì nữa thì hơi quá. Đây này ! Anh cầm công-văn như thế này ! Anh hơi run một chút thôi ! Đứng trước mặt đại-úy, anh tỏ vẻ sợ sệt rồi đánh rơi như thế này ». Ông vừa nói vừa chỉ bộ điệu cho anh đóng vai lính hầu.

Take five. (Quay lần thứ năm).

Anh đóng vai lính hầu người Mã-Lai, nên màu da sậm như da người Cao-Miên. Thế mà hai má anh đã đỏ. Bàn tay tôi nóng một có lẽ gò má anh nóng bốn năm. Mong rằng lần này ông Lee bằng lòng...

Có lẽ anh lính hầu không may. Không tại chuyện này cũng tại chuyện khác. Phải quay cảnh ấy lại đến 9 lượt. Bàn tay tôi 18 lần đặt trên má anh lính hầu, bàn tay tôi nóng và đỏ. Má anh lính nóng và đỏ hơn. Mỗi lần quay xong, khi ông Lee nói : *Cắt đi !* » Tôi bỏ nét mặt nghiêm khắc của Đại-úy Sugaya, đến trước mặt anh đóng vai lính hầu : « Xin lỗi ông. »

— Không có chi. Vừa nói anh vừa xoa má.

Lần chót ông Lee đến nói : « Thôi ! Lần này xong rồi. » Tôi thấy trên má anh lính hầu còn dấu bàn tay của tôi, mà trong lòng thấy buồn. Vì cần một ít tiền anh sinh viên Mã-lai xin đóng một vai phụ, ai ngờ đầu phải chịu đến gần 20 tát tai. Còn tôi, tôi không ngờ người Anh sang tận Ba-lê, rước tôi về Luân-đôn đóng vai người Nhật và tát tai anh bạn Mã-lai để ăn tiền !



Sáng nay, quay trong phim trường. Như thế thì khỏi phải tùy mặt trời. Ông Lee chào tôi xong rồi nói : « Hôm nay, ông lại tát tai hai người sĩ-quan một Đại-tá Anh và một Trung-tá Úc. »

— Không khéo, sau khi quay xong phim này tôi sẽ trở nên chuyên môn tát tai.

Ông Lee cười.

— Hôm nay, ông cho đòi hai người sĩ-quan Anh và Úc vào để điều tra coi ai ăn trộm gà của ông.

Sau khi họ trả lời không biết, ông giận đến tát tai người Đại-tá Anh rồi tát ngược người Trung-tá Úc. Văn đánh mạnh như lần trước nhé.

— Vâng.

Văn-phòng của đại-úy Sugaya. Một bàn giấy đầy hồ-sơ. Trên tường, một bức địa đồ Đông-Nam Á-châu. Trên trần chiếc quạt máy quay nhẹ. Ở Mã-lai, trời nóng bức mà. Nhưng bên Anh, vào mùa thu, trời đã lạnh ta thấy quạt máy mà rung mình.

Đèn đỏ hậu trường đã cháy. Chuông rung báo hiệu tập thử. Ông đạo-diễn giới-thiệu tôi cho hai người sắp bị tát tai và giảng lại một lần trước khi ra lệnh : « Action ! »

Nghiêm nét mặt, tôi hỏi hai sĩ-quan Anh và Úc có biết ai ăn trộm gà của tôi chẳng. Sau khi họ trả lời không biết và tỏ ý bình-vực tù-bình, tôi nổi trận lôi-dinh tát cho mỗi người một cái. Lúc tập thử, thì tát giả đồ, nhưng lúc quay thật, tôi tát thật mạnh. Theo người Việt, tôi thuộc về hạng cao. Nhưng vẫn còn thấp hơn họ một cái đầu. Hai người đóng vai sĩ-quan là kịch-sĩ nhà nghề. Họ không giận không buồn vì bị tát tai. Nhưng mỗi lần tôi phải thịnh-nộ, phải đánh đập người khác, tôi thấy khó chịu : Tập thử vài ba lượt rồi quay thật. Tôi cố đặt mình vào địa-vị đại-úy Sugaya bị mất trộm gà, và khi tôi quên hẳn tôi là một kịch-

sĩ Việt mà tường mình là một sĩ-quan Nhật thì đóng mới tự-nhiên. Tôi đã bắt đầu thấy lạnh vì quạt trần vẫn quay. Họ phải cho tắt quạt đợi lúc đóng thật sẽ vẫn quạt lại. Vì cảnh này có nhiều câu đối-thoại nên máy quay phim phải chụp một lần phía sau lưng tôi một lần phía trước mặt để lúc cần họ cắt và nối các đoạn để lúc nào hai người sĩ-quan nói thì thấy mặt họ. Vì thế mà sau ba lần quay phía mặt tôi, bốn lần quay phía mặt họ, phía lưng tôi — tất cả bảy lần — hai người sĩ-quan Anh và Úc bị 14 tát tai.

Cũng may là lần sau, tôi khỏi phải thịnh nộ khỏi tát tai. Nhưng lại phải nặn hút xì-gà và uống bảy lần cà-phê.



Lần này Đại-úy Sugaya sau buổi ăn chiều hút mấy hơi thuốc xì-gà rồi bước xuống cầu thang dạo mát trong vườn. Tất cả cảnh này đều quay trong phim trường. Biệt thự của Đại-úy bằng gỗ cũng có quạt trần, có ghế dựa bằng mây nhưng chỉ có mặt tiền. Phía sau trống trơn trong vườn có cỏ có cây nhưng toàn là cỏ cây từ nơi đầu mang đến. Trên tấm phông (fond) phía sau nhà có 1 bức sơn-thủy vẽ cảnh 1 làng ở Mã-lai, có vườn dừa, có đường đá — Họ đốt cho tôi 1 điếu xì-gà thật. Biết trước hôm nay quay hai cảnh trong ấy Đại-úy Sugaya uống cà-phê và hút xì-gà nên sau buổi ăn trưa, tôi chẳng gọi cà-phê như thường lệ. Trong khi quay thật, tôi hút mấy hơi xì-gà, đứng nhìn trời rồi lững-thững đi dạo. Trong tuồng cảnh ấy vào lúc trời nhá nhem tối. Lần đầu, ông đạo diễn không vừa lòng lắm vì vẻ mặt tôi thiếu sự bình-thản của một người sĩ-quan, sau một ngày làm việc được một lúc rảnh rang.

Lần thứ nhì, không xong vì lúc bước xuống cầu thang tôi bị vấp một lượt. Lần thứ ba mới xong, mỗi lần quay phải hút 4,

5 hơi xì-gà. Tôi thấy hơi ngà ngà say. Rồi đến cảnh khác tôi uống một hộp cà-phê rồi ngồi xem hồ-sơ. Chợt có người hạ sĩ quan Cảnh binh đến báo rằng tất cả đều sẵn sàng, chỉ còn chờ đại-úy Sugaya đến là bắt đầu đóng đình anh Joe vì anh ấy cả gan đánh hạ sĩ quan nhật, Đại-úy Sugaya đứng dậy gọi anh lính hầu mang mũ mang gươm đến cho ông. Cảnh chỉ có thế, Ông đạo-diễn bảo rằng chẳng có chèn khó cả, chắc quay vài ba lần là được. Ông bảo rót cà-phê thật cho tôi. Mỗi lần uống hai hộp, 3 lần quay hết một tách là vừa. Đèn rọi sáng choang phía trong nhà. Quay thật đây, người lo dụng cụ đưa tôi một tách cà-phê. Uống một hộp, tôi ra ngồi xem hồ sơ. Người hạ-sĩ quan Nhật đến báo Ông Inki-jinoff người Nhật chánh tông, mà lúc đến đứng trước mặt tôi, chào xong, lại nói lấp vấp. Quay lại mỗi lần như thế họ rót cho tôi một tách cà-phê khác — họ đem theo cả một bình Thermos đầy cà-phê nóng.

Lần này khi đứng lại chào tôi, ông Inki-jinoff xuýt té (ngã) vì phải đến ngay chỗ dưới cầu thang, nơi họ đánh dấu bằng một miếng gỗ trắng. Ông vấp phải miếng gỗ xuýt té. Quay lại. Có lần anh lính hầu mang mũ mang gươm đến chậm. Có lần việc nọ việc kia không xong. Phải quay đến lần thứ 8 mới xong. Tôi uống tất cả hơn 10 hộp cà-phê, gần 3 tách. Nhưng cà-phê ngon, lại quay vào lúc xế chiều, uống thế tỉnh người nên khi ông đạo-diễn hỏi tôi có muốn thế một thứ giải-lao cho khác, tôi bảo không hề gì. Thà uống cà-phê 10 lượt hơn bị tát tai.

Kỳ tới : Quay trong rừng Burnham Beeches và cảm-tưởng của tác-giả khi xem phim mình đóng.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

LỐI CŨ

Tặng anh BÙI-GIANG

Vì thương nhớ thảo nguyên
Dầm lá rừng thu con nai vàng trở lại.

Đi cho kịp Mùa Xuân Hoa Cỏ
Cỏ hồng, hoa tuyết hong sương
Đá nhọn,
Cành gai
Bưng lối cũ
Đơn côi ngàn dặm gót mây vương.

Máy xuống thấp, lên cao. Máy bay loạn
Cánh nhận về Đông hay lạc đến phương
Đoài?

Mùa Xuân! Mùa Xuân! Hoa Cỏ!
Giục già nai đi
Giờ cuối thu rồi!
Sôi rần, ghềnh cao xơ xác gót
Mất mờ, đêm vọng
hướng: Sao Mai.

Ra đi không đưa tiễn
Trở lại chẳng đồng-hành
Lạc bạn
Nai gọi bày thống-thiết!
Trả lời...
Chỉ tiếng suối reo quanh.

Nai ngắt lịm bên đường mộng tràn Hoa Cỏ,
Hồn say cứ gọi: thảo nguyên!

Thức giấc
Lẻ chân
Đốc cao ngàn bậc đá
Rừng trơ,
lá đàng...

xót xa lòng!

Từng giọt nắng chiều xuyên kẽ lá
Nai nhăm, tưởng những chấm hoa rơi
Cúi xuống...

Nặng mùi đất ẩm
Ngày đêm thân xác vô-vàng!

Rừng chuyển mạch. Thu tàn. Đông lại.
Đường về còn xa xôi
Lối cũ mịt mù cành gai, đá sỏi
Con nai vàng vẫn đi

Vì, Hoa Cỏ Mùa Xuân chỉ hẹn đúng kỳ.

Sàidô, đêm vọng miền xưa

1959

TƯỜNG - LINH

CHÚ TÔI treo tranh

Jérôme K. Jérôme
VĂN-TRANG (dịch)



Lời nói đầu.— Có lẽ việc đóng một cây đinh vô vách là một trong những việc mà ai cũng làm được và làm được một cách dễ dàng. Thế mà muốn đóng một cây đinh, chú tôi phải huy-động toàn-lực một gia-đình vừa lớn vừa nhỏ gần mười người, phải mất đến nửa đêm. Và cả mọi người, kể cả chú tôi nữa, phải khổ sở, phải cực nhọc như vừa trải qua một cơn hỏa hoạn hay chống đỡ với một bọn cướp dữ. Nhưng chú tôi cũng tự hào được : « Chút xíu việc như thế này mà có lắm người không tự làm được, phải gọi đến thợ, thật lạ quá ». A ! Trên đời còn có những người bị chú chê nữa ! Những người đó là ai ? Có phải tác-giả muốn châm biếm hạng người thuộc công-thức thì không ai bằng mà đến khi nhúng tay vào việc thì không đóng nổi một... cây đinh vô vách ? Kinh khủng hơn nữa người hạng ấy lại đòi thầu hết vũ trụ vào lòng bàn tay. Chuyện trào lộng « Chú tôi treo tranh » phải chăng là một tiếng chuông báo động cần-thiết nhất cho thời này.

CHÚ tôi có tật hay la lối, hay làm to chuyện. Mỗi khi chú sắp đặt chút chi trong nhà, thôi thì cả một cuộc xáo trộn từ trên xuống dưới : Buổi chiều ấy, thín tôi thấy một bức tranh vừa lồng khung xong để nằm trên mặt bàn ăn, hỏi chú :

— Mình định treo đâu đây ?

Tức thì chú trả lời :

— Để y đó cho tôi. Không ai phải nhọc cả. Tôi làm một mình được rồi. Rồi chú nhóm dậy, quơ cái áo ngắn mặc vào cho gọn để làm việc. Chú thét chị ở đi chợ mua sáu cây đinh, rồi quên

dẫn nị tắc, chú lại sai thằng Út chạy theo chị để dẫn lại, kể chú kêu, gọi, sai, bảo cả nhà rồi rít :

— Vinh ! thằng Vinh đâu ; kiểm cái búa coi ! còn thằng Tôn nữa, đem cây thước lại đây, rồi cũng phải có một cái ghế đầu để đứng lên chớ, thôi, cái ghế dưới nhà bếp cũng được. Sinh ! chạy qua nhà bác Phúc, thưa với bác rằng ba gọi lời chào bác, ba hỏi thăm cái chân đau của bác có khá chưa, và sau cùng con thưa với bác cho ba mượn cái ống thủy-chuẩn nhé. Con Mai đừng đi vì cũng phải có một đứa cầm cây đèn cho tao chớ. Khi con ở về chiều nó trở liền ra chợ tìm mua một khúc ru-băng lụa dặng treo tranh. Tôn ! — thằng Tôn đâu ? Lại đây, tao nhờ một chút, đưa giùm tấm tranh cho tao.

Chú đưa tay đỡ tấm tranh, trật tay, cả cái khuôn rơi xuống, tấm tranh rời ra khỏi cái khuôn, chú muốn vớt lại tấm kiển, loay hoay làm sao dứt tay, tức thì chú nhảy vọt vô buồng ngủ để tìm cái khăn tay. Chú tìm khắp không thấy, vì lẽ rất dễ hiểu là lúc nãy, chú đã để nó vô túi áo ngắn, và áo ngắn thì chú cởi ra máng vào đâu không nhớ, thế rồi cả nhà phải bỏ việc tìm kiếm búa để tìm cái áo, trong khi đó chú nhấp nhóm và hăn học với mọi người :

— Trong nhà này, không ai thấy cái áo tôi đâu cả ? Trong đời, tôi chưa từng thấy ở đâu lộn xộn như đây ! Đây là sáu người ! đúng sáu người, mà không có một ai có thể kiểm được cái áo tôi mới vừa cởi ra chưa đầy năm phút ! Trời đất ! trong tất cả... »

Chú vừa nói vừa đứng dậy thì thấy cái áo dưới ghế nãy giờ chú ngồi lên trên, chú tiếp tục nói :

— Thôi ! tôi không cần nữa ! Tự tôi, tôi kiểm được rồi ! Thời giờ chờ đợi nhà này kiểm cho được một món đồ có lẽ biểu con mèo kiểm cũng ra !

Nửa giờ sau, khi băng bó xong các ngón tay cho chú và tìm đủ dụng-cụ : thang, đèn, ghế, búa, đinh rồi thì trong nhà báo động nữa ; tất cả mọi người, luôn cả chị bếp đứng thành nửa vòng tròn, sẵn sàng tiếp tay với chú : hai người giữ ghế, một người thứ ba giúp chú leo lên ghế, khi chú đứng vững trên ghế rồi, một người nữa đưa cho chú cây đinh, chú cầm cây đinh và đánh rơi xuống đất :

— Rồi ! cây đinh rớt mất rồi ! chú nói giọng giận dữ !

Và tất cả cúi xuống đất, đi từng bước một, lom khom kiểm cây đinh. Chú thì đứng trên ghế cầu nhàu, hỏi chúng tôi rằng bộ muốn để chú đứng trên ghế suốt buổi tối hay sao.

Sau cùng, cây đinh cũng tìm được, nhưng cái búa lại mất !

— Cái búa đâu rồi ! Tôi để cái búa đâu rồi ! Trời ! tất cả bảy người đứng há hốc chung quanh tôi mà không ai thấy tôi để cái búa đâu cả !

Và người ta đưa cho chú cái búa, nhưng bây giờ chú lại tìm không ra dấu chấm trên tường để đóng cây đinh, và chúng tôi lần lượt người này đến người khác, leo lên bên cạnh chú để tìm dấu chấm ấy, song không đứa nào tìm ra, mỗi đứa chỉ mỗi chỗ khác nhau. Chú mắng mỗi đứa một tiếng rồi đuổi xuống hết.

Chú lấy cây thước đo đi, đo lại, sau cùng chú kết-luận là phải đo đúng phân nửa ba mươi phân, thêm một ngón cái và ba phần tám cách góc vách, và chú làm nhăm tính rọ, rồi chú kêu rỗi trí.

Và chúng tôi ráp nhau tình rọ, sau rỗi mỗi đứa lại ra kết quả khác nhau rồi chúng tôi chế nhạo nhau. Và trong cái hỗn loạn ấy, chúng tôi quên con số cái, và chú tôi lại phải đo lại.

Lần này chú dùng một sợi dây dề đo, và trong phút tâm-lý đó, ông chú tôi nghiêng hẳn mình ra khỏi ghế theo chiều một góc bốn mươi lăm độ, muốn với tới một chỗ cách ba ngón tay khỏi tầm chú, sợi dây tuột đi, chú té nằm nguyên trên cây dưng cầm, bật thành một điệu hòa-âm kinh-hải, do sức nặng của thân người cùng cái sọ chú đập xuống thành-linh một lượt trên tất cả các phím.

Và dì Mai cầu nhàu một tràng những câu mà ta thường cấm nói trước mặt trẻ con.

Sau cùng, chú tôi cũng tìm được chỗ dề đặt cây đinh. Tay mặt cầm búa, tay trái cầm đinh đặt rất đúng dấu chấm, rồi chú dang thần lực nện một búa thẳng tay,

Bỗng chú hét lên một tiếng, buông rơi cái búa, mặc cho nó rớt trên đầu ngón chân cái một người nào đứng gần đó, ôm tay xuýt-xoa lia lịa. Thì ra thay vì đóng

trên cây đinh, chú đóng trên ngón tay cái của chú.

Dì Mai dịu dàng nhận xét rằng, lần sau nếu chú có định đóng một cây đinh lên vách thì dì hy vọng chú có thể cho hay trước một thời-gian, để dì thu xếp về nhà độ một tuần, xong dì sẽ trở qua. — Ồi ! Đàn bà ! Cứ hay làm điệu mà không được việc gì cả ! — Chú vừa đứng dậy vừa ngắt lời dì Mai — riêng tôi, tôi thích làm việc chút ít dề.. và chú bắt đầu làm lại, cầm búa, cầm đinh, và đến nhát búa thứ hai, cây đinh đã mất hút trong vách, cả phân nửa cây búa cũng hút vô như tấm vách bằng thạch cao, và cái sức mạnh đánh vô làm cho chú chúi nhủi vào tường ước chừng xếp mũi được vậy.

...Rồi chú bảo chúng tôi tìm lại cây thước, sợi giây, đo lại cái dấu khác... rồi đến nửa đêm, bức tranh cũng treo được lên tường — lệch lạc và bàu nhàu — chung quanh mấy thước vuông đầy vết lõm. Trong lúc mọi người đều mệt như khò sò, chú tôi đặc chí leo xuống ghế, đứng ngay trên bàn chân của chị bếp mà không hay biết, chú khoan khoái xoa tay làm bầm !

— Chút xíu việc như vậy mà có nhiều người không tự làm được, phải gọi đến thợ, thật lạ quá !...

Jérôme K. Jérôme
VÂN-TRANG (dịch)

★ Càng có cảm-tình với người, càng đi sâu vào phiên muộn, khó khăn của người thì càng biết người. Có đặt mình vào địa-vị người thì mới hiểu người.

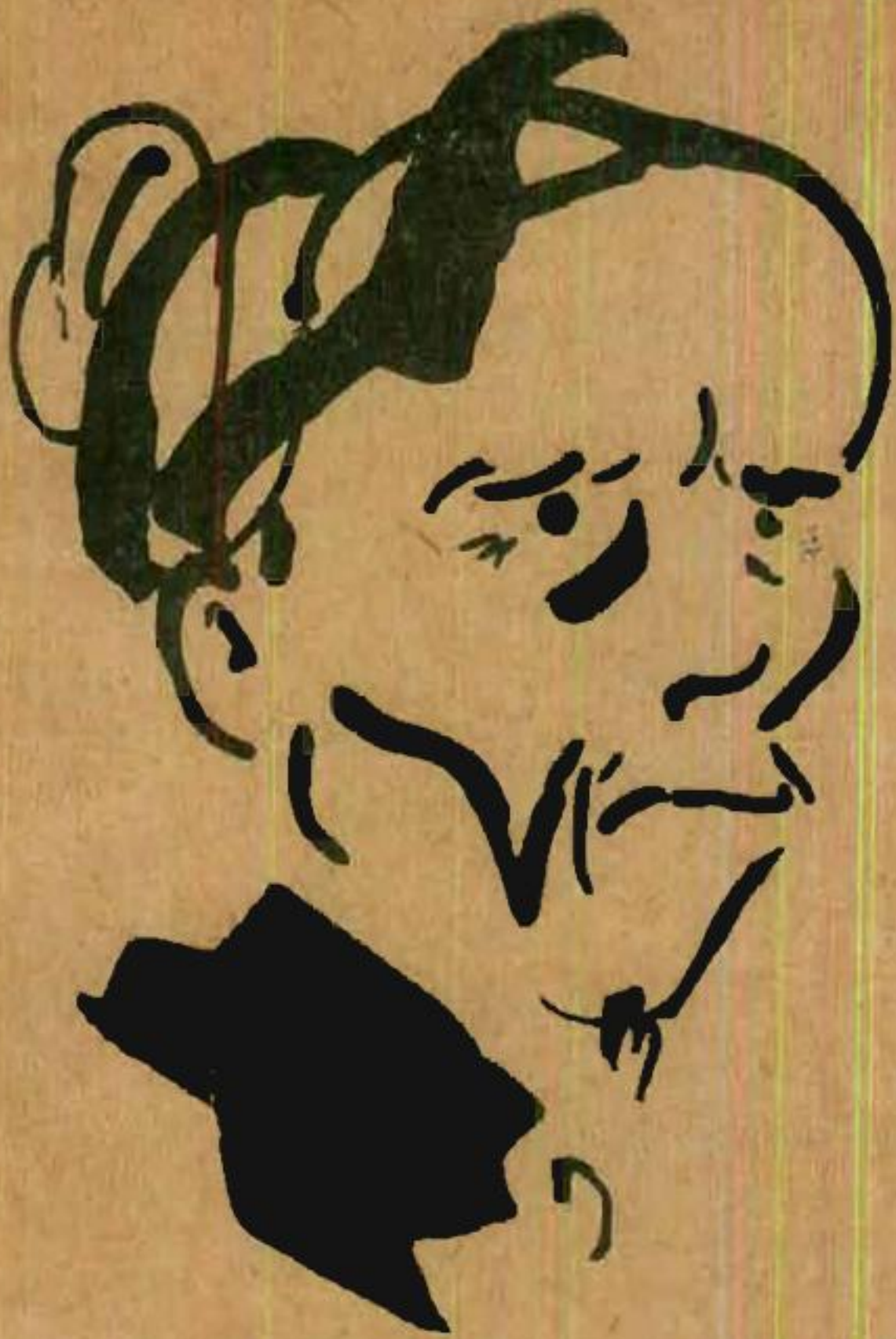
★ Đem lòng dong mình ra dong người. (Cảnh-hành-lục)

TÌNH THUỞ ẤY...

Tăng Ngự.

Nhắm mắt lại, để nhìn em cho rõ,
Ánh sáng chói lòa lạc hướng tâm tư,
Anh tìm em lưu lạc giữa cuộc đời.
Thuở ấy yêu nhau, nhìn mà chẳng nói,
Không trao hôn, chưa biết viết thư tình.
Muốn nói thật nhiều mà vẫn phải làm thinh,
Miệng chưa mở nhưng lòng như hiệu cả.
Phút gặp mặt sao vội vàng hối hả,
Đề rồi khi xa cách nhớ làm sao.
Chuyện của đôi ta lúa ruộng vẫn thì thảo,
Tre lối xóm hình như đã biết rõ.
Không hẹn hò chi, nhưng cùng về một ngõ,
Em cúi đầu hai má đỏ như son.
Thuở ấy yêu nhau tính việc vương tròn,
Yêu có nghĩa là thương em nhĩ.
Anh kêu ngọn đèn mờ xới kinh nấu sủ,
Mơ một ngày vông tía lọng xanh.
Đời thái bình trắng dọi mái lều tranh,
Anh đọc sách bên em ngồi dệt cửi.
Bóng Trạng-Nguyên thường thăm em trong giấc ngủ,
Em thần thờ, ngơ ngẩn nhịp thoi đưa.
Tuổi chúng mình mai một có thành đôi,
Em thăm hỏi nhân duyên bà Nguyệt-Lão.
Thế kỷ hai mươi, cười say điên đảo,
Son phấn nhạt màu, bóng ngả canh thâu.
Đường, ngựa xe rong ruổi về đâu?
Yêu chỉ đề mà yêu em nhĩ?
Yến tiệc tung bừng, nhớ chi tình cũ.
Chuyện ngày xưa kể lại đề mua cười.
Ai có đi qua đường ấy bụi mù,
Nhấn hộ với người em trong tuổi mộng,
Rằng tóc đã ngả hai màu, đời tôi còn lặn dạn,
Mấy năm rồi chưa tính chuyện tơ duyên.
Anh tìm em trời nòi đã bao miền,
Đề gặp lại người em nghìn buổi trước,
Đề cho vẹn một lời thề non nước...

VŨ QUỲNH-BANG



LÊ SÔNG

VÕ PHIẾN

(Tiếp theo B. K. số 59)

TRỜI chưa kịp sáng thì bác tôi đã trở lại, hấp-tấp, vội-vã. Theo sau vẫn có bác gái, và lần này thêm rất nhiều trẻ con trong xóm kéo theo. Rồi đến người lớn. Té ra trong đêm qua bác tôi không hề chịu nằm nghỉ mà đã đi làm náo-dộng cả xóm.

Giữa đám người đông đảo, bác tôi thuật lại trường-hợp bác đã gặp thấy ông già bệnh như thế nào. Đại-khái trong cách nói cũng biểu-lộ một chút kiêu-hãnh kín-dáo tựa như là cái kiêu-hãnh của ông Kha-Luân-Bổ tìm gặp Tân-Thế-giới vậy. Lê cố-nhiên bác tôi được mọi người thán-phục. Tiếp theo đó bác tôi cứ nhất định đòi dúi ông già về nhà để tự mình săn-sóc. Khi lòng hăng-hải của bác tôi phô-diễn một cách công-khai như thế trước quảng-dại quần-chúng thì bác gái tôi bị đặt vào một thế vô cùng khó-khăn, không

thề nào can-gián mà khỏi làm mất thề-diện được.

Bà con trong xóm dùng một cái vồng khiêng ông già bệnh về nhà bác tôi. Ông già đó, về sau trong gia-đình chúng tôi cùng gọi là ông bốn Tản.

Thực ra ban đầu người ta kêu là ông Tản-Cư. Vì ông vốn là một người Quảng-nam, khi giặc tiến đánh đến Điện-bàn, gia-nhập đoàn dân tản-cư vào Bình-định. Khi đoàn đến xã chúng tôi ban tiếp cư có cử đại-biểu đón tiếp từ-tế, có mời nước trà, mời dự một bữa cơm, và có trao tặng vật. Rồi thì đoàn được xếp đặt ở tại một nhà ga cũ bị phá-hoại sập mất một nửa. Đoàn gồm chừng năm mươi người, già trẻ đủ hạng, tác-phong, trình-độ học-thức, tính-nết, mức giàu nghèo, xem ra phức-tạp, cách-biệt nhau. Những người khá-giả thì năm ba ngày sau liền

tách ra khỏi đoàn, xin xă cho đất cất nhà ở riêng mua bán làm ăn. Những người có chữ-nghĩa cũng rời khỏi đoàn đi dạy học, hoặc đi làm cán-bộ. Chỉ còn lại những kẻ cần sự cứu giúp của chính-phủ.

Ngay lúc đó, lại vừa gặp dịp chính-phủ có cái sáng-kiến đề ra khẩu-hiệu tự-túc cho đoàn. Một cán-bộ được phái đến đưa ý-kiến rằng đoàn nên chia thành từng đội năm ba người: đội thì đi núi chặt củi về bán, đội thì vào trong xóm tìm công việc làm thuê làm mướn... Các đoàn-thể cứu-quốc sẵn sàng giới-thiệu những đồng-bào tản-cur với các gia-đình có hảo-tâm lãnh về nuôi, khi nào có dịp. Những dịp ấy lâu quá lắm mới có một lần. Và thường thường các nhà hảo-tâm lại chọn-lựa những đồng-bào tản-cur có tư-cách làm một công-nhân đặc-lực.

Về sau đoàn tản-cur ở ga gồm toàn những người xơ-xác, bệnh-hoạn, rách-rưới, thỉnh-thoảng kéo nhau đi lang-thang vào trong xóm với những ý - định khả-nghi. Rồi nhà hai Toàn ở đầu xóm mất đi một con chó vện, có mấy đứa trẻ mách rằng chính chúng bắt gặp hai người tản-cur một ông già một người trai trẻ gầy ốm — lúi húi đào lỗ chôn lông chó. Rồi vài nhà khác mất gà, và lại có người bắt gặp kẻ tản-cur đào lỗ chôn lông gà.

Những câu chuyện như thế làm cho giữa nhóm đồng-bào tản-cur còn ở lại trong nhà ga sập dờ với bà con trong xóm chúng tôi càng ngày càng có sự xa cách. Xa cách đến nỗi dần dần người trong xóm gần như không có ai dám đến tiếp xúc giao-thiệp với bên ga, đến nỗi mỗi khi bên ga có người bệnh chết thì họ cũng tự lo liệu chôn cất lấy mà chúng tôi không

hay biết gì, và đến nỗi chúng tôi quên hết không còn nhớ ra một nét mặt nào trong số những đồng-bào mà thoát tiên khi họ mới tản-cur đến chúng tôi đã tổ-chức đón tiếp long-trọng, thết đãi tử tế, tỏ tình đoàn-kết ấy.

Bởi vậy khi ông bốn Tản-cur còn nằm trước rào tôi, nhiều người trong xóm đến nhìn mà không nhận ra là ai. Mãi về sau mới có vài đứa trẻ biết là «ông già tản-cur». Chúng nó có nhắc thoáng qua về câu chuyện chôn lông chó, nhưng không có ai đề ý đến. Sự phát-giác đó có nhiều điều ích-lợi: nó làm cho nhà chức trách khỏi điều tra dài dòng về tung tích ông già, nó làm cho bác tôi thành ra một nhà hảo tâm đầu tiên chịu lãnh nuôi một đồng-bào tản-cur không phải là nhân-công đặc-lực, phá bỏ một tiền lệ tai hại, và cuối cùng sự phát-giác đó lại định được tính danh của ông Bốn. Thoạt tiên chúng tôi kêu là ông lão Tản-cur. Khi ông bình phục, kể rằng ông thứ bốn, chúng tôi lại gọi là ông bốn Tản-cur. Cuối cùng, để cho gọn gàng, ông ta thành ra ông bốn Tản.

Ngay sau khi đón ông bốn Tản về nhà, bác tôi cho chạy ra ga báo tin. Nhưng trại tản-cur đón cái tin đó với một thái độ hoàn toàn dửng dưng, như tưởng bác tôi chẳng vừa làm một việc gì quan-trọng cả vậy. Người đem tin về thuật lại với chúng tôi rằng trại tản-cur xem có vẻ không buồn cử một ai đến thăm ông Bốn lần chót. Cả đoàn cũng không chú ý đến sự vắng mặt ông Bốn, không hiểu ông Bốn đi đâu, bỏ trại đi từ lúc nào. Nhất là khi nghe nói rằng ông Bốn có ý-dịnh tự-tử, thì họ đồng thanh la rằng một ý định lòi thoi như thế không thể có nguồn gốc dính líu gì với trại tản-cur, trại không chịu

trách nhiệm về những ý định lần-thần ấy. Rõ ràng là ông bốn Tản không hề có thân nhân cật ruột bằng hữu gì trong đoàn tản-cư. Nhiều người thấy tình-thế như vậy tính rằng món kỷ-niệm cuối cùng để tặng ông bốn Tản chắc hẳn là thuộc về phần bác tôi, và khuyên bác nên mua gấp một chiếc quan-tài.

Thế mà rồi ông bốn Tản không chết. Nửa tháng sau ông bốn Tản đã có thể đi ra đi vào. Một tháng nữa, ông bình-phục. Về những chuyện đã xảy ra, ông phát biểu cảm-tưởng rằng :

— Mắn rãng mà chết được ? Sự sống chết là do ông Trời định, có phải mình muốn mà được mô ? Nhưng phải chịu ông giáo Hà ni là người thiệt quý. Người như rứa ông trời mô lại phụ.

Ông giáo Hà đó chính là bác tôi. Bác tôi nghe nói thế, nghiêm thêm nét mặt, không tỏ bày ý-kiến gì. Nhưng chúng tôi xét ý, được biết rằng theo chỗ nhận định của bác tôi thì ông bốn Tản cũng « là người thiệt quý », Bác tôi muốn có ông bốn Tản ở bên cạnh mãi mãi. Và ông bốn Tản đã ở như thế suốt sáu năm trong gia-đình.

Trong cuộc sống chung lâu dài, những đức tốt và những nét xấu của ông bốn Tản lần lần xuất lộ ra đầy đủ ; được chúng tôi nhận xét và bàn tán kỹ-càng. Nói cho đúng việc nuôi ông Bốn Tản từ khi ông ta bình phục về sau không còn phải là một việc nghĩa nữa : ông Bốn thành một nhân-công khá đặc-lực. Ông ta khỏe lạ lùng. Ở một ông cụ già vào khoảng trên dưới tám mươi tuổi người ta không ngờ còn có một sức lực như thế : ông ta cày bừa, gánh vác, làm gần hết công việc của một người trai, tuy là có chậm chạp.

Song bác gái tôi lại cũng có một lý-do nhỏ để phàn nàn về chính chỗ sức khỏe đó : ông bốn Tản ăn khỏe quá, Ông ta thích thịt heo và thịt cày, nhất ghét những loại thịt chim thịt gà. Thịt heo quay mỗi lần ông có thể ăn một tô lớn, chấm với mắm ruốc. Mỗi bữa ông bốn Tản ăn non hai chén gạo, nghĩa là gần nửa ký gạo. Ông không thích ngồi chung mâm với gia-đình. Bao giờ cũng chờ mọi người ăn xong, ông dọn xuống bếp, mình ông chậm rãi ngồi ăn. Ông ta không dùng chén, ông gọt ba cái gáo dừa lớn, mài nhẵn bóng để đựng cơm và đồ ăn. Nhiều lần nhìn ông bốn Tản ngồi ăn trước những vật dụng như thế tôi cũng phát sinh ra dăm ba ý-nghĩ vẩn-vơ về cái dĩ-vãng của ông ta, vì rằng người ta chắc phải từng sống trong những hoàn-cảnh nào kỳ đặc lắm mới có thể có kinh-nghiệm về việc dùng những thứ chén đĩa như thế chứ.

Ông bốn Tản tự biết mình ăn mạnh quá mức thường, nên không muốn ai bắt gặp mình trong bữa ăn. Cũng có vì đó mà vấn-đề tuổi tác của ông bốn Tản có chỗ mờ-ám. Khi gặp ông bốn Tản đang bở củi, hay gánh nước nặng nề, hỏi tuổi, ông bốn Tản đáp là tám mươi sáu tuổi. Khi gặp bữa ăn, có người hỏi tuổi, ông bốn đáp vẫn tắc là bảy mươi chín. Nhưng khi khác, hoặc ông Bốn có tám mươi ba, hoặc tám mươi tư, hoặc tám mươi lăm, không chừng.

Có lẽ nhờ có con tì khỏe nên ông bốn Tản đã thoát chết, mau lại sức. Nhưng cũng chính do cái con tì đó mà ông Bốn đã đào lỗ chôn lông chó, rồi đã định tự tử trong lúc vừa đau vừa đói khát. Đồng-bào ở trại tản-cư nói đúng : ý-dịnh tự-tử của ông bốn Tản không dính líu gì đến ai

trong trại, nó phát-sinh tự ở nơi con tì ông Bốn mà ra.

Thực quả ngoài những trường-hợp liên-quan đến một lý-do thuộc về vấn-đề âm-thực thì ông Bốn không hay tỏ bày thiện-cảm với Tử-thần. Trái lại. Ông bốn Tàn hết sức sợ Tây. Mỗi lần Tây đồ bộ càn quét, ông Bốn không ngần ngại bỏ gia-đình bác tôi mà chạy trốn rất tài, không sao tìm ra được. Nhưng ông Bốn chỉ khùng-khiếp khi ý-định giết chóc bày lộ ra minh-bạch rõ ràng. Còn khi có thể chờ đợi một sự may rủi thì ông lại mạnh tin rằng phần may thuộc về mình nên không hề sợ hãi : vì vậy ông Bốn ít khi chịu trốn máy bay oanh tạc thước khi có bom nổ. Mỗi lần nghe tiếng phi-cơ mọi người lo sợ ông Bốn không trốn hăm lữ địch trông thấy bắn lay đến người khác nên kêu gọi ông ta rồi rít. Nhưng ông Bốn cứ tìm cách nấn ná ở lại trên đất để nhìn máy bay. Và sau mỗi trận oanh tạc ông Bốn thoát được liền li khoe thái-độ can đảm của mình. Có lần ông Bốn tuyên-bố trông thấy ba thằng Tây ngồi trong máy bay. Người ta hỏi vặn, ông Bốn quả quyết rằng ông thấy rõ hai tên đang hút thuốc lá. Người ta lại vặn nữa, ông Bốn lấy làm tức giận quyết rằng hai tên đó cũng có nhìn xuống trông thấy ông ta, như thể có chứng-nhân rõ ràng. Anh Lân, con bác tôi, năm đó được mười bốn tuổi, đuổi theo ông bốn cười chế nhạo. Thực tình ông Bốn Tàn không có lợi gì trong những câu chuyện nói khoác ấy, nhưng bởi vì trí tưởng-tượng của ông Bốn cũng còn trẻ măng như con tì của ông ta cho nên ông cứ bị giễu cợt mãi. Rốt cuộc giữa anh Lân, chị Lê, hai người con nhỏ của bác tôi, với ông bốn Tàn luôn luôn có những cảnh xung-đột tức cười.

Nội trong các người con của bác giáo tôi ông Bốn có cảm-tình với người con lớn là anh Hà. Anh Hà chưa có vợ con, đi làm xa ít khi về. Mỗi lần về nhà anh cho ông Bốn một trăm đồng bạc để đi uống trộm một ly rượu nhỏ. Anh Hà nhả-nhận và đứng đắn, ông Bốn vừa mến, vừa nể sợ. Trưa trưa, vắng bóng anh, ông bốn Tàn rón - rén đi vào các phòng, đến bên cạnh từng cái giường mùng, vạch hé lá mùng tìm xem anh ngủ ở đâu. Trông thấy anh Hà ngủ, ông Bốn yên tâm rón-rén đi xuống bếp.

Một hôm về thăm nhà, anh Hà có cái sáng-kiến hỏi thăm ông Bốn Tàn về gia-đình ông ta. Ông kể rằng ông có ba người vợ. Người thứ nhất tính hay ăn hàng nên bị ông Bốn bỏ. Người thứ nhì đẹp nhưng chết sớm. Người thứ ba ăn ở chẳng ra gì... Và ông Bốn kể luôn rằng ông có mười đứa con.

Lần khác, đáp lại câu hỏi của bác gái tôi, ông bốn Tàn bảo rằng ông có bốn đời vợ ở bốn tỉnh khác nhau, trong số đó có một người vợ xầm ở miền Nam, là vì hồi con trai trổng ông đi phiêu-bạt làm ăn xa lắm.

Nhưng một lần khác nữa, nhân ngồi dưới một bóng cây mát bên bờ ao giữa đồng, vừa quán một điếu thuốc, ông Bốn vừa trò chuyện với bác trai tôi :

— Như ri thì rồi tôi ở với ông giáo cho tới chết, chứ còn đi mô nữa ? Tôi có vợ con chỉ mô ! Thú thực với ông, hồi nhỏ tôi cũng hoang-đàng quá đáng, vui bạn vui bè, nay tỉnh này mai tỉnh khác, lưu-linh lưu-địa, không nghĩ chi đến chuyện lập gia-đình. Hồi trai trẻ mình quá ham tự-do, và đã trả bằng một

giá đắt : khi tôi trở về làng thì cha mẹ chú bác cô dì kẻ đã qua đời, kẻ thì thất lạc ly-tán hết cả. Mà tôi cũng không có một đứa con trai con gái nào nối dõi. Muộn quá rồi.

« Như ông giáo rứa là có phước. Ông giáo không biết chớ cái cảnh về già không con cháu nó quạnh hiu, nó thảm lắm. Không phải nó quạnh hiu cho phần mình mà thôi mô : mình nghĩ tới cha, ông, tới tổ tiên (cái đó hồi nhỏ mình không chịu nghĩ tới), rồi mình thấy đời sống rặng mà nó điêu-tàn, không nghĩa-lý chi mô cả ».

Cũng có dịp cho bác trai, bác gái tôi và anh Hà đối-chiếu các mẫu chuyện về lý-lịch của ông bốn Tản. Nhưng khi đối chiếu với nhau thì chuyện này phủ-nhận chuyện kia, và rốt cuộc ông bốn Tản thành ra không có được một dĩ vãng, mặc dù ông đã trên dưới tám mươi tuổi.

Cho tới hai năm sau khi ông bốn Tản đến ở với chúng tôi mới có một chút ánh sáng lóe vào quá khứ của ông ta. Hôm đó có một người bán quế dạo, vừa bước vào đến đầu sân bác tôi là đã chăm chú nhìn ông bốn Tản với một cái nhìn khác thường. Đến khi vào nhà ngồi trò chuyện với bác tôi, thỉnh thoảng người bán quế vẫn muốn quay lại ngó ông



Bốn ra về ngò vục điều gì. Rồi bỗng người ấy la lên :

— Ủa ! có phải ông hai Tô đây không ? Ông không nhận ra tôi à, tẹ rứa thì thôi ! Ở Hội-an đây mà.

Ông bốn Tản ngược mắt lên, nhận ra người bán quế ở Hội-an, đồng thời cũng mặc-nhận mình là ông hai Tô trước sự ngỡ ngàng của chúng tôi. Bác tôi nói :

— Ở đây chúng tôi quen xưng là ông bốn Tản.

Người bán quế cười vui vẻ, ồ ào :

— Rặng lại kêu là bốn Tản ? Chính là ông hai Tô đây rồi mà, tôi có quên được mô. Hồi ở Hội-an, ông ni ở sát bên nhà tôi. Ờ, mà bà hai mô, hờ ông hai ? Không à ? Không gặp lại ông nữa à ? Chà, cái bà hai nó thực là đặc biệt, cả xóm không bao giờ quên được.

Người bán quế lại cười ồ ào sỗ sàng. Một lát sau, ông bốn Tản lặng lẽ lên tránh xuống nhà bếp. Bác gái tôi đề ý đến thái độ ấy, và tự nhiên tò mò muốn biết bà hai Tô là người thế nào. Người bán quế kể rằng :

— Mụ ta bán hàng xén. Cứ ba bốn ngày mụ say mềm một lần. Say rồi xệnh xạng lặn về tới bên hè nhà tôi nằm quay ra ngủ. Vườn tôi dất cát, có nhiều cây to, mụ nằm dưới bóng cây mát đánh một giấc

từ trưa cho tới bốn giờ chiều. Trẻ lỏi xóm gặp lúc thông thả kéo tới vẽ cho mẹ một cái râu quanh mép, hoặc đeo cho năm ba cái kiềng bằng lá dừa, và ít đôi xuyên bằng lá dứa. Khi mẹ hai Tô thức giấc thì bốn phía rào đã có lũ trẻ nấp sẵn nổi dậy la ó rầm lên như ba quân reo hò om sòm trời đất. Mẹ kiểm điểm sơ lược : có khi mất gói bạc, có khi mất đi cái quần dài, chỉ còn lại chiếc quần cụt ướt đầm vì mẹ tiểu tiện ngay trong khi nằm say. Khi nó mẹ ta nổi giận chửi lung tung. Trẻ nhỏ bao quanh la hoan nghinh. Cái vườn nhà tôi như một cái sân khấu, ồn ào không mần rảnh chịu được. Tôi phải sai con ở gái ra giúp mẹ ta búi tóc lại, rồi đỡ mẹ về nhà. Nhưng thường khi mẹ ta còn kéo nài ở lại, múa mấy ngọn võ rồi mới chịu đi.

— Lúc đó ông Bốn ở đâu, không lo đưa vợ về ?

— Ông hai Tổ hả ? Ông ta cũng lo đi suốt ngày, có mô ở nhà. Mà khi có mặt, ông ta cũng bỏ vất, không thèm rước vợ về mô. Rước về mần chi ? Để mẹ ta đi xe đạp cho coi à ?

— Đi xe đạp ?

— Chớ rảnh ! Múa võ xong thì đi xe đạp. Nghĩa là mẹ ta dang hai chân ra, nhún người xuống, khuỳnh hai tay ra, làm điệu bộ như người đi xe đạp, miệng thì nhại tiếng chuông « kinh-keng kinh-keng », đầu lắc la lắc lư. Thỉnh thoảng mẹ ta dừng lại chửi thằng cha tư Quì « A, cái thằng dóc tồ. Nó tưởng nó có xe đạp là bánh rồi da. Nó chê tao không có xe đạp, tao đi cho bay coi. Chổng mắt lên mà coi, bay ời là bay ời ».

— Sao lại chửi tư Quì xe đạp ?

— Bởi vì mẹ ta mê tư Quì. Tư Quì là một tên Chêch lai, làm nghề mài dao thuê. Hắn đi xe đạp, vừa đi vừa rung một xâu thiếc vụn reng reng đề rao. Mẹ hai mê hắn, nhưng hắn còn trẻ hơn mẹ, nên xảy ra nhiều chuyện rắc rối. Không ai biết múi mớ ra rãng. Cứ mỗi lần mẹ say mẹ lại kêu tên hắn mà chửi. Ông hai Tô tha hồ ghen. Về sau rắc rối quá, tư Quì hắn bỏ Hội-an mà đi, mẹ ta cũng đi theo.

Như vậy thì câu chuyện của người bán quế cũng không làm cho vấn-đề gia-cảnh ông bốn Tân minh-bạch thêm một chút nào : vẫn chưa có thể kết-luận ông Bốn có vợ hay không có vợ. Đem đối chiếu với những câu chuyện do ông bốn kể trước kết-quả chỉ thêm rối beng. Tìm về di-tích vợ con ông Bốn Tân thực mười phần khó khăn hơn là tìm về quê vợ Tư - Thức. Không phải rằng hai bác tôi thiếu cái lòng tò-mò say mê sưu-tầm những sử-liệu quý giá. Trái lại, bác gái tôi từ đó đã đòi ba phen dò hỏi, nhưng ông Bốn Tân có một phản-ứng hết sức đột-ngột và dữ-dội. Sau sự tiết lộ vừa rồi, ông Bốn công nhiên cho rằng những người bán quế thuộc cái hạng đáng khinh-bi nhất đời. Ông Bốn cứ lảng tránh dưới bếp, không chịu gặp mặt người bán quế, nhưng nghe ai nhắc đến tên y lập tức ông Bốn cau-nhàu văng tục.

Duy có một điều chúng tôi được biết chắc-chắn và xác-thực : đó là một chi-tiết thuộc về thân sinh ông Bốn. Mỗi năm cứ đến ngày mồng bảy tháng tư âm-lịch, bác tôi mua thịt và cá, ông Bốn xuất tiền tư mua thêm mắm ruốc, rồi tự tay ông nấu nướng các món ăn, bày dọn trên một chiếc bàn đặt ở góc bếp. Bác tôi ép ông Bốn cứ đưa bàn thờ lên nhà trên đề cúng ông

thân quá-cổ cho tử-tế, nhưng ông Bốn Tản nhất định không chịu. Ông Bốn lăm răm khăn vái, rồi ông bật ra khóc. Ông khóc « hức hức », khuôn mặt to lớn méo tóp lại, những cục u bên mép tai rung rung lên kịch liệt, mà không hề có một giọt nước mắt nào chảy ra.

Anh Lân và chị Lê tôi núp trong kết cửa theo dõi cái cảnh đó đề rồi sau hoa tay hoa chân thuật lại cho bác gái tôi nghe. Nhưng cảnh cúng giỗ kéo dài ra lâu quá, chị Lê đứng mỏi chân, se se cửa mình lách ra. Ông Bốn Tản khăn vái xong, ngẩng lên trông thấy, túm tay chị kéo lại và vừa khóc vừa kể rằng ông buồn vì dòng dõi không còn ai, ông lại làm ăn nghèo cực, tám mươi tuổi đầu không cất nổi túp lều, không dựng nổi bàn thờ cha mẹ, thậm chí giỗ cha phải giỗ ở xó bếp của người, nghĩ mà tủi thân. Chị Lê có thể được ông Bốn giữ lại kể đi kể lại rất lâu về chuyện đó nếu chị chịu đứng yên lặng. Nhưng khi chị tò mò hỏi tại sao cúng cha nhất định phải có món mẳm ruốc chẳng hạn tức thì ông Bốn Tản nhìn xuống mặt chị bằng một cái nhìn đầy ngờ vực, ông sức nhớ lại những câu chế giễu láo xược đáng ghét của chị thường ngày, và ông xô chị ra, quát đuổi đi ngay.

Hai ba ngày sau, anh Lân tôi nhắc lại chuyện ông bốn khóc « hức hức ». Ông liền lấy làm giận dữ, trợn mắt hỏi : « Lão, khóc hồi mô ? Có khóc mô ? », và sẵn sàng tát anh Lân nếu anh ta nhất định chứng minh tôi cùng. Có lẽ hồi xưa đức Không-Tử hỏi lại người hầu : « Hữu đồng hồ ? » tức là ngài cũng quên cái lúc khóc « hức hức » đi như thế. Cho nên thái độ hiền triết của ông Bốn cũng không trái với đạo lý.

Những điều ông Bốn vừa khóc vừa kể đó liệu có giá trị hơn những điều ông đã kể mà không khóc chẳng ? Chưa chắc.

Tóm lại về tất cả những gì liên quan đến gia-đình ông Bốn Tản, sau nhiều năm sống gần nhau, chúng tôi chỉ kể là được xác nhận một cách đúng đắn về chỗ cụ thân sinh ra ông Bốn đã qua đời vào ngày mồng bảy tháng tư một năm nào đó. Thực là một chi tiết vô vị. Còn những chi tiết thú vị khác thì lại làm cho chúng tôi hết sức bức mình. Chẳng hạn như những chuyện thuộc về lũ cháu ông Bốn.

Những khi hai bác tôi vắng nhà, thỉnh-thoảng có một đôi anh lính hoặc anh cán-bộ nhân đi ngang qua nhà ghé tạt vào nghỉ chân, và lân la trò chuyện, xưng hô bác bác cháu cháu với ông Bốn. Cứ miễn là người thanh-niên đó có thể gọi đúng một tên thôn-xã ở Quảng-nam hay nhắc đúng một tên người quen biết là trong phút chốc hai bên chủ khách có thể đột-ngột vụt trở thành thân-quyến. Người thanh-niên nào trong trường-hợp đó cũng nhanh trí, có thừa trí tương-tượng và óc khôi-hài để chộp vai ông Bốn kêu lên :

— Ô ! Rứa thì trong họ với nhau cả.

Ông bốn sốt-sắng cuống quýt :

— Chớ rãng, chớ rãng ? Rứa mà lâu ngày phiêu-bạt không biết nhau. Trời ơi, khổ chưa ? Tội-nghiệp chưa ?

Ông Bốn Tản lấy làm tội-nghiệp lũ cháu phiêu-bạt bị bắt gặp một cách bất ngờ như thế lắm, cho nên lần nào ông ta cũng vội vã đi hái dừa của bác tôi bỏ ra để cho cháu uống nước, đi bẻ bắp

và đào khoai của bác tôi để luộc cho dứa cháu và bạn bè của nó ăn. Có khi ông còn tặng một ít quà.

Và khi bác tôi vừa bước vào khố công thì ông Bốn đã hành-diện giới-thiệu :

— Ông Giáo ! Ông ngộ cái thằng hai, hoặc thằng năm, hoặc thằng bảy ni giùm tôi chút, coi bộ nó khá quá đi chớ, phải không ông giáo ? Cháu tôi đó. Nó làm cán-bộ liên-khu rồi mà.

Anh cán-bộ đi rồi, bác gái tôi tò mò vặn hỏi ông Bốn cho tới khi ông lúng-túng, rồi bác tôi vừa giải-thích về ý-nghĩa sự lừa-bịp vừa luận về giá-trị những quả dứa trái bắp bị mất oan.

Ông Bốn Tản ngắm-ngẫm, xem chừng dần-dà cũng hiểu thấu những điều đó.

Tuy vậy, lần sau, bất cứ người cán-bộ nào khác vào nhà trong lúc vắng hai bác tôi thì người đó vẫn cứ có thể hóa thành cháu ông Bốn Tản. Mỗi lần nghe một người nói giọng Quảng, nghe nói đến chỗ quê-hương, dòng họ, tự-nhiên trong ông Bốn thức dậy một cái gì làm cho tia mắt của ông, điệu-bộ của ông trở nên khác thường, người đối-thoại rất dễ nhận thấy. Không phải những người thanh-niên cán-bộ kia có hẹn nhau định tìm tới nhìn bà con với ông bốn, nhưng lúc đó tự-nhiên ông Bốn cứ chới với chồm tới họ, sẵn sàng chịu họ lừa gạt. Ông Bốn toàn gặp những người lanh ý : rất ít khi họ bỏ lỡ cơ-hội.

Già sử ông Bốn Tản là người gian xảo, hoặc ham mê cờ bạc rượu chè thì hai bác tôi đã có thể đuổi ông ta đi. Đằng này ông Bốn không gian, thích uống nhưng không nghiện rượu, không ham cờ bạc. Ông Bốn chỉ ham cháu. Người ta có thể đuổi ông

Bốn đi vì ông ta ham cháu sao ? Tuy rằng thứ ham mê đó vị tất đã ít tai hại cho hai bác tôi bằng ông ta nghiện rượu, hay gian vật.

Câu chuyện cháu ông Bốn ban đầu chỉ là chuyện trong gia-dình hai bác tôi. Đối với anh Lân chị Lê thì cháu ông Bốn hoàn toàn là một đề-tài khôi hài. Bác gái tôi cũng nhiều khi dùng giọng hài hước nhưng ngầm ý chua chát. Còn bác trai tôi thì có cơ-hội đề giảng rất nhiều bài luân-lý thực dài.

Dần dần khắp xóm làng đều biết ông Bốn Tản có cháu. Mỗi khi bị chề giễu toi bời, bị mọi người kích-bác căn vặn đến cùng về tông tích những người cháu tình cờ đó, ban đầu ông Bốn còn chống chế lấp bắp, về sau túng thế lùi dần lùi dần, cầu nhau rồi im lặng. Cuối cùng ông Bốn hẳn học giặc bọn cháu tướng có thể giết được. Đến giai-đoạn đó rồi thì ông Bốn không muốn người ta nói đến cháu nữa, cũng như ông không muốn người ta trông thấy ông ngồi ăn với những cái sọ dứa to tướng : động đến đó là ông nhột nhạt, khó chịu, như đau đớn.

Nhưng rồi khi một người cán-bộ trở lại, hỏi thăm ông Bốn qua loa vài câu, tức thì ông vùng dậy kiêu hãnh, ông Bốn chực cho mọi người đến đề ông giới-thiệu cháu, ông cải chính lời xuyên tạc, ông cảm thấy mình dựa vào một sức mạnh hùng hậu, vững chắc như núi Thái-sơn. Ông không bơ vơ trên đời này nữa. Lúc đó, trông thấy ông bốn Tản người ta thấy rõ có cháu là có một cái gì ghê gớm, là có tất cả ý-nghĩa của cuộc đời.

Thường nhật ông Bốn Tản lăm lì, chệch chạp, tối tăm, âm thầm, lánh người, ít

lời ít tiếng, nhưng khi có cháu thì những dấu hiệu mặc cảm đó tiêu tan hết, ông Bốn có vẻ đặc thẳng như thách thức mọi người: ông nói năng huênh hoang, ông kể ba hoa về dĩ vãng. Thường nhật ông Bốn đến do thân trọng, một mực giữ giữ không xâm phạm đến của cải vật dụng của hai bác tôi, dù là những món nhỏ nhất. Nhưng trước mặt cháu, ông Bốn thích phô-trương một chút tự-do và muốn tỏ một thái-độ phóng khoáng, ông muốn đả đàng rộng-rãi, và cười ha hả, xìa tay ra lớn tiếng mời:

— Ua, cứ tự nhiên, mấy cháu cứ ăn uống tự-nhiên đi chứ! Dừa đó, chuối đó tề. Ở đây những thứ nở không thiếu mô.

Ngoài những cuộc tiếp rước tại nhà, thỉnh thoảng ông Bốn còn lên lúc gửi thuốc lá, thuốc chữa bệnh cho những người cháu ở xa nhân về nữa. Bác gái tôi cứ thấy dòng họ thân-thuộc của ông Bốn phát-triển rộng-rãi mà kinh-khủng. Sự sợ hãi của bác gái dần-dà ảnh-hưởng đến bác trai tôi, và chẳng bao lâu ông Bốn Tàn cũng cảm thấy rằng mình cần phải chọn lựa: hoặc đi theo lũ cháu hoặc ở với ông giáo Hà, vì hai đảng không thể thỏa hiệp được nữa.

Đi theo lũ cháu? Chuyện đó thoát tiên người ta không tưởng-tượng được. Ông Bốn Tàn có gọi đến ý-kiến đó thì người ta đồ tội cho cái óc tưởng-tượng trẻ măng của ông ta và cho rằng chuyện đó cũng ngộ-nghĩnh như chuyện trông thấy Tây hút thuốc trên oanh-tạc-cơ.

Nhưng mà một hôm ông Bốn đem câu chuyện đó nói với một anh cháu cán-bộ đã nhận quà của ông ta vài lượt. Anh ta nghe qua, một lát rồi vùng hỏi lại:

— Hay là cháu rước bác về ở với cháu. Có được không?

BỜ CỎ

*Nắng vùn về sương vờ
Nuôi bờ cỏ mùa đông
Người qua rồi chợt thấy
Cỏ úa đầy linh-hồn*

*Địa cầu vừa mới lớn
Cỏ non dậy xuân thì
Với tình yêu thần thánh
Còn hẳn dấu chân đi.*

*Hừng đông mới ửng gió
Lúa cỏ nhớ tiền thân
Nhỏ đầu chào ánh sáng
Thế kỷ mới mọc mầm.*

THUY-SÔNG-THANH

Đầu tiên, ông bốn Tàn giặt mình, băng-khuàng. Nhưng người bán-bộ từ khi nảy ra cái ý đó thì lại gấp thực-hiện cho được, nên nài-nỉ khăn-khoản. Anh ta hẹn đi công-tác nửa tháng, lượt về ghé lại rước ông bác.

Lời thỉnh cầu của người cháu tức khắc được ông bốn Tàn loan truyền ra khắp làng. Hoặc ông Bốn giả-vờ hỏi ý-kiến:

— Bà con nghĩ sao? Tôi tính ở luôn với ông giáo Hà mà cái thằng nó cứ năn-nỉ đòi nhất định phải về cho nó nuôi. Mình già rồi, ở mô quen đó, tôi có muốn bỏ làng nì mà đi mô!

Hoặc ông Bốn vui vẻ lớn tiếng gửi sớm một lời từ biệt :

— A, a ! Anh chị Hương đó tề, cho tôi gửi lời chào ông cụ bà cụ nghe. Nửa rồi sợ nó về nó đón đi vội vã, không kịp thăm khắp bà con.

Hoặc ông Bốn lấy một vẻ rầu rĩ phân trần :

— Tôi biết ra đi như ri là không phải với vợ chồng ông giáo Hà. Nhưng lòng con cháu nó muốn, mình không nỡ...

Trước khi có người cán-bộ định rước ông Bốn đi, trong thâm tâm bác gái tôi không mong gì hơn là được trút cái gánh nặng đó ra khỏi gia-dình. Nhưng mà từ hôm ông Bốn rêu rao khắp làng là mình sắp được rước : đi thì bác gái tôi lại tự nhiên cho rằng việc ấy nhằm vào lòng tự ái của mình. « Người như ông bốn Tàn thì ngoài ông giáo Hà muốn làm phúc làm đức, còn ai nuôi làm gì nữa ? Ông ta tưởng còn có người quý ông ta lắm đó ! Con với cháu gì thứ ấy ? Đề rồi coi hán định đưa ông già đi làm cái gì. Tôi dám chắc với bà con là một thủ đoạn gì đây ».

Mỗi bên hăng hái đi giới thiệu rộng rãi quan điểm của mình. Càng nói mãi về lòng hiếu thảo của người cháu, ông Bốn càng thấy trưng bưng, hân hoan, nóng nảy. Bây giờ thì không phải là người cháu nài

nỉ chờ ông đi nữa, mà chính là ông sốt ruột chờ gặp người cháu nôn nao như sắp sửa xô cánh cửa bước vào Thiên-đường.

Rồi ông Bốn Tàn đi thật, đi với cháu. Ông cắp vào nách một bao vải đựng bộ quần áo cũ với một ít thuốc lá do bác tôi biếu, bước đi bên cạnh người cháu như viên tướng vừa dẹp xong trận Hồ sung-sướng trở về trào.

Sau khi ông Bốn tìm được hạnh-phúc rồi, bác gái tôi còn phải tiếp-tục điều-tra nhiều ngày nữa mới tung lên được cái tin động trời này : « Tôi nói có sai đâu, có sai một chút nào đâu. Tôi đã biết cái thằng đó mà, bác với cháu gì ? Hán mới cưới con vợ thiệt xinh, bán quán trên đường 19 ; quăng phía trên Phú-phong đó mà. Hán đi làm cán-bộ, sợ con vợ ở nhà lẳng-lơ, nên rước ông già này về xưng bác bác cháu cháu để sai ông già làm việc vặt vãnh, nhân tiện giữ vợ cho hán luôn mà. »

Nhiều thiếu-phụ trẻ nghe câu đó thì mỉm cười rất có duyên.

Những người khác cười lớn, có vẻ tin. Không ai biết trong cái tin tức đó có mấy phần sự thật, nhưng bác gái tôi yên trí là nó đã rửa hờn được cho mình.

(còn tiếp)

VÕ-PHIẾN

★ Đối với bất luận đoàn thể nào, sự cố kết chỉ chặt chẽ khi các người trong đoàn thể không những hiểu biết lẫn nhau mà còn hiểu biết người lãnh đạo và có cảm giác được người lãnh đạo hiểu biết mình ; người ta ai cũng cần cảm thấy được hiểu biết, được tôn trọng và được đánh giá đúng mức để hiến mình vào công việc, mà không tiếc sức, tiếc thân.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

CÓ BÁN KHẮP NƠI

Nhà văn quá cố PHONG-NGẠN
TRƯỚC KHI THÀNH MA ĐÃ VIẾT XONG
TẬP TRUYỆN MA BẤT HỦ

TÂN LIÊU-TRAI

40 truyện ma, rùng rợn như HOFFMANN, nên thơ như
BỒ-TÙNG-LINH và khoa-học như E. POE

Nhà BẾN-NGHÉ đã giữ lời hứa lành mạnh, xây dựng của ĐỒ DỌC, một
quyển tiểu-thuyết của BÌNH-NGUYỄN LỘC, đã bán đến nghìn thứ 2
sau 1 tháng phát hành

Mọi sự giao dịch, xin do nơi : **Cô PHẠM-THỊ-PHƯỚC**
53/14, Nguyễn-khắc-Nhu—Saigon

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- ★ Đường miếng lọc
- ★ Đường cát trắng tinh
- ★ Đường cát trắng ngà
- ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

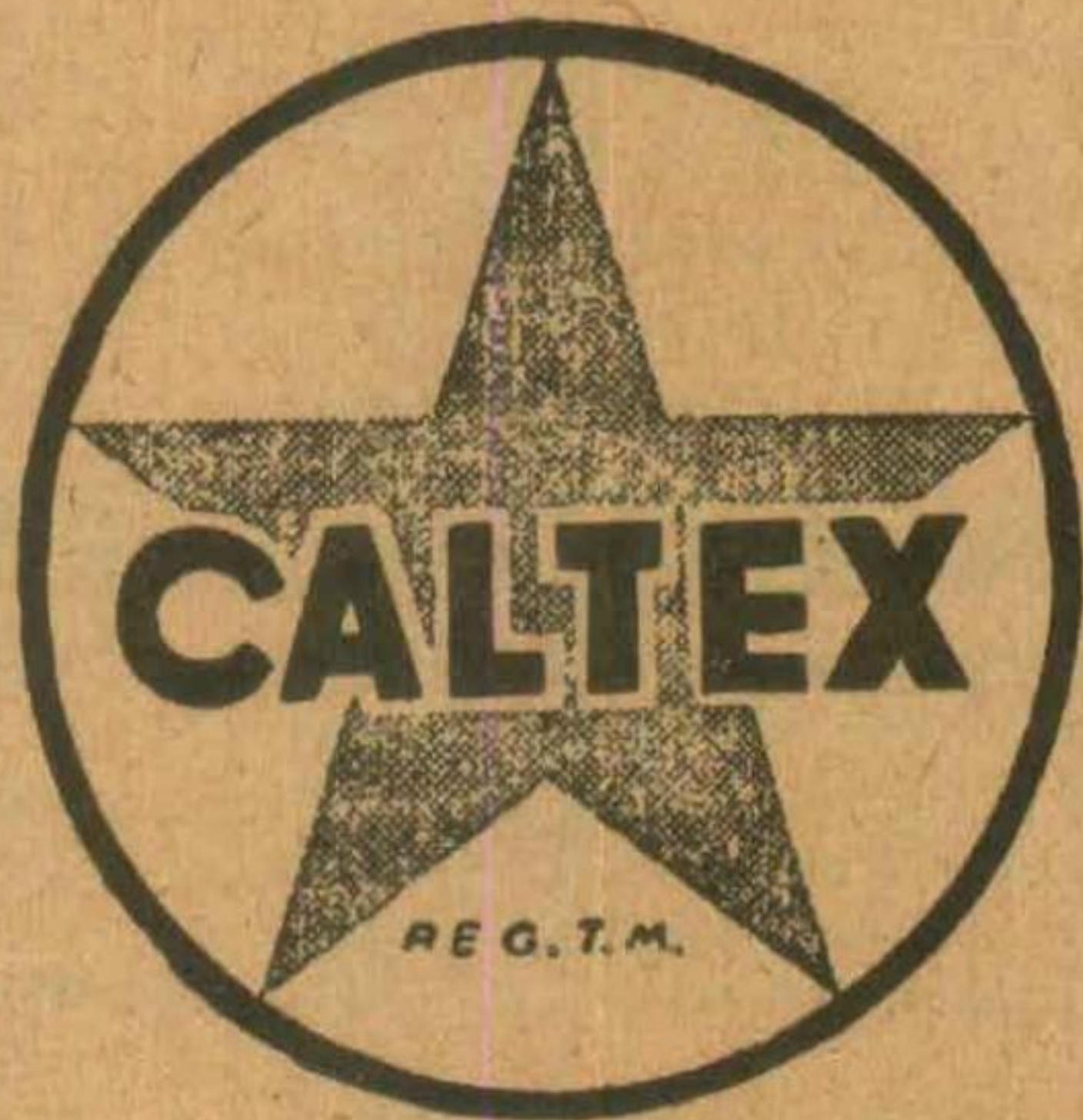
TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XVII

Tối hôm đó, Mộc-Lan đã uống rượu gần tới cái độ say túy-lúy và đã đôi phần quên cả hình-hai. Cô lại có một cảm-giác mới, lạ, là tối đó, cô đã nhận-chân thấy cái cá-tính của mình, cái cá tính mà trước đây, cô không hề nghĩ đến. Bữa đó, cô đã nói rất nhiều và có nhiều lúc, cô đã tỏ ra rất thông-minh, cô đã vui-vẻ đến cực-độ.

Khi cô về giường nằm, có thấy như cô đã được giải-phóng, mà sự giải-phóng đó, đã do mấy bôi rượu tạo-thành. Trong cái lĩnh-vực tình-cảm, cô thấy, cô đơn-độc ; nhưng, trong vũ trụ bao-la, cô cũng xác-nhận, cô sống ở trong một thế-giới riêng biệt của cô. Tuy vậy, cô vẫn mơ-mơ, hồ-hồ, đối với cái thế-giới tân-kỳ này, và ở mặt trái của nó, hoặc ở trong nó, có Lập-Phu vậy.

Sau khi ba mẹ con Không-thái-thái đã trở về nhà cũ ở hội-quán Tứ-Xuyên, thì, một buổi sáng nọ, Tăng-phu-nhân cùng đi với Man-Ni sang chơi bên Diêu-gia.

Mạc-Sầu đương bày hoa tươi ở phòng-khách, thấy khách đến thì niềm-nở chào, đón, và mời ngồi. Tiểu-Lạc cũng đi theo hầu, Mạc-Sầu trông thấy chị a-hoàn này, thì kêu lên : « Chà ! chị a-hoàn của Man-Ni đã thay đổi hẳn đi, khác hẳn khi mới tới Kinh ; bây giờ trông chị có vẻ nhã-nhận, diêm-dúa hơn nhiều ; thiệt, không ai còn có thể nhận ra cái cô gái quê, hồi trước nữa ! »

Mộc-Lan, tay ôm một bó hoa, ở ngoài vườn về. Cô bước vào khách-sảnh, vội kêu lên : « Trận gió may mắn nào đã đưa ký-mẫu và đại-tỷ lại đây thế ạ ? »

Nhũ-Hương ở buồng Diêu-phu-nhân ra thưa rằng : « Thưa, thái-thái con cho ra thưa, chỉ một tí nữa thái-thái con sẽ xin ra hầu... »

Man-Ni tủm-tủm cười, bảo với cô Mộc-Lan rằng : « Muội-muội ạ, muội-muội, có việc bận gì, thì cứ làm đi nhà ! Mẹ và chị, hôm nay, sang đây, để nói chuyện với lão thái-thái, kia đấy ! »

Mộc-Lan nghe Man-Ni nói, không khỏi không phân-vân, nghĩ-ngợi, thứ nhất, cô

thấy Man-Ni và Tăng-thái-thái cứ nhìn cô và tủm-tủm cười hoài.

Mộc-Lan không thể dừng, không hỏi :
« Thưa, tại sao thế ạ ? Sao lại phải trục-xuất con đi thế ạ ?... Thế còn em Mạc-Sầu, nó có được ở đây không, kia ạ ? »

« Mạc-Sầu cũng vậy, cả hai chị em, đều không được dự-thính, vì, việc không quan-hệ tới hai em... » Man-Ni đáp như vậy.

« Vâng, được, chúng con xin ra. » Thế rồi, hai chị em đều cúi chào, và giắt tay nhau, ra khỏi phòng-khách.

Trong khi đi ra ngoài, Mộc-Lan sẽ hỏi cô em : « Quái nhỉ ? Em có hiểu thế, là thế nào, không nhỉ ? »

Mạc-Sầu đáp : « Em đoán ra rồi, đánh chết, thì cũng là việc vui-mừng của chị đây... Bà mẹ chồng chị sang xin, để « xỏ mũi chị, lòi về » chứ chẳng sai ! »

Nghe thấy thế, Mộc-Lan tỏ vẻ rất vui-vẻ, nhưng, cô cũng chẳng biết nên suy-tưởng ra sao. Riêng Mạc-Sầu, Mạc-Sầu rất lấy làm hứng-phấn vì, bình-thời, ít khi cô tỏ thái-độ của cô.

« Mạc-Sầu làm cái gì mà « toe-toét » như vậy, kia ? » Mộc-Lan hỏi.

« Thế, lúc này mà chị không vui-cười, thì đợi tới lúc nào, chị mới vui-cười kia chứ ? » Mạc-Sầu đáp.

Quả thiệt-tình, Mộc-Lan rất đổi hồ-đồ, đối với việc vui-mừng của cô ; cô cho rằng, cả cái vận-mệnh của cô đã bị chi-phối và an-bại hẳn-hoại rồi ; cô lại cũng nhận thấy rõ, cô chẳng có quyền định-đoạt gì, đối với cái số-mệnh của cô cả, và cô đương bị xô đẩy tới một cái vận-số nào đó. Cô bảo em :

« Biết đâu không phải là việc vui-mừng của chính em. »

« Không, không phải em đâu, chị ạ, vả lại, việc hôn-nhân này đã được ấn-định từ lâu rồi ; có lẽ chị cũng đã mang-máng nhận ra, chứ chẳng không. Thôi, chẳng bao lâu nữa, em sẽ có một ông anh rể đức đi rồi ! » Mạc-Sầu đáp lời chị một cách vô-cùng vui-vẻ.

« Có thật như thế không ? » Mộc-Lan hỏi em. Bỗng cô dăm-dăm suy-nghĩ với một vẻ mặt nghiêm-trọng.

Mạc-Sầu vẫn vui-vẻ nói : « Thưa chị, thế, đây không phải là một phối-ngẫu rất lương-hảo, rất đương-đối hay sao ? Nhà chồng vừa là quan sang, vừa giàu-có... ấy thế mà, anh Tân-a, thì diện-mạo tuấn-mỹ, tính-tình vui-vẻ, hòa-nhã... Em thiết-tưởng chị còn đòi gì hơn nữa, kia chứ ? »

« Muội-muội, em đừng có nói như vậy... Nếu quả tình, em thấy nhà cậu ấy vừa có diện-mạo tuấn-mỹ, vừa có tính-tình vui-vẻ, hòa-nhã, thì sao, em không lấy cậu ấy đi, có được không ? » Mộc-Lan có vẻ trào-tiểu, bảo em như vậy.

Nói tới một cuộc hôn-phối lương-hảo, thì cuộc hôn-phối của Mộc-Lan thiệt là lương-hảo, nhưng, cuộc hôn-phối này đến vừa trúng vào lúc mà Mộc-Lan tự-cảm thấy mình vừa được có quyền tự-do trong phạm-vi tình-ái. Cô chỉ một mình, mình biết một mình, mình hay cái mỗi tâm-tư của cô, nó như say, như mê ; mà, lần này lại là lần đầu-tiên, cô thấy nó xâm-chiếm cả cõi lòng cô, mỗi khi cô gần Lập-Phu. Từ đầu mày, cuối mắt, từ nét-cười, giọng nói, của cậu cái gì cũng làm cho cân-não của cô rung-

động. Sau khi Lập-Phu và gia-quyển cậu đã dời khỏi nhà cô, cô vẫn y-nhiên sống ở trong cái thế-giới khoáng-lạc đó ; cái thế-giới kín-mít đó, nó đã làm cho cô quên cả việc chị Ngân-Bình cùng hôn-sự của chính cô. Cô cũng vẫn đã hay, và định-ninh rằng, các bậc trưởng-bồi của hai nhà đã ấn-định việc trăm-năm của cô với Tân-a. Tân-a quả là một giai-tế hoàn-toàn, nhưng, cô tự-thú với thâm-tâm rằng, sự hôn-nhân này, không đem lại cho cô cái nỗi vui như lòng cô mơ-ước. Bởi vậy, cô buồn-phiền, buồn-phiền mà không nói được ra với ai, để mong sự chia,sẽ, vậy.

Lần đầu, cô thấy ganh-ghét với Mạc-Sầu. Dẫu rằng cô không hề nhận thấy một khởi-diểm gì nó chứng-tỏ rằng đã có một mối quan-hệ giữa Lập-Phu và cô em của cô, nhưng, trực-giác đã báo cho cô biết, thế nào, rồi đây, Mạc-Sầu cũng sẽ lấy Lập-Phu. Giả cô có thể đổi địa-vị hiện-tại của cô cho Mạc-Sầu, thì cô vui-thích biết chừng nào ! Cô liếc mắt nhìn em, rồi nói : « Em có nhớ, thời-thường chị vẫn nói, em tốt số hơn chị nhiều không ? »

« Chị nói gì lạ thế ? Em tốt-số hơn chị, ở chỗ nào ? » Mạc-Sầu hỏi chị.

« Chẳng ở chỗ nào cả !... » Cô trả lời bâng-quơ như vậy, nhưng, Mạc-Sầu chẳng còn hiểu Mộc-Lan ra sao cả, và tại sao chị cô, bỗng lại có những ý-nghĩ kỳ-quái như thế ? Tuy vậy, Mạc-Sầu cũng không dám gan-hỏi.

Mộc-Lan tin rằng, vợ chồng là duyên-số, mà hôn-nhân do định-mệnh-chi-phối. Bởi vậy, sau khi thân-mẫu cô tiếp-kiến Tăng-phu-nhân, bà có thương-lòng

với thân-phụ cô. Một buổi tối, sau bữa cơm, hai ông bà có gọi riêng cô vào phòng, mà hỏi cô. Cô chỉ cười gượng mà không đáp. Ông bà cho là cô thẹn mà không nói, nhưng cô đã ưng-thuận rồi vậy.

Đêm hôm đó, Mộc-Lan cứ trần-trọc, không sao ngủ đi được. Cô nghĩ, một khi đã là duyên-số thì chỉ có việc mà nhận, vì số-mệnh chẳng đã an-bài rồi ư ? Cô mới ôn lại từ lúc gặp-gỡ buổi đầu ; cô còn nhớ rõ, ở trên chiếc thuyền trên vịnh-hà, lần đầu, nhìn tỏ mặt cô, trên môi Tân-a đã nở một nụ cười thắm-thiết. Đây, thế có phải số-mệnh đã giơ bàn tay thần ra, mà đưa dắt hai người lại gần nhau tại một nơi, là gì ! Một khi, đã là duyên-nợ do trời chú-định, thì cô không thể nào trốn đi đâu, cho thoát. Cô lại nhớ lại diện-mạo của Tân-a, cô nhận rằng, cậu là một người dễ-tính, sự đối-phó sẽ không khó-khăn gì, và cô không thấy e-sợ cậu một tí nào cả.

Còn thân-mẫu cậu, bà mẹ chồng tương-lai của cô, bà vẫn rất thương-yêu cô và đối với cô, bao giờ bà cũng rất dịu-ngọt. Rồi, Man-Ni, người chị dâu chồng, đối với cô, quả tình, vẫn coi cô không khác ruột-thịt, không những thế, Man-Ni lại còn là một người bạn tâm-giao nữa. Tuy thế, cô lại thấy cô oán-hận Man-Ni, vì chính Man-Ni đã can-thiệp một cách đắc-lực vào việc chung-thân đại-sự của cô. Nghĩ lan-man hết cái này, sang cái khác, hết người này, tới việc khác, cái đồng-tư-tưởng của cô, chốc-chốc lại bị lôi về Lập-Phu, với cái chí hiếu-học của cậu, với sự thích những cổ-tích của cậu. Bốn năm tới trước đây, khi hai người đã cùng nhau, cử bãi, lúc đó, lòng cô đã bị

tràn-ngập dưới sự vui thích, sung-sướng !
Nếu được tin cô sắp đính-hôn với một người khác, cậu sẽ nghĩ sao ? Nhưng, liệu cậu có hiểu rằng, cô đã mang ở trong lòng rất nhiều cảm-tình, đối với cậu, hay không ? Nghĩ tới đó, cô thấy mặt cô nóng bừng-bừng, y như khi cô đương chệnh-choáng vì hơi men nồng.

Trong khi hai chị em cô về phòng, Mạc-Sầu lại tìm lời để mừng chị ; Mộc-Lan mỉm cười, bảo em rằng :

« Nếu quả việc hôn-nhân của chị đã ấn-định thì là ấn-định, cũng không sao mà... » Mạc-Sầu hơi thấy thất-vọng, khi nghe chị nói vậy, nên cô cũng chẳng muốn nói gì thêm nữa.

Đêm đó, trong tranh sáng, tranh tối của phòng ngủ, Mộc-Lan nhìn thấy em ngủ một cách say-sưa, như-thích ; cô lại lầm-bầm, mình bảo với mình : « em mình quả là một cô-gái tốt-số ».

Mấy bữa sau, Mộc-Lan cố nén trí, không nghĩ tới Lập-Phu nữa, và hết sức chỉ để tâm vào cái việc thử-thời, ở ngay trước mắt, đối với Tăng-gia. Kề ra, ở bên Tăng-gia, trừ Tăng-lão-gia ra, cô nhận thấy, cô chẳng phải đề-phòng, e-sợ một người nào khác. Vả, cô sẽ là nàng dâu út, thì cái trách-nhiệm về việc quản-gia, sẽ không có gì là nặng-nhọc, khó-khăn. Tuy vậy, cũng còn có Tổ-Vân, người vợ chưa cưới của Khâm-a, không biết sau này, khi đã thành đôi chị em dâu, thì sự quan-hệ giữa hai người sẽ ra sao ? Cô vẫn biết, xưa nay, ở gia-đình nào cũng vậy, các chị em dâu, có mấy người ưa nhau đâu, nếu họ không thường ghét nhau một cách cay-độc, là khác.

Về việc chính-thức đính-hôn của Mộc-Lan, hai nhà đã trao « bát-tự » cho nhau ; bát-tự tức là cái « canh-thiếp », trên có ghi đủ : họ, tên, tuổi, năm, tháng, ngày, giờ sinh và quê-quán của cô dâu, cũng như của chú rể tương lai, để tiện việc « đôi » tuổi cũng là tra-cứu về dòng-dõi.

Nhân có Phó-tiên-sinh ở Thiên-Tân về, thân-mẫu Mộc-Lan mới nhờ tiên-sinh « đôi tuổi » giùm cho. Sau khi nhằm tính, Phó-tiên-sinh nói :

« Cứ theo tuổi và giờ sinh, tháng đẻ, thì Mộc-Lan « minh kim » mà Tân-a thuộc « minh thủy », như vậy, rất tốt, việc hôn-nhân sẽ vô cùng cát-lợi, vì « Kim sinh lệ-thủy », ông lại dẫn chứng bằng hhi câu thơ. Tất cả nhà đều lấy làm vui-vẻ và xúm lại chúc mừng Mộc-Lan, Mộc-Lan lại càng tin rằng số-mệnh đã an-bài, nên việc việc, đều ăn-khớp với nhau.

Theo khoa tương-số thì mỗi người sinh ra, tùy giờ, ngày, tháng, năm, mà thuộc vào một trong « ngũ-hành », ngũ-hành là : kim, mộc, thủy, hỏa, và thổ. Trong việc hôn-nhân, người ta phải lấy « hành » của hai người, con-traí, con-gái, mà « so » với nhau trước đã, vì trong ngũ-hành cái nọ, luôn-luôn đối với cái kia, có cái kỵ nhau, tức là sung-khắc, có cái đi đôi với nhau, cho nên, cần phải « đôi » tuổi, để tránh những sự chẳng lành có thể xảy ra về sau. Nếu một người con-traí thuộc « minh hỏa », chẳng hạn, mà lại lấy một người con-gái cũng « minh hỏa », thì cái đôi ấy, nhất-định tương-khắc nhau, gia-đạo sẽ, một là không thành, hai là nếu thành, thì rồi cũng tan-vỡ, chia lìa.

Vài hôm sau, Diêu-thái-thái lại hỏi Phó-tiên-sinh về Mạc-Sầu.

Phó-tiên-sinh nói : « Mạc-Sầu thuộc « minh thổ », cho nên người đậm-đạp, tính-tinh ôn-hòa ; lúc nào cô cũng ung-dung, nhân-nhã ; cô có phúc-tướng đầy, mà chồng cô, sau này, sẽ được nhờ vào phúc-khi của cô nhiều lắm. Nhưng, với cái mình « thổ » của cô, không thể đem gả cô cho Tân-a chẳng hạn, vì cậu này thuộc mình « thủy », tuy thổ và thủy đi với nhau được đấy, nhưng, đất sẽ bị hòa tan ra nước mà thành ra bùn, đó là một chất quá nhu-nhuễn, không trong-sạch, như vậy, tương-lai sẽ không có gì là đặc-sắc cả. »

Diêu-phu-nhân nói : « Ý tối, không phải thế. »

Phó-tiên-sinh hỏi : « Thế thì thái-thái muốn gì, kia a ? »

Diêu-phu-nhân mới ghé gần lại tai Phó-tiên-sinh và sẽ sẽ đáp. Tiên-sinh tỏ vẻ đắc-ý, khanh-khách cười. Diêu-phu-nhân thì ngồi đợi câu trả lời.

Ông nói : « Thế thì còn gì bằng nữa, còn gì bằng nữa ! »

Diêu-phu-nhân lại hỏi : « Đã đành là không còn gì bằng, nhưng, xin tiên-sinh đem so tuổi của họ xem sao, chứ. »

Phó-tiên-sinh nói : « Thì tôi đã bảo rằng tốt mà lại, Lập-Phu thuộc « minh mộc ». Thổ là đất, mộc là cây, đất nuôi cây, cây nhờ đất mà tốt-tươi. Nhưng, tôi xin nói trước, cái thứ cây này là thứ đàn-hương, nó cứng rắn vô-cùng, không thể bẻ gãy nổi ; cũng vì vậy, nó cần phải có chất mềm, dẻo, điều-hòa ; chứ, nếu phối-hợp nó với Mộc-Lan « minh kim », chất rắn, nó sẽ nổ tung lên. »

Mộc-Lan và Mạc-Sầu, tuyệt-nhiên không biết một tí gì, về câu chuyện trên đây. Nhưng, tối hôm ấy, Diêu-phu-nhân

có đem việc đó kể lại với ông chồng bà, ông chồng bà mới bảo :

« Tốt thì nhất định là tốt rồi, theo ý tôi, một gã Lập-Phu, đem mà so-sánh, có thể bằng ba gã Tân-a và mười gã Định-Nhân ! »

Diêu-thái-thái hỏi : « Thế, ông cho Định-Nhân nhà ta ra sao ? »

« Định-Nhân của bà ấy à ? Định-Nhân của bà, là một cái cây mà thân thì sộp-sộp, cành nhánh đã khô, héo cả, mà ruột thì đã bị sâu, mọt, đục rỗng hốc cả. Bà thử nghĩ xem, một cái cây như thế, còn dùng làm được cái trò gì ? Cứ đem làm củi, có lẽ đốt cũng sẽ chẳng cháy. »

« Tôi không tin rằng con mình lại có thể hư-hỏng đến thế... Cũng có nhiều khi nghe nó nói, nó cũng thông-minh và hoạt-bát, linh-lợi, đấy chứ. »

« Phải, phải, bà cứ thử gõ vào một cái cây gỗ rỗng ruột, mà xem, nó kêu, nó kêu lên « bùng-bục », rất to, rất lớn. »

Do sự liên-tưởng, bà nghĩ ngay ra rằng, cái cây gỗ đã khô là cậu con bà, chắc-chắn sẽ bị cái khối lửa ác-độc là Ngân-Bình thiêu-hủy ra tro mắt. Bà mới vội-vàng nói cho ông rõ, ông em bà đã viết thư cho người thím của Ngân-Bình và hứa đãi nhà thím ta năm chục bạc, nếu thím ta bằng lòng biên một lá thư lên để làm cái bằng-chứng mà Ngân-Bình đã đòi phải có. Tuy bà nói với ông là thế đấy, nhưng, kỳ-thực, bà đã bắt ông em bà, viết một lá thư giả-mạo là thư của người thím Ngân-Bình, để bà có thể cấp-tốc gả phúc Ngân-Bình đi, trước khi cậu con bà trở về, cho nó chóng việc, khỏi phải chờ, đợi, lâu-là !

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG XVII

BÁCH KHOA LX

HỘP THƯ BÁCH KHOA

- Những bài đã nhận được : Phan-huy - Chú. Tư - mã - Thiên (Viễn-Phương) Bài ca lập nước (Đỗ-Nhật-Nguyệt) Một người quen (Anh-Lân) Vịnh hoa lan (Nguyễn-Văn-Ngươn) Niềm thương chia biệt. Anh về xứ mẹ. Là... (Phan - Hiền - Đức) Nhớ một người em (Hoài - Việt) Quê hương. Lối khúc nhạc lòng (Hoài-Chi) Thơ dịch (Quản - Thành) Lối đời (Bành-Kim-Lộc).

Ô. Anh - Lân (Ba - Xuyên) : Đã nhận được thơ và sáng tác mới của ông. Đương xem. Rất cảm động về sự cố gắng của ông. Xin ông cứ gửi thêm nữa về tòa soạn.

Ô. Nguyễn - t - Thảo (Đà - Nẵng) : Đã nhận được thư ông. Trân trọng cảm ơn ông. Sẽ có thư riêng.

Ô. Thanh - Thuyền (Huế) : Đã nhận được bài của ông. Trân trọng cảm ơn ông. Chúng tôi sẽ xin trả lời sau.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

- Bách-Khoa vừa nhận được :
- « Người yêu tôi khóc » tập thơ của Thế-Viên do tác giả gửi tặng. Thi-phẩm được trình bày trang nhã, khổ gọn, gồm 30 bài thơ xuất sắc của Thế-Viên, đủ các thể. Giá bán 26\$.
 - « Hán-học phổ-thông » của giáo-sư Đinh-Đình-Hoè và do ông Nguyễn-Đăng-Thực giới thiệu. Sách do nhà xuất-bản Yên-Sơn gửi tặng. Hán-học phổ thông là một phương-pháp tự học chữ Hán rất giản-dị, thực-hành và dễ nhớ. Sách dày 64 trang, giá 30\$.
 - « Lược-sử văn-ngệ Việt-Nam » (tập phê-bình các nhà văn Hậu Chiến) của Thế-Phong, quay Ronéo dày 222 trang, do nhà Huyền-Trần xuất-bản. Một cố gắng của tác giả. Thế-Phong đã ghi tiểu-sử và phê-bình một số lớn những nhà văn hậu-chiến.

— « Nội-San của Chi-Đoàn Viện hối-doái » (trong LĐ. CCCMQG) tập 1 và 2 mỗi tập dày 30 trang, quay ronéo. Toàn tập chứng tỏ sự cố-gắng của Chi-Đoàn trong mọi phương-tiện eo hẹp.

— « Thực-trạng Việt-Nam ngày nay » — « Chính-sách Dinh - Điền » — « Cải-cách Điền-Địa » — « Nông-lín » loại sách tìm hiểu, phổ-thông do Văn-Hữu Á - châu xuất bản giá 5\$00 một tập.

— 4 tập « Lược - khảo Hiến - pháp các nước Á-Châu » (Tích-Lan, Mã-Lai, Phi-luật-tân, Đại-Hàn) loại sách nghiên-cứu. Tác-giả đã công-phu tham-khảo nhiều tài-liệu giá-trị và có ghi sau mỗi tập những tên sách, tài-liệu để độc-giả tiện tra-cứu thêm. Bách-Khoa xin trân-trọng cảm-tạ các tác-giả, nhà xuất-bản và ân-cần giới-thiệu cùng bạn đọc. B.K.

ĐÌNH CHÁNH

Bách-Khoa số 59, bài « Trả lời cuộc phỏng-vấn văn-ngệ » :

- trang 64, cột 1, dòng 31 : « Tinh còn sống mãi với thời-gian một màu mỡ », xin đọc : « Tinh màu mỡ còn sống mãi với thời-gian, một... »
- trang 68, dòng 5 : « Chiếu bóng », xin sửa lại : « Chiếu bóng ».
- trang 70, cột 1, dòng 1 : « Vinpt quatre... », xin sửa lại : « Vingt quatre... »
- cùng trang, cột 2, chú-thích 7 ; xin thêm đoạn in xiên : « Hăm bốn giờ trong đời một người bần bà » trên tuần báo Rạng-Đông ở Huế, từ số 1, ngày 16-8-1958 đến số 17, ngày 6-10-1958. Trong bản Pháp-văn của nhà Victor Attinger, Paris, 1929, in kỹ nhì (175 trang), chúng tôi lại thấy ghi dưới nhan : « roman » (tiểu thuyết).

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

SÁCH GIÁO - KHOA

Sư - Phạm Đại - Cương

Do Giáo - sư TRẦN - VĂN - QUẾ biên - soạn

Một quyển sách biên-soạn rất công-phu với tài-liệu nhiều năm kinh-nghiệm trong ngành Sư - phạm và thảo - khảo các sách giáo-khoa ÁU - MỸ hiện nay, rất cần-thiết cho giáo giới.

Sách in trên giấy trắng, khổ 1⁷ / 21,5, 230 trang Giá : 50\$

Muốn mua xin do nơi tác-giả :

Ô. TRẦN-VĂN-QUẾ

Thanh-Hương tùng thơ

132, đường Lý-Thái-Tổ — Sài Gòn

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

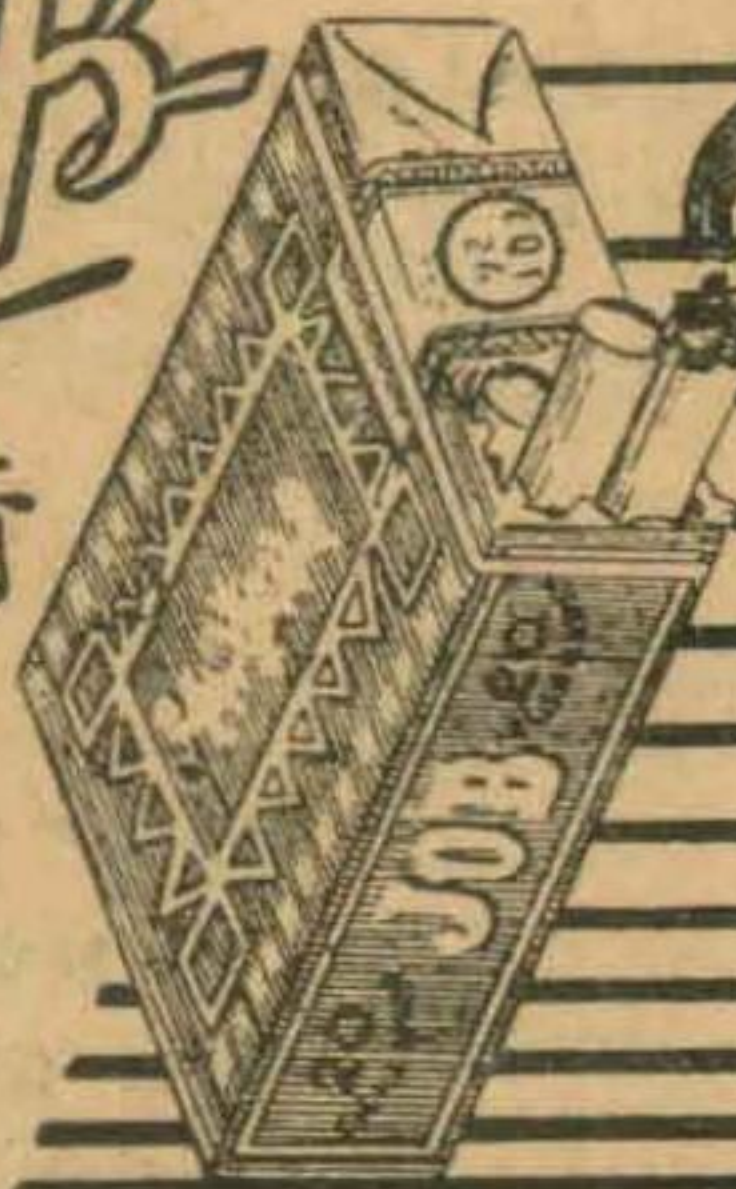
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
Mùi êm dịu
Khói thơm say
Hương - vị ngọt ngào
Khắp gần xa nức tiếng.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Job

請吸
金字烟





Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phồng định mỗi chiếc : 136.000\$.

— chạy bằng diesel, " " " " : 156.000\$.

Quý ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe này,
xin đi nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21 124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

Mùng 1 và 15 mỗi tháng Bạn tìm đọc

Giáo - Dục Phổ - Thông

- Một tập-san Văn-học có nhiều bài khảo-cứu công-phu.
- Một tập - san Văn - nghệ có nhiều sáng tác hấp dẫn và lành mạnh.

Do ông PHẠM-QUANG-LỘC chủ trương
với sự cộng tác của :

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Phan-Minh-Hồng |
| — Duy-Liên | — Thạch-Trung-Giả |
| — Đình-Giang | — Triều-Đầu |
| — Giang-Tân | — Tân-Loan-Kiều |
| — Hoài-Khanh | — Trúc-Liến |
| — Hồ-Nam | — Tường-Linh |
| — Kiêm-Đạt | — Thanh-Thương-Hoàng |
| — Khổng-Xuân-Thu | — Uyên-Thao |
| — Kim-Tuấn | — Võ-Liệu |
| — Lê-Thanh-Thái | — Võ-Phiến |
| — Lê-Thành-Nhân | — Vũ-Anh-Tuấn |
| — Nguyễn-Hiến-Lê | — Vũ-Đằng |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Yā-Học và Trinh-Nguyên. |
| — Nguyễn-Minh | |

— Giá bán mỗi số : 8 \$

— Một năm (24 số) : 180 \$

— Bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kể — Saigon

— Tiền bạc và ngân phiếu, xin đề tên : Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.
8 Ngô-Đức-Kể — Saigon.

EN JUILLET & AOUT 1959
SUR LES ECRANS SAIGONNAIS

LA TERREUR DES SANS LOI

(Masterson of Kansas)

Technicolor

Nancy Gates — James Griffith

TRAQUE PAR LA LOI

(The Law vs Billy The Kid)

Technicolor

Scott Brady — Betta ST. John

L'ILE INTERDITE

(Forbidden Island)

Technicolor

Jon Hall

LE PRETRE ET LE HORS-LA-LOI

(Parson & The Outlaw)

Technicolor

Anthony Dexter — Sonny Tuft

LES RENEGATS DE WYOMING

(Wyoming Renegades)

Technicolor

Phil Carey — Marthe Hyer

et bientôt

LE 7^e VOYAGE DE SINBAD

COLUMIBA FILMS OF VIETNAM, LTD

N^o 23, Rue GiaLong

Téléphone : 24.710

SAIGON

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt

Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm

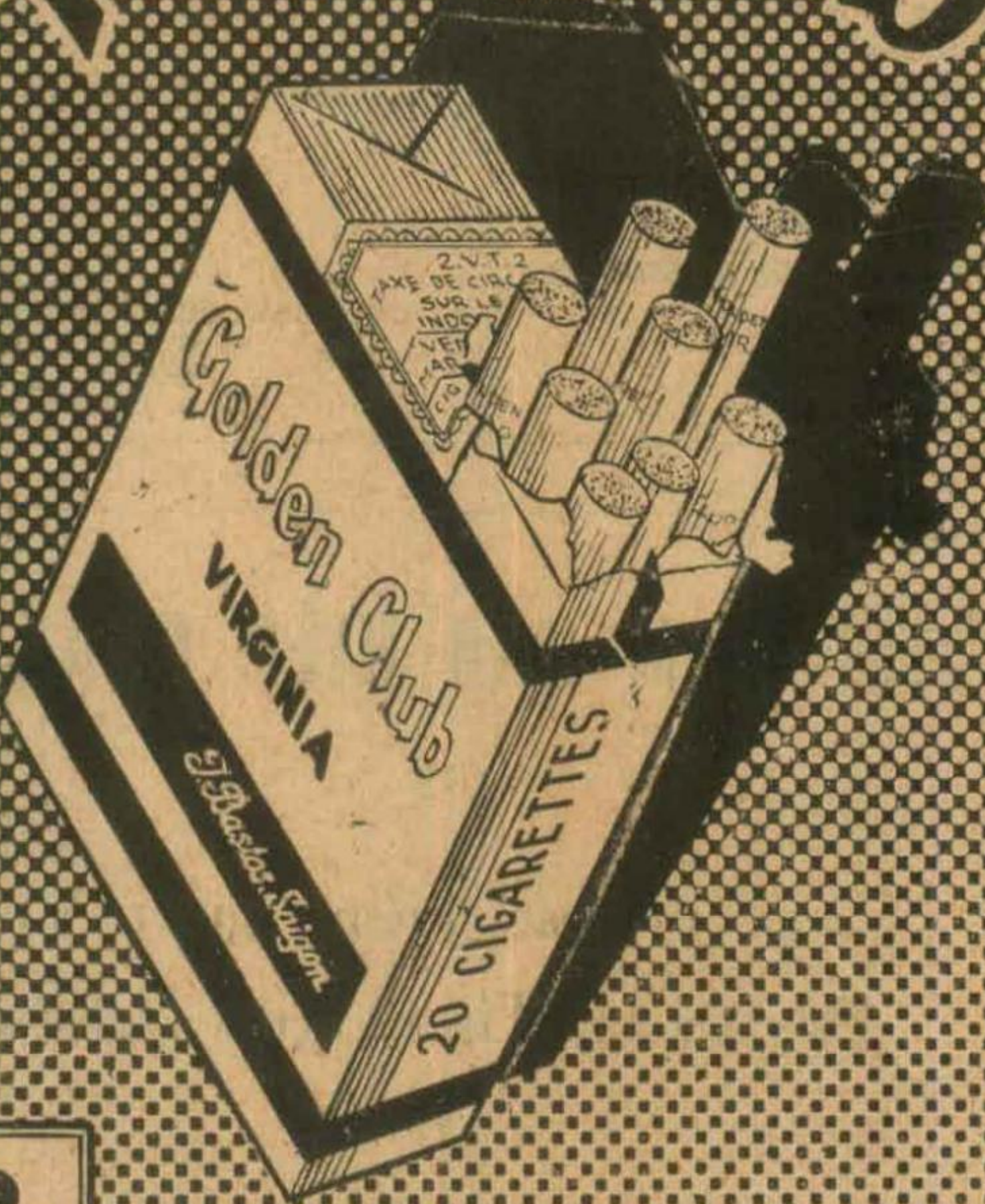


Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

Nên đọc và cò động Tạp chí :

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

*Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây*

✱ Xây dựng và phát huy một nền văn hóa có tính cách Dân tộc Nhân bản và khai phóng.

✱ Gồm nhiều bài có giá trị của các nhà văn, các học giả tên tuổi :

Ô. Ô. Bùi-quang-Tung

Bửu-Cầm

Cung-Giữ-Nguyên

Đoàn-Thêm

Hà-như-Chi

Hồng-Thiên nữ sĩ

Huỳnh-khắc-Dụng (Tuần Lý)

Lâm-tấn-Phát (Đông Hồ)

Lê-bá-Chân

Lê-văn-Lý

Lê-chí-Thiệp

Lê-ngọc-Trụ

Mai-Oanh nữ sĩ

Nghiêm-Toản

Nghiêm-Thâm

Nguyễn-đình-Hòa

Nguyễn-công-Huân

Nguyễn-văn-Kiệt

Nguyễn-khắc-Kham

Nguyễn-khắc-Ngữ (Vũ-Lang)

Nguyễn-xuân-Sơn (Đạm-Quang)

Nguyễn-thế-Tương (Nghị-Ba)

Nguyễn-đăng-Thực

Nguyễn-gia-Trụ (Đông-Xuyên)

Nguyễn-khắc-Xuyên

Phạm-văn-Điều

Phạm-xuân-Độ

Phan-Khoang

Quách-Tân

Tư-Nguyên

Thái-văn-Kiểm (Tân-Việt-Điều)

Trần-tuấn-Khải (Á-Nam)

Trương-bửu-Lâm

Ưng-Trình

Ưng-Bình Thúc-giạ-Thị

Vũ-đức-Trình

Vương-hồng-Sên

Xuân-Việt.

✱ Văn-hóa Nguyệt-san số 38 (năm 1959) có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh, tại Tòa soạn, 266 Công-Lý Saigon, và Nhà Sách Nam-Cường, Tổng phát hành, 185 Đường Nguyễn-Thái-Học, Saigon.

Mỗi số bán lẻ : 24\$

✱ Ngân phiếu mua dài hạn (một năm 10 số giá 240\$) xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-hóa, số 266 Đường Công-Lý, Saigon.

✱ Bài vở xin gửi về Ô. Thái-văn-Kiểm, Chủ bút Văn-hóa Nguyệt-san, địa chỉ như trên.



NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TĨNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

百科雜誌

In tại nhà in VÃN - HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo - SAIGON

TÒA SOẠN :
160, Phan-Đình-Pông — Sài-gòn
Điện thoại : 25.539